

Dịch giả: HT. THÍCH THIÊN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 1

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MÁY ĐIỀU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 1**

**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 –1998**

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiệu Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem

những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, thượng tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÁY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì

thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cổ
Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN MỘT

THÁNH NHÂN KHUYẾN HOÁ

MÃ MINH ĐẠI SĨ

Mã Minh Đại Sĩ, tiếng Phạn gọi là Asvaghosa, người dòng Bà la môn ở nước Tang Kỳ Đa, xứ Đông Thiên Trúc. Sau Phật diệt độ 600 năm, ngài ứng thế xiển dương Phật pháp, nổi danh là bậc đại thừa luận sư.

Các truyền thuyết về ngài có nhiều điểm không đồng. Theo truyện Phú Pháp Tạng, Mã Minh Đại Sĩ xuất gia ở xứ Trung Thiên Trúc, thông suốt các pháp ngoại đạo. Trí tuệ ngài sâu xa, tài biện luận như thác nước tuôn trào, người đương thời khó ai sánh kịp. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Phú Na Dạ Xa, làm vị Tổ thứ mười hai bên Thiên tông, ngài du hóa ở thành Hoa Thị nước Ma Kiệt Đà. Đại sĩ có tạo khúc nhạc nhiệm màu, tên Lại Tra Hòa La, âm điệu thanh nhã cảm thương, tuyên diễn về pháp khô, không, vô thường, vô ngã. Bảy giờ, năm trăm vị vương tử trong thành nghe nhạc ấy, tỉnh ngộ việc đời, bỏ nhà đi tu. Vua trong xứ sợ nhân dân nghe nhạc rồi xuất gia quá nhiều, thế nước sẽ bị suy yếu, nên cấm chỉ không cho lưu hành nhạc khúc ấy. Tương truyền khi Đại Sĩ khảy đàn

thuyết pháp, bày ngựa lắng nghe đều rơi lệ, kêu lên giọng bi thương nên người đương thời mới tôn hiệu là Mã Minh.

Theo luận Thích Ma Ha Diễn, Mã Minh Đại Sĩ nguyên là một vị Cổ Phật, hiệu Đại Quang Minh. Khi ngài ứng tích ở xứ Thiên Trúc, thị hiện làm vị Bồ tát chứng đến ngôi thứ tám Bất Động Địa.

Trong một đời hoằng pháp, Đại Sĩ có trứ thuật nhiều Phật điển. Và quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận, được các học giả đương thời cùng hậu lai ngợi khen là một danh tác. Quyển luận này khái quát các yếu lý đại thừa, chỉ bày đường lối tu tập, kết cuộc có đoạn khuyên cầu sanh về Tịnh Độ như sau:

"Ở thế giới Ta Bà này, các hành giả sợ mình không thể thường gặp chư Phật, để gần gũi nghe pháp cúng dường. Và ngại tín tâm khó được thành tựu e dễ bị thối chuyển. Các chúng sanh ấy nên biết rằng, đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ lòng tin. Đó là nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy nguyện cầu sanh về cõi Tịnh Độ tha phương để thường được thấy Phật, lìa hẳn ba đường ác. Như trong Tu Đa La nói : "Nếu kẻ nào chuyên niệm đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem căn lành mình tu hồi hướng nguyện về cõi ấy, tất sẽ được vãng sanh. Vì thường được thấy Phật, nên không còn lo bị thối chuyển".

Về sau, khi hóa duyên đã mãn, Mã Minh Đại Sĩ gọi Tôn giả Ca Tỳ Ma La đến truyền trao chánh pháp. Xong,

ngài liền an lành nhập định, vào môn Long Phấn Tấn Tam Muội, cả mình bay vượt lên hư không hiện ra tướng nhật luân sáng rõ. Rồi liền hạ xuống trở về bản vị và nhập Niết Bàn.

LONG THỌ ĐẠI SĨ

Long Thọ Đại Sĩ, tiếng Phạn gọi là Nàgàrjuna người dòng Phạm chí, ứng thế ở xứ Nam Thiên Trúc, sau Phật diệt độ bảy trăm năm. Tương truyền ngài sanh dưới cây A Châu Đà Na, cây này có năm trăm vị Long thần ở, lại nhờ Long Vương Bồ Tát mà thành đạo, nên lấy hiệu là Long Thọ.

Trong quyển Tam Bảo Cảm Ứng Lục có trích dẫn: "Theo kinh Kim Cang Chánh Trí, thì thời quá khứ, ngài Mã Minh đã thành Phật, hiệu là Đại Quang Minh Như Lai. Ngài Long Thọ hiệu là Diệu Vân Tướng Như Lai. Lại theo kinh Đại Trang Nghiêm Tam Muội, ngài Mã Minh là vị Cổ Phật hiệu Nhật Nguyệt Tinh Minh. Ngài Long Thọ là Diệu Vân Tự Tại Vương Phật". Truyện Phú Pháp Tạng cũng nói về ngài như sau : "Bản vị nguyên là Phật Diệu Vân. Ứng tích ở ngôi Hoan Hỷ Địa". Truyền ký về ngài có nhiều điềm thần kỳ, như việc mở Thiết tháp ở Nam Thiên Trúc học về Mật giáo; được Đại Long Bồ Tát đem vào hải cung đọc kinh Hoa Nghiêm và các kinh điển đại thừa. Vì

thế, ngài một thân mà kiêm làm Tổ sư của tám tông phái Phật giáo.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Ca Tỳ Ma La, làm vị Tổ thứ bốn bên Thiên tông. Long Thọ Đại Sĩ đi hoằng hóa các nơi và có trứ thuật nhiều bộ luận. Trong luận Tỳ Bà Sa của ngài viết, có đoạn khen ngợi về Tịnh Độ như sau:

Nếu người muốn thành Phật
Xưng niệm A Di Đà
Ứng thời vì hiện thân
Nên nay con quy mạng.
Do sức nguyện Phật kia
Mười phương chư Bồ Tát
Đến nghe pháp cúng dường
Nên con cúi đầu lễ.
Các Bồ Tát cõi ấy
Đầy đủ những tướng hảo
Thân đẹp tự trang nghiêm
Nên con lạy quy y.
Chư Bồ Tát Cực Lạc
Mỗi ngày trong ba thời
Cúng dường Phật mười phương
Nên con cúi đầu lạy.
Nếu người trồng căn lành
Nghĩ thì hoa không nở
Kẻ lòng tin thanh tịnh
Hoa nở được thấy Phật

Hiện tại Phật mười phương
Dùng các thứ nhân duyên
Khen công đức Di Đà
Nên con quy mạng lễ.
Cõi Cực Lạc nghiêm đẹp
Mầu nhiệm hơn thiên cung
Công đức rất sâu dày
Nên con lễ chân Phật.

Ngài lại tạo bộ luận Đại Trí Độ, trong đoạn khai thị về pháp môn Tịnh Độ có dạy: "Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và những tội đời trước. Các pháp tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, không thể trừ được nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân, không thể trừ nghiệp dâm. Có môn trừ được nghiệp si, không thể trừ dâm, sân. Có môn trừ được ba độc tham, sân, si, không thể trừ các tội đời trước. Môn Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và các thứ tội chướng. Lại nữa, Niệm Phật tam muội có phước đức lớn, hay độ chúng sanh. Chư Bồ Tát muốn mau diệt tội chướng, được nhiều phước đức, sớm độ chúng sanh, không chỉ hơn tu môn Niệm Phật tam muội ...

Hỏi: Bồ Tát phải thường ở cõi trần lao để giáo hóa chúng sanh, sao lại nguyện sanh về Tịnh Độ?

- **Đáp:** Nếu chưa vào Vô sanh nhẫn của Bồ Tát vị, chưa được thọ ký, chưa đến ngôi Bất thối chuyển, mà xa lìa chư Phật, tất sẽ chìm trong biển phiền não, hư mất hết

các căn lành! Như thế, đã không thể độ mình, làm sao độ chúng sanh được? Ví như kẻ dùng chiếc thuyền không bền chắc để đưa người, khi gặp sóng to gió lớn, tất thuyền sẽ bị hư rã, mình và người đều chết đắm. Lại như người đem ấm nước sôi đổ vào ao băng tuyết, muốn cho ao băng tuyết tiêu tan, ban sơ chỉ tan được chút ít, kết cuộc chính nước sôi ấy sẽ trở thành băng tuyết. Bồ Tát chưa vào Vô sanh pháp vị mà xa lìa chư Phật cũng lại như thế! Nếu Bồ Tát chưa đủ nhẫn lực, chưa đủ phương tiện, muốn dùng chút ít công đức để ra hóa độ chúng sanh, sự lợi ích tuy có đôi phần, nhưng trái lại chính mình sẽ bị đọa lạc ...

- Lại nữa, nếu Bồ Tát mắt thường thấy sắc tướng của Phật, tai thường nghe âm thanh Phật nói, thì tâm sẽ được thanh tịnh, được pháp lạc, được trí tuệ lớn, kẻ đó y theo lời dạy tu hành, tất sẽ mau giải thoát. Gặp Phật được vô lượng sự lợi ích như thế, tại sao không nhất tâm cầu về cõi Phật? Như trẻ thơ không nên rời mẹ, người đi xa không rời lương thực, lúc nóng bức không rời gió nước trong mát, tiết nghiêm hàn không rời sưởi ấm, sang sông không rời thuyền câu, đau bệnh không rời thuốc hay; Bồ Tát không rời chư Phật còn quá hơn các việc như trên. Tại sao thế? Bởi dù là cha mẹ, hàng thân thuộc, bậc thiện tri thức, ngôi vua chúa, hay các đấng thiên vương, cũng không thể làm lợi ích cho chúng sanh bằng Phật. Chư Phật có đủ năng lực đưa loài hữu tình lìa các cảnh khổ, lần lần tiến lên ngôi vị Thế Tôn...

- **Hỏi:** Làm thế nào để thường được gần gũi chư Phật?

- **Đáp:** Chúng sanh luân hồi từ vô thủy kiếp, tạo vô lượng tội chướng nhân duyên. Cho nên, dù có tu phước đức, trí tuệ vẫn kém ít, dù có tu trí tuệ, phước đức cũng không được bao nhiêu. Bồ Tát khi cầu Phật đạo, cần phải thực hành sanh nhẫn và pháp nhẫn. Do thực hành sanh nhẫn, đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi hỷ xả, nên diệt được tội chướng trong vô lượng kiếp, sanh vô thượng phước đức căn lành. Do thực hành pháp nhẫn, nên phá hết các vô minh về pháp chấp, sanh vô lượng trí tuệ. Nếu hai hạnh ấy được hòa hiệp, thì đời đời không xa rời chư Phật.

Lại một hạnh: "Ví như chúng sanh tâm dục nặng; thì đọa làm thân dâm điều; tâm sân nặng thì thọ sanh trong loài độc trùng. Nếu kẻ nào thường niệm Phật, ưa thích cõi Phật, không tham phước báu cõi nhơn thiên, tất sẽ tùy tâm mến trọng của mình, quyết được sanh về Tịnh Độ, thường gần gũi chư Phật...".

Về sau, ngài Long Thọ phú pháp cho Tôn giả Ca Na Đề Bà, rồi nhập định như con ve bỏ xác mà hóa.

Trong kinh Lăng Già, về ngài Long Thọ, đức Phật đã có lời huyền ký với Đại Huệ Bồ Tát rằng:

Đại Huệ ông nên biết
Chúng sơ Hoan hỷ địa
Đời vị lai sẽ có
Sau khi ta Niết Bàn
Tôn hiệu là Long Thọ

Tỳ kheo danh đức lớn
Duy trì pháp của ta
Ở nước Nam Thiên Trúc
Trong thế gian hiển ngã
Phá các tông Hữu, Vô.

Như thế, ngài Long Thọ ứng tích là bậc Sơ địa Bồ Tát bi trí rộng sâu, một thân làm Tổ sư của tám tông, mà vẫn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ.

THIÊN THÂN LUẬN SƯ

Luận sư Thiên Thân, tên dịch là Thế Thân, tiếng Phạn tên Vasubandhu (Bà Tu Bàn Đầu), người nước Phú Lũ Sa Phú La. Ngài ra đời ở Ấn Độ sau Phật Niết Bàn chín trăm năm tại vùng Bắc Thiên Trúc.

Ban sơ, luận sư xuất gia tu theo phái Tát Bà Đa ở nước A Du Xà, nghiên cứu về tiểu thừa giáo. Trong thời gian này, ngài viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương giáo pháp tiểu thừa, bác phá đại thừa. Sau nhờ trưởng huynh là luận sư Vô Trước khuyến hóa, ngài cảm ngộ hối sự làm lỗi của mình, muốn cắt lưỡi để tạ tội. Vô Trước can ngăn bảo : "Em đã đem lưỡi ấy hủy báng đại thừa, nay cũng nên dùng lưỡi ấy để tán dương đại thừa mới là điều hợp lý. Nếu cắt bỏ đi thì có ích lợi gì đâu !". Ngài nghe lời từ đó chuyên tinh nghiên cứu về đại thừa giáo, rồi viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương pháp sâu rộng của đại thừa. Do đó, ngài

nổi danh về bậc trí tuệ bao la, biện thuyết uyên bác, và được người đương thời tôn xưng là Thiên Bộ Luận Sư.

Ngài có viết ra quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng gọi là Vãng Sanh Luận, khai thị về pháp môn Tịnh Độ, phần đầu dùng lời kệ khen ngợi rằng:

Thế Tôn! Con một lòng
Quy mạng mười phương Phật
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sanh về Cực Lạc.
Xin nương theo nghĩa kinh
Tướng công đức chơn thật
Nói kệ, nguyện tông trì
Hợp với lời Phật dạy.
Quán tướng thế giới kia
Siêu thắng hơn ba cõi
Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không ngăn mé.
Đạo chánh, đại từ bi
Căn lành xuất thế sanh
Ánh tịnh quang đầy khắp
Sáng hơn gương nhật, nguyệt
Đầy các tánh trân bảo
Đủ sự trang nghiêm màu
Ánh vô cầu rực rỡ
Sáng sạch soi thế gian.
Cỏ công đức chất báu

Mềm dịu xoay bên hữu
Xúc chạm sanh vui đẹp
Hơn lông Chiên lân đà.
Hoa báu ngàn muôn loại
Đầy khắp mặt suối ao
Gió nhẹ động cánh hoa
Ánh sáng giao xen lẫn
Các lầu đài, cung điện
Hiện bóng cảnh mười phương
Cây tạp, ánh sắc lạ,
Lan can báu vây quanh
Khắp hư không màn lưới
Vô lượng báu giao xen
Linh ngọc khua vang tiếng
Diễn nói pháp âm mâu
Mưa áo, hoa nghiêm đẹp
Tỏa vô lượng hương thơm
Phật huệ như nhật rạng
Trừ si ám thế gian.
Phạm âm ngộ sâu xa
Nhiệm mâu vang khắp cõi.
Đấng chánh giác Di Đà
Pháp vương khéo trụ trì
Tịnh chúng như hoa sạch
Hóa sanh từ đại giác.
Ưu thích pháp vị mâu

Thiền định làm thức ăn
Lìa hẳn não thân tâm
An vui hằng tự tại.
Cõi căn lành đại thừa
Không điều chi hềm chê
Không có kẻ căn thiếu
Người nữ, giống Nhị thừa.
Chỗ chúng sanh ưa thích
Tất cả đều đầy đủ
Nên con nguyện vãng sanh
Về cõi Phật Di Đà.
Đấng Bảo Vương Vô Lượng
Ngồi đài hoa sạch màu
Tướng đẹp, ánh rực rỡ
Sắc tượng vượt muôn loài.
Như Lai tiếng vi diệu
Phạm âm vang mười phương
Cùng tứ đại, hư không
Hòa lẫn không phân biệt.
Chúng trời người bất động
Từ biên tịnh trí sanh
Như núi chúa Tu Di
Tướng đẹp màu tốt bậc
Tịnh chúng đều cung kính
Vây quanh chiêm ngưỡng Phật
Sức bản nguyện Thế Tôn

Chân thật không chi hơn
Khiến quần sanh mau đầy
Biển công đức báu lớn.
Cõi Cực Lạc thanh tịnh
Thường chuyển Vô cấu luân
Chư hóa Phật, Bồ Tát
Đầy, sáng như Tu Di.
Mỗi thời đến mỗi niệm
Ánh vô cấu trang nghiêm
Chiếu khắp các Phật hội
Làm lợi ích quần sanh.
Mưa nhạc trời, áo, hoa
Cùng hương màu cúng dường
Khen công đức chư Phật
Không còn tâm phân biệt.
Thế giới nào không có
Báu công đức Phật pháp
Con nguyện đều vãng sanh
Tuyên dương pháp như Phật.
Con viết luận nói kệ
Nguyện thấy A Di Đà
Nguyện cùng khắp chúng sanh
Đồng sanh về Cực Lạc.
Toàn quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận phát huy về sự
lợi ích trang nghiêm ở cõi Tịnh Độ rất rõ ràng. Về sau

Pháp sư Đàm Loan đời Ngươn Ngụy có chú thuật thêm, khiến cho càng tăng phần đặc sắc.

Theo truyện Phú Pháp Tạng: Thiên Thân Luận sư, tức Tôn giả Bàn Tu Bàn Đầu là vị Tổ thứ hai mươi một của Thiên tông bên cõi Tây Thiên. Khi hóa duyên đã mãn, ngài gọi Tôn giả Ma Na La đến bảo: "Nay ta đem pháp mâu vô thượng phú chúc cho ngươi. Ngươi hãy cố gắng mà hộ trì". Nói xong, liền vào định mà nhập Niết Bàn.

GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

Đời nhà Minh, niên hiệu Sùng Trinh thứ mười sáu, có Bồ Tát dùng phương tiện giảng thần ở Ngô Môn, tự xưng là Giác Minh Diệu Hạnh, thường khuyên dạy về Phật pháp. Đến năm Thuận Trị thứ tư đời nhà Thanh, do nhân duyên trước, ngài lại giảng đàn, tùy cơ nói pháp, khai diễn về môn Tịnh Độ. Trước tiên, Bồ Tát dùng lời kệ khai thị rằng:

Pháp yếu của chư Phật
Nhiệm mầu chẳng nghĩ bàn !
Bởi pháp chẳng nghĩ bàn
Không thể diễn hết ý
Đấng cha lành Mâu Ni
Thương xót khắp quần sanh
Nói chỗ không thể nói
Đặt kẻ trước người sau.

Lại dùng phương tiện lạ
Chỉ rõ cõi Cực Lạc
Bảo phát nguyện vãng sanh
Vượt ngang ba đường ác.
Bởi Phật A Di Đà
Nguyện lớn nhiếp muôn loài
Như nghe danh thọ trì
Quyết sanh không còn nghi.
Nếu người có đại lực
Tâm niệm thường chuyên nhất
Thành tựu tam muội sâu
Đường Tây Phương như tin
Nay ta y thánh giáo
Tâm niệm thường chuyên nhất
Thương các người mê lầm
Hiện tiền cũng thấy Phật
Đây chẳng phải duyên nhỏ
Sắp diễn pháp lợi sanh.

Lúc ấy các tín hữu trong đàn đều cung kính chấp tay yên lặng. Bồ Tát lại dạy tiếp:

- Các người nên biết, môn niệm Phật đây đích thật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát thẳng tắt nhất của hàng nhơn thiên. Nay các người tuy có lòng tin, tuy thực hành hạnh niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng nếu tâm nguyện không chí thiết, thì chẳng khác chi người đi biển gặp được châu báu mà lần lựa về tay không, tất cũng

luồng nhọc công vô ích ! Thuở xưa, nếu ta không nhờ tâm nguyện chí thiết, thì đâu được như ngày hôm nay.

Đời Minh Đế nhà Tấn, ta nguyên là một người bần dân. Trong cảnh quá nghèo khổ, duyên may được nghe biết Phật pháp, ta phát đại nguyện rằng: "Con vì túc nghiệp nên mới chịu quả báo khổ cực này. Nếu hiện đời con không được thấy Phật A Di Đà, được sanh về cõi Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù cho xả thân, nguyện không thôi chuyển". Phát thệ rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh nhớ niệm không thôi nghỉ, liền được tâm khai, thấy Phật A Di Đà tướng tốt rực rỡ, ánh sáng soi khắp mười phương. Lúc ấy, trước Phật ta được nhờ ân thọ ký. Đến năm bảy mươi lăm tuổi, ta ngồi niệm Phật thoát hóa, vãng sanh về Tây Phương. Sau khi đắc quả, bởi nguyện độ sanh sâu nặng, ta trở lại cõi này tùy phương hiển hóa. Từ đó, hoặc thị hiện làm thân tỳ kheo, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm vua, hoặc làm quan, hoặc làm người nữ, hoặc làm kẻ ăn xin, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc thuận hoặc nghịch; đều tùy duyên nói pháp, dẫn dắt người mê. Nay ta lại vì các người chỉ rõ lẽ chánh tà, mở bày môn Tịnh Độ. Các người phải một lòng một ý, bền tu pháp môn này, quyết định sẽ được lợi ích lớn, không còn sợ lầm lạc ! Nếu kẻ nào tâm chí bền chắc, thì không đợi sau khi vãng sanh, mà trong đời hiện tại cũng được thấy Phật. Hãy ghi nhớ bài kệ sau đây của ta mà tu tiến :

Nói ít một câu chuyện

Niệm nhiều một câu Phật
Đánh chết được vọng niệm
Hiện pháp thân chân thật.

Một tín hữu thưa :

Bạch ngài! Con niệm Phật không được nhất tâm, chẳng biết phải dùng phương tiện nào ?

Bồ Tát dạy :

Người nên ngồi yên lặng, dứt hết mọi tư tưởng, từ từ mà niệm. Điều cốt yếu phải làm sao cho tiếng hợp với tâm, tâm hòa cùng tiếng, niệm lâu như thế, tự nhiên sẽ thấy lòng mình trong lặng. Chừng ấy tâm cảnh chiếu sáng, dứt sự đối đãi, chúng vào Niệm Phật tam muội. Nhưng nên nhớ lúc bình nhật cần phải niệm nhiều, từ ngàn cho đến số muôn câu tâm không gián đoạn, thì căn khí mới dễ thành thực. Nếu cưỡng ép muôn cho tâm mau qui nhất, tất trọn không thể được nhất tâm.

Một tín hữu khác lại thưa:

Bạch Bồ Tát! Thế nào là nghĩa: Tâm hành xứ diệt?

Ngài dạy:

- Tâm hành xứ diệt là chỗ tuyệt đãi, không còn dấu vết của niệm phàm Thánh, là chân tâm thường trú của Phật. Còn tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm hoặc thiện hoặc ác trong vòng sống chết luân hồi của chúng sanh. Vọng tâm này nối tiếp nhau không xen hở. Nếu khi niệm Phật người gia công miên mật, không còn mảy may tạp vọng, mới mong được đôi phần tương ứng.

Phải dè dặt, đừng có vừa thật hành được nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã khổ công tu niệm. Nên biết ý nghĩ tự đắc ấy, chính là chỗ chướng đạo! Lại tuy có gia công, nhưng nếu niệm lực chưa được vững như non đồng vách sắt, xô không ngã, lay chẳng động, thì sức niệm vẫn chưa thành một khối. Phải tu tập liên tục, đừng nên thấy có chút ảnh hưởng liền dừng nghỉ. Đó là lỗi "Bán đồ nhi phế" khiến cho công phu trước luống uổng, không được mảy may lợi ích chi. Đây là căn bệnh lớn của người học đạo, cần phải lưu ý. Nên biết rằng: Phật pháp như bể cả, càng vào càng rộng sâu, quyết không thể dùng chút ít tri kiến mà thấu hiểu hết được. Sự tu tập cần phải trọn đời, dụng công đến chỗ non cùng nước tận, chớ có quan niệm xem thường!

Khi ấy, ông Cố Định Thành đứng lên xin thỉnh giáo thêm về phương thức niệm Phật.

Ngài bảo:

- Nay thiện nam tử ! Tâm thể vốn ly niệm, vọng niệm từ tư tưởng mà sanh. Tư tưởng ấy nguyên giả dối, khiến cho người lưu chuyển trong vòng sanh tử. Người nên biết một câu A Di Đà Phật đây, chẳng từ tư tưởng mà sanh, không theo niệm mà có, chẳng trụ trong ngoài, không có hình dáng.

Niệm như thế nào thì dứt các vọng tưởng, cùng với chân thân nhiệm mầu thanh tịnh của Như Lai, chẳng đồng chẳng khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì phiền

não trần lao không dứt không buộc, chỉ là nhất tâm. Được thư thế mới gọi là CHẤP TRÌ DANH HIỆU, mới gọi là nhất tâm bất loạn. Chừng ấy công tịnh nghiệp thành tựu, bước thẳng lên ngôi thượng phẩm. Nay người nên phát nguyện lớn, cầu sanh về Cực Lạc, rồi chí thành cảm thiết xưng niệm A Di Đà Phật. Phải quyết ý khiến cho tiếng nương theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm cùng tiếng hợp nhau. Dụng công như thế lâu ngày không để sơ thất, chăm chú như mèo rình chuột, tất sẽ được vào Chánh ức niệm tam muội. Nếu muốn tu tiến thêm, phải tham cứu nhiều hàng tri thức, rộng hỏi các bậc cao minh, tất sẽ tỏ ngộ được ý mầu TỨC TÂM TỨC PHẬT.

Kế tiếp cư sĩ Vô Hủ thưa thỉnh:

- Bạch ngài ! Xin từ bi chỉ dạy cho con phần khái yếu về sự tu tập. Từ lúc bình nhật cho đến khi lâm chung, con phải hành trì như thế nào ?

Bồ Tát nói :

- Đại để người tu tịnh nghiệp khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc khởi cư ăn uống, đều nên hướng về phương Tây. Như thế cơ cảm mới dễ thành, căn cảnh mới dễ thực. Trong thất chỉ nên cúng một tượng Phật, một pho kinh, một bàn thờ, một lư hương, một bàn, một ghế, chẳng nên để nhiều đồ vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn trồng trái sạch sẽ để đi kinh hành niệm Phật cho thuận tiện. Nên giữ tâm mình vắng lặng không vướng một mảy tơ, muôn niệm đều quên, trong không thấy thân, ngoài không biết cảnh. Cũng

không nghĩ đến hành động hôm nay của ta đây là việc tu hành. Như thế thì cùng với đạo ngày càng gần, với đời ngày càng xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp. Nếu lúc bình thời người rủ sạch được muôn duyên, một lòng niệm Phật; thì khi lâm chung mới có thể không còn quyến luyến đến gia đình sự nghiệp, vui vẻ thanh thoát mà đi. Đây há chẳng phải là tác phong của bậc đại trượng phu ư ! Ta bảo như thế là muốn cho người chuyên chí tu hành, không còn vướng bận điều chi. Và đây chính là điều kiện rất quan trọng, thiết yếu !

Đến như pháp tu Tịnh Độ, vẫn không ngoài hai chữ Chuyên và Cần. Chuyên thì không quản đến việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút giây.

Từ nay mỗi sáng sớm thức dậy, sau khi lễ Phật, người nên tụng một quyển kinh A Di Đà, rồi tùy sức niệm Phật. Kế đó quỳ đọc bài văn "Một lòng Quy mạng .. để phát nguyện hồi hướng, vì bài văn ấy lời giản dị mà ý đầy đủ. Ban sơ thân tâm chưa yên, mỗi ngày chỉ khóa tụng hai thời, kế đó thì tăng lên đến bốn thời, nếu có thể, lên đến sáu thời. Ngoài ra thì niệm thả không ký số, hoặc niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, chỉ nhiếp tâm chuyên nhớ mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu, rành rẽ rõ ràng, tâm và tiếng hòa hợp nương nhau, không xen lẫn mảy may tư tưởng tạp vọng. Niệm như thế lâu ngày, công lực sẽ tự thành thực, quyết định được sanh về cõi Liên

Bang. Chừng ấy ngòi tòa sen báu lên Bất thối luân, tự tại giải thoát, há chẳng phải là điều đáng hoan hỷ ư ? Nên cố gắng ! Cố gắng !

Bồ Tát giảng thần thuyết pháp, trước sau kể có hai mươi bốn hội. Các đệ tử của ngài là bọn ông Thường Nhiếp thay phiên ghi chép, kết hợp thành bộ Tây Phương Xác Chỉ, khắc bản lưu truyền.

Lời phụ :

Phần Thánh nhưn khuyến hóa, gồm có sự tích và lời dạy của chư Thánh: -Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni, đức Đạo Sư A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kỳ Bà Ca Tôn Giả, Mã Minh Đại Sĩ, Long Thọ Đại Sĩ, Thiên Thân Luận Sư, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Trong đây, vì chọn phần giảng yếu, bút giả chỉ diễn dịch lại sự và lời của bốn vị sau cùng mà thôi. Để kết thúc phần này, Ấn Quang pháp sư có ghi lời bình chú như sau:

Kinh Duy Ma nói: "Tuy biết các cõi Phật. Cùng chúng sanh đều không. Mà thường tu Tịnh Độ. Để giáo hóa quần sanh".

Sở dĩ như thế, vì các bậc đại thừa Bồ Tát không vị nào chẳng lấy tâm Bồ Đề làm căn bản, và tu Tịnh Độ làm trang nghiêm. Bởi nếu không như thế, thì chẳng làm sao đầy đủ mười hạnh nguyện Phổ Hiền được.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói : "Các bậc đại Thanh Văn vì không tán dương công đức thanh

tịnh của mười phương Tịnh Độ, vì không khen ngợi các sự thần biến của chư Phật Thế Tôn, vì không được các trí tuệ thần thông nghiêm tịnh cõi Phật, nên nơi hải hội Hoa Tạng Hoa Nghiêm tuyệt không nghe không thấy".

Thế thì biết, nếu hàng phàm phu nào có thể phát tâm trong sạch, hồi hướng về Tịnh Độ, tất công đức sẽ hơn các bậc đại Thanh Văn kia quá bội trăm ngàn muôn ức lần. Kẻ ấy quyết định mau được vào cảnh giới Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị.

Cũng trong kinh Hoa Nghiêm, đức Văn Thù Sư Lợi bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng các bậc Đại thiện tri thức. Trước tiên, Đồng tử tham học với ngài Đức Vân được nghe dạy về pháp môn Niệm Phật. Sau rốt, khi Thiện Tài đến thừa thỉnh, Phổ Hiền Bồ Tát cũng đem mười đại nguyện vương khuyên ngài và tất cả đại chúng ở Hoa Tạng thế giới, gồm năm mươi một giai vị: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều nên phát tâm tu mười đại nguyện vương ấy, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Xem đây thì biết, môn Tịnh Độ cao thâm bao quát đến ngàn nào ! Tiếc thay cho những vị chỉ biết giảng triết lý thiên không, cao đàm luận vô tướng, rồi xem thường chê bai người niệm Phật. Những vị ấy trí tuệ quả thật có hơn đức Văn Thù, Phổ Hiền chăng ?

PHẦN HAI LIÊN TÔNG CHƯ TỒ

HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG SỞ TỒ)

Huệ Viễn Đại sư họ Cồ, nguyên quán xứ Lô Phiền ở Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngài sanh tại Thạch Triệu, năm Giáp Ngọ, vào niên hiệu Diên Hy đời vua Thành Đế nhà Tấn. Cả song thân đều khuyết danh.

Thuở ấy, còn gọi là thời Ngũ Hồ, mặc dù có nhiều vương, nhưng các tư tưởng học thuyết Thánh Hiền lan rộng đã lâu, nên từ bé ngài đã thấm nhuần nề nếp thuần phong đạo đức.

Niên hiệu Hàm Hòa thứ 9, ngài lên mười ba tuổi, được song thân cho du học ở miền Hứa Lạc. Không bao lâu, từ Nho giáo đến các học thuyết Lão, Trang cùng Bách gia chư tử, ngài đều đã thông biện đến mức siêu quần.

Trong niên hiệu Cảnh Bình, vừa 21 tuổi, cảm thấy các học thuyết sở đắc của mình không thể giải quyết được vấn đề sống chết luân hồi, mà trong tâm hằng thao thức, ngài cùng ẩn sĩ Phạm Tuyên Tử định du phương tìm đạo. Nhưng lúc ấy vì có loạn Thạch Hồ đường giao thông bị trở ngại nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, có Đạo An pháp sư, trú tại chùa Nghiệp Trung ở núi Thái Hàng thuộc dãy Hằng Sơn, vân tập tăng

chúng giảng dạy kinh điển, các hàng đạo tặc, vua quan, sĩ thứ đều cảm hóa hướng về. Ngài nghe danh mến đức; tìm đến xin quy y, nương theo tu học.

Sau khi nghe pháp sư giảng xong kinh Bát Nhã, ngài suốt thông tỏ ngộ than rằng: "Phật Pháp quả thật cao diệu bao la, xét lại học thuyết của Khổng, Mạnh, Lão, Trang, khác nào như tro tàn cặn bã!". Từ đó, ngài chuyên tâm hôm sớm đọc tụng, suy nghĩ, tu tập. Đạo An thấy biết khen ngợi: "Về sau Phật Pháp lưu thông ở Đông Độ, âu là do Huệ Viễn này chăng? "

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 6, đại sư du hóa đến Tầm Dương, thuộc Tỉnh Giang Tây, xa trông cảnh Lô Sơn rộng rãi thanh tú, phải nơi hành đạo, mới đến lập tinh xá nương ở. Thấy chỗ đó thiếu nước, vả lại bấy giờ tại bản xứ gặp cơn nắng hạn, các dòng suối đều cạn khô, ngài phát tâm từ bi đến khe núi tụng kinh Hải Long Vương; cảm tích trượng động xuống đất khẩn nguyện. Bỗng có con Bạch Long từ dưới đất bay vọt lên hư không. Giây phút mưa to xối xả, mực nước các nơi đều trở lại bình thường, tại đó xuất hiện dòng suối mát mẻ trong xanh, quanh co tuôn chảy. Vì hiện tượng này, ngài lấy hiệu tinh xá là Long Tuyên. Lúc ấy pháp sư Huệ Vĩnh, một bạn đồng môn, trước đã trụ chùa Tây Lâm bên phía tây Lô Sơn, muốn mời ngài về cùng ở. Nhưng pháp duyên của Huệ Viễn đại sư thành, học giả nương về ngài càng ngày càng đông, cảnh Tây Lâm đất hẹp không thể lập đạo tràng dung

chúng. Quan Thái Sử Hoàn Y thấy thế, phát tâm cất chùa cho ngài bên phía Đông Lô Sơn. Do uy đức của đại sư, khi sắp khởi công kiến tạo, vào một đêm nọ bỗng có cơn mưa giông to lớn, sấm sét vang trời. Sáng ra, đại chúng thấy vật liệu xây cất, như các thứ gỗ to quý và cát đá chất thành đống. Bởi nhờ sức thần linh vận chuyển giúp công như thế, nên ngôi chùa ấy có tên Đông Lâm Thần Vận Tự.

Khi ngôi lan nhã hoàn thành, đại sư đốc suất chúng ngày đêm tinh tấn hành đạo. Trước thời gian ấy, tại Quảng Châu có các ngư dân, vào buổi hoàng hôn, thấy ánh sáng xuất hiện trên mặt biển. Họ cùng đến tìm xem, và vớt được một tôn tượng Văn Thù Bồ Tát rất đẹp, liền đem trình với quan Thái thú sở tại là Đào Khả. Tượng này được tôn trí tại chùa Hàn Khê. Sau đó, vị trụ trì nhân có việc xuống Hạ Khẩu, ban đêm mộng thấy ngôi bản tự bị hỏa hoạn, chỗ thờ đức Văn Thù có nhiều Long thần ủng hộ vây quanh. Ông vội vã trở về, quả thật ngôi chùa đã bị lửa thiêu tàn rụi, chỉ có pho tượng là còn nguyên. Về sau Đào Công sắp đi trấn nhậm nơi khác, nhân thấy tôn tượng rất linh thiêng muốn đem theo, nhưng dùng đủ mọi cách mà vẫn không di chuyển được. Nghe danh đức của ngài Huệ Viễn, ông đến viếng thăm, nhân tiện thuật lại mọi việc, và nhờ đại sư chú nguyện để cung thỉnh tôn tượng về thờ tại chùa Đông Lâm. Lần này, khác hơn trước, Long Thiên đều ủng hộ, một cơn gió nhẹ thổi đến, làm cho tôn tượng bỗng nhiên lay động, cuộc di chuyển rất thuận tiện

dễ dàng. Tượng được tôn trí một nơi trang nghiêm riêng biệt tại Đông Lâm, gọi là Văn Thù Các.

Trước chùa, để cảnh trí thêm phần trang nhã và muốn phân định thời khắc, đại sư cho đào ao trồng hoa sen trắng, trên mặt nước thả mười hai cánh sen gỗ, dẫn nước suối ra vào. Cứ mỗi giờ nước chảy đầy qua cánh sen gỗ. Đại chúng y theo đó định thời khóa tu hành, gọi là Liên Lộ.

Lần lượt, các bậc cao tăng, những hàng danh sĩ, mên đạo phong của Huệ Viễn đại sư, đến xin dự chúng tu tập, mỗi ngày thêm nhiều. Trong đây có những vị lỗi lạc tài hoa, như nhóm ông Tạ Linh Vận, trước kia thường nhìn thiên hạ bằng đôi mắt trắng. Nhưng khi gặp đại sư, bỗng liền đổi thành thái độ khiêm cung trước đạo phong an điềm giải thoát, và lời luận biện cao nhã thông suốt của ngài.

Khu vực Lô Sơn có rất nhiều rắn độc, từ trước đã làm nguy hại đến tánh mạng dân cư ở vùng ấy. Nhưng từ khi có chùa Đông Lâm, các loài rắn dữ đều trở nên hiền lành, ngày lẫn đêm thường vây quanh đại sư để nghe giảng kinh. Bởi trường hợp này, đại sư được người đương thời tôn hiệu là "Bích Xà Thánh Giả".

Thỉnh thoảng lại có những bậc danh tài bá lâm, tìm đến vấn nạn ngài. Trong ấy đại đế như pháp sư Huệ Nghĩa, cho đến quan Thái úy Hoàn Huyền. Nhưng khi tiếp kiến, gương mặt rộng rãi uy nghiêm, phong thái trầm tĩnh

tự tại của đại sư, các vị ấy bỗng nhiên mất tự chủ xuất hạn đầm đìa, rồi rút lui không dám tranh biện. Ra ngoài họ đều kinh ngạc than thở: "Huệ Viễn đại sư có uy lực nhiếp chúng rất lạ lùng, thật đáng nể phục!".

Niên hiệu Long An thứ ba, và đầu năm Nguyên Hưng đời Đông Tấn, quan Phụ chính Hoàn Huyền lần lượt gửi cho ngài hai văn kiện bãi đạo và thanh lọc hàng ngũ xuất gia. Nội dung của văn kiện gồm nhiều lý lẽ đề cập đến việc không lợi ích cho quốc gia, và sự hoang đường thiếu thiết thực của Phật Giáo. Thời gian ấy, tầng chúng trong toàn quốc bị đạo luật này chi phối, nhiều vị phải hoàn tục. Đại sư đều tuân tự phục đáp bằng lời lẽ vững mạnh thích đáng, khiến cho đạo luật đó không thể ứng dụng được tại tỉnh Giang Tây.

Trong niên hiệu Nghĩa Hy, An Đế từ Giang Lăng xa giá đến Giang Tây, Trấn Nam tướng quân Hà Vô Kỵ yêu cầu ngài đích thân tiếp đức vua. Đại sư lấy cớ đau yếu từ khước không bái yết. Đến năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền lại gửi văn thư cho ngài, với nhiều lý luận bắt buộc hàng sa môn phải lễ bái quốc vương. Đại sư soạn văn thư phúc đáp, và quyển Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận gồm năm thiên để hồi âm. Triều đình đều nể trọng và phải chấp nhận quan điểm của ngài.

Đạo đức, sự linh cảm, và công hộ trì Phật pháp của đại sư còn rất nhiều, nơi đây chỉ thuật lại phần khái quát.

Những điểm này trong vô hình đã khiến cho tỉnh Giang Tây biến thành trung tâm Phật hóa tại miền Nam.

Ở Đông Lâm, nhân khi rời rảnh, đại sư họp chúng lại bảo: "Chư vị đến đây niệm Phật, phải chăng đều cùng quyết chí gieo nhân lành cầu về Tịnh Độ ư?". Nhân cơ duyên đó, ngài cùng đại chúng cho mời thợ khéo chiếu y theo kinh điển, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh. Ba tôn tượng A Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí khi tạo thành, rất cao lớn tươi đẹp, có đủ nét tướng uy đức trang nghiêm. Tượng Tam Thánh ấy được phụng cúng ở Bát Nhã Đài tại Đông Lâm. Vào tiết Mạnh Thu năm Mậu Thìn, nhằm ngày lạc thành tôn tượng, đại sư cùng tất cả chúng kết lập Bạch Liên Xã, nguyện đồng sanh về cõi Liên Bang. Khi ấy, ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Các danh sĩ như nhóm ông Vương Kiêu Chi lại viết thành tập thơ, lấy tên Niệm Phật Tam Muội để tỏ bày ý chí. Đại sư vì làm lời tựa như sau:

"Tam muội là thế nào?" Chính là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên, thì chí một tâm đồng. Tưởng lặng, thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí soi ngộ đến lý nhiệm màu. Thần sáng thì không chỗ u vi nào chẳng thấu. Hai điểm này tự nhiên thâm hợp nương về, mà phát sanh ra diệu dụng.

Lại các môn Tam muội, danh mục rất nhiều, công cao dễ tu, Niệm Phật là thắng. Tại sao thế? Vì cùng nơi huyền tịch, mới hiệu Như Lai, thể hợp với thần, mười phương

ứng hiện. Thế nên, khi vào tam muội, lạng lẽ vong tri, trí sáng chiếu cảnh duyên, gương lòng bày muôn tượng. Chỗ mắt tai không đến được, mà vẫn thấy vẫn nghe. Nơi linh trí lạng sáng thanh, nên hằng thông hằng suốt. Nếu chẳng phải bậc căn cơ linh mẫn, thì làm sao vào được cảnh diệu huyền ư?

Hôm nay, cùng chư hiền tu tập, đồng nương kết pháp duyên. Rửa lòng cửa Phật, những e còn kém duyên sen. Chuyên ý sớm hôm, cảm nỗi thánng ngày chẳng lại. Chí nguyện ba thừa thông suốt, bước đạo tiên cao. Lòng mong dìu dắt người sau, lối tranh tẩy sạch.

Xin xem thiên bài mà thấu ý, đừng theo vãn vịnh để vui tâm".

Đại sư vì thấy miền Đông Nam kinh tạng còn thiếu nhiều, nên sai đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lĩnh cùng nhiều vị khác vượt ngọn Thông Lãnh sang Tây Thiên, tìm thỉnh các thứ kinh Phạm bản. Trải nhiều năm vượt suối băng ngàn, dãi nắng dầm sương, chịu đủ mọi nỗi khó khăn trở ngại, đoàn thỉnh kinh từ Tây Vực mới trở về, mang lại nhiều kết quả mong muốn. Tuy nhiên, nguyên bản còn là chữ Phạm. Huệ Viễn đại sư phải cho người đến Trường An thỉnh Tôn Giả Phật Đà Bạt Đà La, họp cùng những vị khác đến Lô Sơn phiên dịch các kinh điển ấy. Đại sư lại viết thư thỉnh cầu tôn giả Đàm Ma Lưu Chi, người Tây Trúc dịch thành bộ Thập tụng Luật. Thời ấy, những kinh luật lưu hành từ Lô Sơn, có gần đến trăm thứ.

Tuy xiển dương Tịnh Độ, đại sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành mấy tác phẩm như sau:

1. Đại Trí Luận Yếu Lược (20 quyển).
2. Pháp Tánh Luận.
3. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận.
4. Đại Thừa Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Thích Tam Bảo Luận.
6. Minh Báo Ứng Luận.
7. Sa Môn Đản Phục Luận.
8. Biện Tâm Thức Luận.
9. Phật Ảnh Tán.
10. Du Lô Sơn Thi.
11. Lô Sơn Lược Ký.
12. Du Sơn Ký.

Ngoài ra còn nhiều văn thư biện luận về Phật pháp giữa đại sư với ngài Cưu Ma La Thập, cùng các ông Lưu Di Dân, Đới An và những hàng tán thân, đều được người đương thời truyền tụng. Trong bộ Pháp Tánh Luận, đại sư phát minh lý Niết Bàn Thường Trụ. Khi bộ luận này truyền đến Quan Trung, pháp Sư Cưu Ma La Thập xem được, khen rằng: "Lành thay! Huệ Viễn đại sư cư ngụ vùng biên phương, chưa đọc kinh Đại Niết Bàn, mà lời luận lại thâm hợp với chân lý. Ấy chẳng phải là điều kỳ diệu hay sao?"

Bạch Liên Xã do đại sư thành lập, quy tụ hơn ba ngàn người, trong đây có 123 vị được tôn là Hiền. Trong 123 vị Hiền này, lại có 18 bậc thượng thủ gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, gồm các ngài như sau:

1. Huệ Viễn đại sư.
2. Huệ Vĩnh pháp sư.
3. Huệ Trì pháp sư.
4. Đạo Sanh pháp sư.
5. Phật Đà Gia Xá Tôn giả.
6. Phật Đà Bạt Đà La Tôn giả.
7. Huệ Duệ pháp sư.
8. Đàm Thuận pháp sư.
9. Đạo Kính pháp sư.
10. Đàm Hằng pháp sư.
11. Đạo Bính pháp sư.
12. Đàm Tiên pháp sư.
13. Danh sĩ Lưu Di Đân.
14. Danh sĩ Lô Thứ Tôn.
15. Danh sĩ Tôn Bính.
16. Danh sĩ Vương Dã.
17. Danh sĩ Vương Thuyên.
18. Danh sĩ Châu Tục Chi.

Đại sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi. Ngài khước từ mọi sự liên lạc không cần thiết với đời, nguyện giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Khi có khách đến viếng, lúc ra về đại sư chỉ tiến

chân tới cầu suối Hồ Khê trước chùa rồi trở vào. Có một lần, hai danh nhân là nho sĩ Đào Uyên Minh và đạo gia Lục Tu Tĩnh tìm đến yết kiến. Vì cơ luận khế hợp, khi đưa khách ra về, bất giác đại sư bước ra khỏi cầu suối hồi nào không hay. Vừa lúc ấy, ánh tịch dương chợt rọi đến, in bóng người bên vách núi. Cả ba như bưng tỉnh, đứng lại nhìn nhau cả cười, rồi chia tay tạm biệt. Người sau dựng Tam Tiểu Đình tại nơi đây để lưu niệm. Trong Tây Phương bách vịnh, Nhất Nguyên đại sư có biên ký điều trên như sau:

Tây Phương cổ giáo Thế Tôn tiên,
Đông Độ khai tông hiệu Bạch Liên.
Thập bát đại hiền vi thượng thủ,
Hồ Khê tam tiểu chí kim truyền.

Tạm dịch:

Tây Phương Phật dạy trước tiên
Truyền sang Đông Độ Bạch Liên mở đàn
Mười tám Hiền, học hạnh toàn
Hồ Khê dường hã còn vang tiếng cười.

Ở Đông Lâm, hôm sớm đại sư hăng lạng lòng quán tưởng, chuyên chí về Tịnh Độ, đã ba phen thấy thánh tướng mà trăm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, đêm ba mươi tháng bảy, ngài ngồi tịnh nơi Bát Nhã đài. Lúc vừa mở mắt xuất định, bỗng thấy Phật A Di Đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. Trong ánh viên quang hiện vô số hóa Phật, mỗi vị đều có

Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên tả hữu. Lại thấy nước chảy chia thành mười bốn ngọn quanh lộn lên xuống, phóng ra những tia sáng đẹp, diễn nói các pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đức Phật bảo ngài rằng: Ta dùng sức bản nguyện đến đây an ủi người. Sau bảy ngày, người sẽ được sanh về Cực Lạc". Đại sư lại thấy các bạn đồng tu ở Liên Xã đã viên tịch trước, như các ông: Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều đứng phía sau Phật. Các vị ấy bước đến trước, chấp tay chào và nói: "Ngài phát tâm sớm hơn chúng tôi nay sao lại về muộn như thế?".

Hôm sau, đại sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử là Pháp Tĩnh, Huệ Bảo đến thuật lại, và nói: "Ta ở Lô Sơn này, trong mười một năm đầu, đã ba lần thấy thánh tướng cùng các kỳ tích. Nay lại có điềm như thế, tất duyên sanh Tịnh Độ đã đến thời kỳ!". Rồi dặn bảo các việc sau, soạn quy chế để răn nhắc đại chúng cùng nhau sách tiến tu tập.

Trong thời gian đại sư lâm bệnh, chư Tăng khuyên ngài phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị. Đại sư khước từ bảo: Thân người như huyễn, nguyện giữ giới luật hoàn toàn thanh tịnh. Các đại đức lại thỉnh ngài dùng nước cơm, đại sư nói không thể được vì đã quá ngộ. Chư trưởng lão yêu cầu ngài tạm dùng mật. Đại sư bảo hãy dỡ luật tìm xem có đề cập đến điều này hay không? Các luật sư tra cứu chưa xong, ngài đã viên tịch. Lúc ấy nhằm ngày mùng

6 tháng 8 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ mười hai. Đại Sư thọ 83 tuổi.

Quan Thái Thú Tâm Dương là Nguyễn Bảo cùng đại chúng làm lễ an táng và xây tháp ngài tại phía Tây Lô Sơn. Vua An Đế nhà Tấn hay tin rất thương tiếc, sắc phong cho đại sư thụy hiệu: "Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh, Bạch Liên Xã Chủ". Các vua đời sau đều có phong tặng để cảm niệm công đức hộ pháp an dân của ngài.

THIỆN ĐẠO ĐẠI SU (LIÊN TÔNG NHỊ TỔ)

Thiện Đạo đại sư, người đời nhà Đường, chưa am tường được xuất xứ. Trong niên hiệu Trinh Quán, nhân thấy bài văn Tịnh Độ Cửu Phẩm Đạo Tràng của Đạo Xước thiên sư ở Tây Hà, ngài rất mừng bảo: “Đây mới thật là cửa mầu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác xa vời quanh quất khó thành, duy pháp môn này mau thoát sanh tử!”.

Từ đó ngài siêng cần tinh khổ sớm hôm lễ tụng. Ít lâu sau lại đến kinh sư khuyến khích tứ chúng niệm Phật. Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ. Lúc ra thất, lại vì đại chúng mà diễn nói pháp môn Tịnh Độ. Hơn ba mươi năm, đại sư vừa hóa đạo vừa chuyên tu, chưa từng ngủ nghỉ. Hằng ngày, thường nghiêm trì giới hạnh không thể sai

phạm một mảy may. Khi được cúng dường thức ăn ngon quý, ngài đem dâng cho đại chúng, còn phần mình chỉ dùng thứ thô dở mà thôi. Tài vật của dân tín cúng cho, ngài dùng tả hơn mười muôn quyển kinh A Di Đà, họa cảnh Tịnh Độ được ba trăm bức. Ngoài ra, thì dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thấp đèn nổi sáng, không chứa để dư.

Kẻ đạo, người tục quy hướng theo đức hóa của ngài, niệm Phật rất nhiều kể đến số hàng vạn. Nhóm này thì tụng Kinh A Di Đà từ mười vạn đến năm mươi vạn biến. Nhóm khác mỗi ngày đêm niệm Phật từ một muôn đến mười muôn câu. Trong đó những người hiện tiền chứng Tam muội, lúc lâm chung được thoát ứng vãng sanh, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi:

- Niệm Phật quyết chắc được vãng sanh chăng?

Ngài đáp:

-Nhu ông tin tưởng và thực hành, chắc chắn sẽ được toại nguyện!.

Nói xong, ngài tự niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, liền có một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liên tiếp từ mười đến một trăm câu, mỗi câu đều có ánh sáng quang minh dài phóng ra nối nhau khiến sáng rực cả chùa. Sự thần dị này truyền đến Đế kinh, vua Cao Tôn nghe được phụng tứ một tấm biển sắc tặng hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Đại sư có bài kệ khuyên tu như sau:

Da môi tóc bạc lần lần,
Lục cùm bước run mấy chốc.

Dù sang vàng ngọc đầy nhà,
Vẫn khổ suy già bệnh tật.

Ví hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất.

Duy có đường tắt thoát ly
Chỉ niệm A Di Đà Phật.

Có người gạn:

- Sao hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật,
mà chỉ bảo chuyên trì danh?

Ngài đáp:

-Chúng sanh đời này phần nhiều chướng nặng thâm
thô, thức thần tán động, mà cảnh Tịnh Độ thì rất tế diệu,
nên quán tưởng khó thành. Vì thế Đức Phật xót thương,
khuyên thẳng nên xưng danh hiệu. Chính vì xưng danh là
hạnh dễ làm, nếu cứ giữ mỗi niệm nói nhau tu như thế
suốt đời, thì mười kẻ niệm mười kẻ được vãng sanh, trăm
người tu trăm người về Tịnh Độ. Tại sao thế? -Vì không
duyên tạp bên ngoài nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với
bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái với kinh
giáo. Vì thuận theo lời Phật và chư Thánh chỉ dạy.

Nếu bỏ chuyên niệm mà tu xen tạp những hạnh khác
thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba, bốn kẻ
vãng sanh. Bởi tại sao? Vì duyên tạp loạn động khiến cho

mất chánh niệm. Vì không hợp với bản nguyện của Phật A Di Đà. Vì trái với kinh giáo và lời Phật, Thánh. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì tuy hành đạo mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích theo duyên tạp, làm chướng chánh hạnh vãng sanh của mình và người.

Gần đây, hàng đạo tục kiến giải không đồng, kẻ thích chuyên tu, người ưa tạp hạnh. Xin khuyến nhắc: Nếu chuyên niệm Phật, tất mười người đều được vãng sanh. Như tạp tu mà không chí tâm thì trong ngàn người khó mong được một. Nguyện tất cả đều nên chín chắn tự suy xét kỹ !

Lại người niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi, phải cố gắng nhiếp tâm ngày đêm chớ rời Thánh hiệu, thề quyết giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế tới lúc mãn phần, niệm trước vừa thọ chung, niệm sau liền sanh Cực Lạc. Từ đây vĩnh viễn hưởng sự vui pháp lạc vô vi cho đến khi thành Phật, há chẳng đáng mừng ư ?

Đại sư cũng từng dạy phương pháp giữ vững chánh niệm trong lúc lâm chung như sau:

-Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh Độ thì điểm cần yếu là đừng nên sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhớp, biết bao điều khổ lụy trôi vây ! Nếu bỏ được thân huyễn hôi như, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách

đổi lấy đồ trân phục, còn điều chi đáng thích ý bằng ! Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm, chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông, vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết, lúc mình bệnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi. Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh Độ, thường đến nhắc khuyên thật là diệu hạnh ! Như lúc lâm chung biết áp dụng phương pháp này tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.

Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và ghi nhớ kỹ!

Một hôm, đại sư bỗng bảo người rằng: “Thân này đáng chán, ta sắp về Tây!”. Nói xong leo lên cây liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây chúc nguyện rằng: “Xin Phật và Bồ Tát tiếp dẫn con, khiến cho không mất chánh niệm, được sanh về Cực Lạc !”. Nguyện xong, gieo

mình xuống nhẹ nhàng như chiếc lá rơi, ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất.

Đại chúng vội chạy đến xem thì ngài đã tắt hơi viên tịch.

Lời bình:

Các bậc tu thiền đắc đạo, muốn biểu hiện sự sống chết tự tại, có vị đứng mà hóa, có vị trở ngược đầu xuống đất đưa hai chân lên trời mà viên tịch. Nếu chưa phá tan ngũ uẩn, khi từ trên cao rơi xuống, dù bậc phục hoặc phát ngộ cũng khó giữ vững được chánh niệm. Hành động của Thiền Đạo đại sư, từ trên cây cao gieo mình xuống đất ngồi kiết già mà hóa, là biểu hiện sự sống chết tự tại, tùy niệm vắng sanh một cách tuyệt mức. Đại sư muốn ngầm khai thị: “Niệm Phật được nhất tâm chứng ngộ, thì Tịnh tức là Thiền vậy”.

THỪA VIỄN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG TAM TỔ)

Thừa Viễn đại sư, người đời Đường, nguyên quán từ đâu, chưa rõ được xuất xứ. Ban sơ, ngài theo học với Đường thiền sư ở Thành Đô, kế lại học với Tản thiền sư ở Tứ Xuyên. Sau ngài đến Kinh Châu tham học với Chân pháp sư ở chùa Ngọc Tuyền.

Sau khi học nghiệp đã xong, tu hành đã ngộ, Chân công khuyên ngài nên đến Hoành Sơn để ứng duyên hoằng hóa. Trước tiên khi mới đến, đại sư cất thảo am dưới gộp đá phía Tây Nam non Hoành. Người đạo tâm hay biết, đem cúng cho thức ăn thì ngài dùng, hôm nào không có thì ăn bùn đất, tuyệt không hề đi quyên xin. Khổ tu như thế, đến nỗi mình gầy mặt nám, trên thân chỉ còn một chiếc y cũ rách.

Về phần truyền giáo, đại sư đứng theo lập trường trung đạo, tùy căn cơ mỗi người mà quyền biến chỉ dạy. Thấy cư dân quanh vùng phần nhiều nghèo khổ tật bệnh, ngài rộng truyền pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người đều nên niệm Phật. Trên đá, nơi gốc cây, ven đường, nơi tường vách, bên hang đá hoặc suối khe, đại sư đều có viết lời thánh giáo, khuyên tỉnh ngộ lẽ đạo việc đời, cần chuyên niệm Phật. Do đức hóa của ngài, từ đó không cần chỉ dẫn nhiều, mà lần lượt kẻ mang vải, gạo, người khiêng đá gỗ, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành cảnh chùa, đến nỗi có dư bố thí cho kẻ nghèo đói. Ngài vẫn thản nhiên, không khước từ cũng không khuyến khích, để họ xây cất sửa soạn dọn tùy tâm. Chẳng mấy lúc nơi vùng hoang sơn trước kia, đã trở thành cảnh lan nhã thanh u đồ sộ. Lần lần về sau, bốn phương xa gần người tín hướng quy y niệm Phật càng nhiều, như nước trăm sông đổ về biển, phải lấy số vạn mà kể.

Trước đó, có ngài Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn, một hôm nhập định, thần thức dạo chơi cõi Cực Lạc. Bên đức Phật, thấy có vị tăng mặc áo rách đứng hầu. Đức A Di Đà chỉ vị tăng ấy mà bảo rằng:

- "Người có biết chăng, người này là sa môn Thừa Viên ở Hoành Sơn đây! ".

Sau khi xuất định, Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm. Lúc gặp Thừa Viên đại sư, nhìn đúng là vị Tăng áo rách mà mình đã thấy, liền xin theo làm đệ tử.

Về sau, ngài Pháp Chiếu đi truyền giáo khắp nơi, danh đức rộng lớn, được vua Đại Tông nhà Đường phong làm quốc sư. Nhân khi nhàn nhã, quốc sư thuật lại đạo hạnh của thầy mình cho vua nghe. Đại Tông muốn thỉnh ngài Thừa Viên lai kinh để học đạo, nhưng rồi tự biết đó là bậc chí đức không thể vờ rước được, liền xây về phương Nam, hướng phía Hoành Sơn mà đánh lễ. Kế đó, vua truyền chỉ phong tặng chỗ ở của ngài hai tấm biển: một tấm đề Sắc Tứ Di Đà Tự. Tấm kia niêm mấy chữ Bát Chu Tam Muội Đạo Tràng. Vua lại truyền cho ông Liễu Tôn Nguyên soạn bài văn ký sự khắc vào bia đá, dựng bên cổng trước chùa.

Vào năm Trinh Nguơn thứ mười tám đời Đường, nhằm ngày 19 tháng 7, đại sư an lành thị tịch thọ chín mươi một tuổi.

PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG TỨ TỔ)

Pháp Chiếu đại sư, chưa rõ là người bậc thế nào? Trong năm Đại Lịch thứ hai (767) đời nhà Đường, hàng đạo tục được biết ngài ở chùa Vân Phong tại Hoành Châu, thường chuyên cần tu tập.

Một buổi sáng, vào lúc thanh trai, ngài thấy trong bát cháo ở tầng đường; hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh sơn tự, phía Đông Bắc chùa có dãy núi, chân núi có khe nước. Phía Bắc khe nước có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá lại có một ngôi chùa to, biển đề "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Mấy hôm sau, ngài lại thấy nơi bát cháo hiện rõ cảnh chùa lớn ấy, gồm vườn ao, lầu đài tráng lệ nguy nga, và một vị Bồ Tát ở trong đó.

Ngài đem cảnh tượng ấy hỏi các bậc tri thức. Một vị cao tăng bảo: "Sự biến hiện của chư Thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn". Nghe lời ấy ngài có ý muốn đến viếng Ngũ Đài thử xem sự thật ra thế nào?

Năm Đại Lịch thứ tư (769), đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng. Trong mây hiện ra cung điện lầu các. Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, bá tánh trông thấy đều đặt bàn đốt hương đánh lễ. Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ẩn mất. Do

điềm lành này, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật. Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Một hôm, đại sư gặp cụ già bảo: "Ông từng có ý niệm muốn đến Kim Sắc thế giới tại Ngũ Đài Sơn, để đánh lễ đức Đại Thánh Văn Thù sao đến nay vẫn chưa thật hành ý nguyện?". Nói xong liền ắp mắt. Được sự nhắc nhở, ngài sửa soạn hành trang, cùng với mấy pháp hữu, đồng đến viếng Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, vào ngày mùng sáu tháng tư, đại sư cùng đồng bạn mới đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, ngài thấy ánh sáng lạ từ xa chiếu đến thân mình, liền nhắm phủng chừng tia sáng mà theo dõi. Đi được năm mươi dặm thì đến một dãy núi, dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa công bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử đứng đón chờ, tự xưng là Thiện Tài và Nan Đà. Theo chân hai đồng tử dẫn đường, ngài đến một ngôi chùa nguy nga, biển đề: "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Nơi đây đất vàng, cây báu, ao sen, lầu các rất kỳ diễm trang nghiêm. Cảnh giới quả đúng như ảnh tượng đã thấy nơi bát cháo khi trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy đức Văn Thù bên Tây, đức Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử báu cao đẹp, đang thuyết pháp cho một muôn vị Bồ Tát ngồi phía dưới lặng lẽ lắng nghe. Pháp Chiếu bước đến chí thành đánh lễ, rồi quỳ xuống thưa rằng:

-Kính bạch Đại Thánh! Hàng phàm phu đời mạt pháp, cách Phật đã xa, chương nặng nghiệp sâu, tri thức kém hẹp, tuy có Phật tánh mà không biết làm sao hiển lộ. Giáo pháp của Phật lại quá rộng rãi mênh mông, chưa rõ pháp môn nào thiết yếu để tu hành cho mau được giải thoát?

Đức Văn Thù bảo:

-Thời kỳ này chính là đúng lúc các người nên niệm Phật. Trong các hành môn không chi hơn niệm Phật và gồm tu phước huệ. Thuở đời quá khứ, ta nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo mà được Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp như: Bát Nhã Ba La Mật, những môn thiên định rộng sâu, cho đến chư Phật cũng từ niệm Phật mà sanh. Vì thế nên biết, niệm Phật là vua trong các pháp môn.

Ngài Pháp Chiếu lại hỏi:

-Bạch Đại Thánh! Nên niệm như thế nào?

Đức Văn Thù dạy:

-Về phương Tây của thế giới này, có Phật A Di Đà giáo chủ cõi Cực Lạc. Đức Thế Tôn đó nguyện lực không thể nghĩ bàn! Người nên chuyên niệm danh hiệu của ngài nối tiếp không gián đoạn, thì khi mạng chung, quyết được vãng sanh, chẳng còn bị thối chuyển.

Nói xong, hai vị Đại Thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu và bảo rằng:

-Do người niệm Phật, nên không lâu sẽ chứng được quả Vô thượng Bồ Đề. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn

mau thành Phật, thì không chi hơn niệm Phật. Kẻ ấy nhất định sẽ mau lên ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác.

Được hai vị Đại Thánh thọ ký xong ngài Pháp Chiếu vui mừng đánh lễ rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử khi nãy theo sau tiễn đưa. Vừa ra khỏi cổng, ngài quay lại thì người và cảnh đều biến mất. Ngài liền dựng đá đánh dấu chỗ ấy, rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng 4, Pháp Chiếu đại sư cùng hơn năm mươi vị tăng đồng đến hang Kim Cang, thành tâm đánh lễ hồng danh ba mươi lăm đức Phật. Vừa lạy được mười lượt, ngài bỗng thấy hang Kim Cang rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm có cung điện bằng lưu ly, đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng ngự trong ấy. Hôm khác, ngài lại đi riêng đến hang Kim Cang, gieo mình đánh lễ, nguyện thấy Đại Thánh. Đang khi lạy xuống vừa ngược lên, đại sư bỗng thấy một Phạm Tăng tự xưng là Phật Đà Ba Ly. Vị này đưa ngài vào một đại điện trang nghiêm, biển đề là Kim Cang Bát Nhã Tự. Toàn điện nhiều thứ báu lạ đẹp màu, ánh sáng lấp lánh. Dù đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật lại với ai cả.

Tháng chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm định kỳ tuyệt thực tu hành, nguyện vãng sanh về Tịnh Độ. Đêm đầu hôm, ngày thứ bảy, đang lúc niệm Phật, đại sư bỗng thấy một vị Phạm Tăng bước vào bảo:

-Ông đã thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao không truyền thuật cho người đời cùng được biết?.

Nói xong, liền ẩn mất. Hôm sau, trong lúc niệm Phật, vị Phạm Tăng hiện ra, bảo y như trước.

Ngài đáp:

-Không phải tôi dám giấu kín thánh tích, nhưng chỉ sợ nói ra người đời không tin sanh sự chê bai mà thôi.

Phạm Tăng bảo:

-Chính đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở núi này, mà còn bị người đời hủy báng, thì ông còn lo ngại làm chi? Hãy đem những cảnh giới mà ông được thấy truyền thuật với chúng sanh, làm duyên cho kẻ được nghe biết, phát khởi tâm Bồ Đề.

Ngài tuân lời, nhớ kỹ lại những sự việc đã thấy, rồi ghi chép ra truyền lại cho mọi người.

Năm sau, sư Thích Huệ Tùy ở Giang Đông cùng với chư tăng chùa Hoa Nghiêm, theo Pháp Chiếu đại sư đến hang Kim Cang lễ Phật. Kế đó, lại đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng dấu cũ. Đại chúng còn đang ngậm ngùi ngưỡng vọng, bỗng đồng nghe tiếng hồng chung từ vách đá vang ra. Giọng chuông thanh thoát ngân nga, nhặt khoan rành rẽ. Ai nấy đều kinh lạ, đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là đúng sự thật. Vì muốn cho người viếng cảnh đều phát đạo tâm, tăng chúng nhân cơ duyên ấy, khắc những sự việc của ngài nghe thấy vào

vách đá. Về sau ngay nơi đó, một cảnh chùa trang nghiêm được dựng lên, vẫn lấy hiệu là Trúc Lâm Tự để lưu niệm.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội. Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng niệm Phật rất thanh thoát từ xa đưa vắng lại. Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều. Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung, cũng gồm năm hội. Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội pháp sư.

Từ đó đại sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ. Một đêm nọ ngài thấy vị Phạm Tăng khi trước là Phật Đà Ba Ly hiện đến bảo:

-Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu. Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị.

Đến kỳ hạn, đại sư gọi tăng chúng lại căn dặn rằng:

-Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!

Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.

THIẾU KHANG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG NGŨ TỔ)

Thiếu Khang đại sư họ Châu, người đời nhà Đường, ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân. Từ buổi sơ sanh, ngài im lặng không nói. Năm bảy tuổi nhân lễ trai hội, ngài theo mẹ vào chùa lạy Phật. Bà chỉ tượng Phật hỏi đùa rằng: "Con có biết đó là ai chăng?" Ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn!". Biết con mình có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài liền cho đi xuất gia. Căn cơ linh mãnh, đến mười lăm tuổi ngài đã thông suốt được năm bộ kinh.

Niên hiệu Trinh Ngươn năm đầu, đại sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong đại điện phóng quang, ngài lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây Phương Hóa Đạo của Thiện Đạo hòa thượng, ngài liền khấn rằng: "Nếu tôi có nhân duyên với Tịnh Độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!" Vừa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu ra rục rỡ, trong ấy ẩn hiện hình dạng các hóa Bồ Tát. Ngài chấp tay nói: "Kiếp đá có thể mòn, nguyện này thề không dời đổi!".

Nhân đó, đại sư đến Trường An, chiêm lễ di tượng của Thiện Đạo hòa thượng. Đang khi lễ, tượng của nhị Tổ bỗng bay lên, bảo ngài rằng: "Ông nên y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày kia công thành, sẽ sanh về Cực Lạc!". Đi ngang qua Giang Lăng, ngài gặp một sư cụ

bảo: "Ông muốn hoằng hóa, nên sang xứ Tân Định, cơ duyên ở nơi đó!" Nói xong bỗng biến mất.

Sau thời gian ấy, đại sư đến Tân Định, thấy người xứ này chưa biết niệm Phật là gì. Dùng phương tiện, ban sơ ngài quyên tiền dẫn dụ trẻ con niệm Phật. Nếu đưa nào niệm Phật được một câu; ngài liền thưởng cho một đồng tiền. Như thế hơn một năm, rồi không cần thưởng tiền, chúng nó cũng niệm. Tập quán dần quen, về sau lúc gặp đại sư ở trong nhà hay đi chơi ngoài đường, chúng cũng vẫn niệm. Từ đó, nam nữ, già trẻ, hễ thấy ngài, đều niệm: A Di Đà Phật! Nhân sự việc này, dân chúng vùng ấy lần lượt phát tâm thờ cúng niệm Phật rất nhiều.

Thấy cơ duyên đã có phần thuận thực, đại sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, thiện nam tín nữ đều họp nơi đó để niệm Phật nghe pháp. Thường thường số người họp có trên ba ngàn. Mỗi khi thăng tòa, ngài chấp tay to tiếng niệm Phật, thì đại chúng ở dưới đều xướng niệm hòa theo. Có lúc đại sư xưng một câu Phật hiệu, hội chúng thấy một đức Phật từ miệng ngài bay ra. Niệm đến mười câu, trăm, ngàn câu đều có mười, trăm, ngàn vị Phật bay ra, liên tiếp như xâu chuỗi. Đại sư bảo: "Quý vị đã được thấy Phật, chắc chắn đều sẽ vãng sanh!". Mọi người nghe nói đều có cảm niệm vui mừng an ủi.

Năm Trịnh Ngươn thứ hai mươi một (647), vào tháng 10, đại sư họp hết hàng đạo tục đến dặn bảo rằng: "Các vị

nên phát tâm chán lìa cõi Ta Bà ác trược, ưa thích miền Tịnh Độ an vui, mà cố gắng tu hành tinh tấn. Giờ phút này ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử". Nói xong, ngài phóng vài tia sáng lạ đẹp dài, rồi ngồi yên lặng mà tịch.

Đại chúng xây tháp ngài ở Đài Nham, tôn hiệu là Đài Nham Pháp Sư.

DIÊN THỌ ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG LỤC TỔ)

Diên Thọ đại sư, tự Xung Huyền, người đời Tống, con của họ Vương ở Tiên Đường. Lúc thiếu thời, ngài thích tụng kinh Pháp Hoa, cảm đến bày dê quý mọp nghe kinh.

Lớn lên, Xung Huyền được Văn Mục Vương tuyển dụng, cho làm quan trông nom về thuế vụ. Nhiều lần ngài lấy tiền công quỹ đến Tây Hồ mua cá trạnh phóng sanh. Việc phát giác ra, bị Pháp ty thẩm định, xử ngài vào tội tử hình. Lúc sắp đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật cho người rình xem, nếu thấy ngài nhan sắc thản nhiên, không tỏ vẻ buồn rầu lo sợ, thì phải đem về trình lại. Thấy ngài trước sau vẫn an điềm. Sứ giả trao sắc chỉ cho quan Giám trảm, rồi dẫn về diện kiến vua. Khi Vương hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi tư dụng của công, thật đáng tội chết. Nhưng toàn số tiền đó, tôi dùng mua cứu được muôn ức sanh mạng, thì dù thân này có chết, cũng được vãng sanh về cõi Liên Bang, vì thế nên tôi không lo sợ". Văn Mục

Vương nghe qua cảm động, ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Sau đó, ngài đến quy đầu với Thúy Nham thiền sư ở Tứ Minh. Kế lại tham học với Thiệu quốc sư ở Thiên Thai, tỏ ngộ tâm yếu, được quốc sư ấn khả, ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán thấy đức Quán Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lồ vào miệng, từ đó được biệt tài vô ngại. Do túc nguyện muốn chuyên chú về Thiền hoặc Tịnh mà chưa quyết định, ngài đến thiền viện của Trí Giả đại sư, làm hai lá thăm, một lá đề: Nhất tâm Thiền định; còn lá kia là: Trang nghiêm Tịnh Độ. Kế lại chí tâm đánh lễ Tam Bảo sám hối, cầu xin gia bị. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần đều nhằm lá Trang Nghiêm Tịnh Độ. Từ đây ngài nhất ý tu về Tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai đời Tống (961). Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh, tôn hiệu là Trí Giác thiền sư. Ngài ở đây trước sau mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm vị Tăng. Đại sư lập công khóa, mỗi ngày đêm hành trì một trăm lễ tám điều. Và hai điều đặc biệt trong đó, là tụng một bộ kinh Pháp Hoa, và niệm mười muôn câu Phật hiệu. Ban đêm khi ngài qua gộp núi khác niệm Phật, những người ở gần nghe tiếng loa pháp cùng thiên nhạc trầm bổng du dương. Về kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ. Đại sư thường truyền giới Bồ Tát, mua chim cá phóng sanh, thí thực cho quỷ thần, tất cả công đức đều hồi hướng về Tịnh

Độ. Ngài có trứ tác một trăm quyển Tông Cảnh Lục, hội chỉ thú dị đồng của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Đại sư lại soạn ra tập Vạn Thiện Đồng Quy. Trong đây lời lẽ chỉ dạy về Tịnh Độ rất thiết yếu, đại lược như sau:

Hỏi:

-Cảnh duy tâm Tịnh Độ đầy khắp mười phương sao không hướng nhập, mà lại khởi lòng thủ xả, cầu về Cực Lạc gởi chắt ở đài sen. Như thế đâu hợp với lý vô sanh, và đã có tâm chán uế ưa tịnh thì đâu thành bình đẳng?

Đáp:

-Sanh duy tâm Tịnh Độ là phần của các bậc đã liễu ngộ tự tâm, chứng được pháp thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, thì những bậc chứng Sơ địa vào duy tâm độ, cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Thế thì biết ngoài tâm không pháp, cảnh Cực Lạc đâu ngoài duy tâm? Còn về Phần "Lý vô sanh và môn bình đẳng" tuy lý thuyết là như thế, nhưng kẻ lực lượng chưa đủ, trí cạn tâm thô, tập nhiễm nặng, lại gặp cảnh trần lôi cuốn mạnh mẽ, dễ gì mà chứng nhập được. Những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, nhờ cảnh duyên thắng diệu ở đó, mới mau chứng vào Tịnh Độ duy tâm và thực hành đạo Bồ Tát.

Thập Nghi Luận cũng nói: "Bậc trí tuy liễu vô sanh, song vẫn hăng hái cầu về Tịnh Độ, vì thấu suốt sanh thể như huyễn không thể tìm được. Đó mới thật là chân vô

sanh. Còn kẻ ngu không hiểu lý ấy, bị nghĩa sanh ràng buộc nghe nói sanh thì nghĩ rằng thật có tướng sanh, nghe nói vô sanh lại tưởng lầm là không sanh về đâu cả. Do đó, họ mới khởi niệm thị phi chê bai lẫn nhau gây thành nghiệp tà kiến báng pháp. Đáng thương thay!

Hỏi:

-Kinh luận nói: "Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai". Nhưng sao người tu Tịnh Độ lại thấy Thánh tướng và việc Phật đến rước là như thế nào?

Đáp:

-Kinh Bát Chu nói: "Như người nằm mơ thấy bảy thứ báu, hàng thân thuộc đều cùng vui mừng. Đến lúc thức tỉnh nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu ấy ở đâu? Sự việc niệm Phật cũng như vậy". Thế thì biết các cảnh đều như huyễn, do duy tâm hiện, tức có mà không, tuy hiện tướng khứ lai song thật không có đến đi. Cho nên, thánh cảnh tuy như huyễn, song chẳng phải không có huyễn tướng, việc đến đi tuy không thật, song chẳng ngại gì có tướng khứ lai. Đó là lý trung đạo. Huyền sắc tức chân không, chính huyền sắc, có và không đều vô ngại. Tất cả sự và cảnh chúng sanh đang sống ở thế gian này, cũng đều như thế.

Thật ra, chân cảnh của duy tâm, không có đông tây cùng các phương hướng, không có đến đi qua lại, cũng không có một pháp nào ngoài tâm. Nhưng với bậc đã dứt trừ nghiệp hoặc, chúng Vô sanh nhẫn, vào thật tướng của

pháp thân, mới dám đương sánh huyền lý trên đây. Còn hàng sơ tâm mới tu, chớ nên lầm tự nhận.

Hỏi:

-Theo Quán kinh thì phải nhiếp tâm vào định, quán y báo chánh báo cõi Cực Lạc rõ ràng, mới có thể về Tịnh Độ. Tại sao kẻ chưa vào định, tu môn Trì danh cũng được vãng sanh?

Đáp:

-Chín phẩm sen ở Cực Lạc gồm nhiếp tất cả công hạnh thấp cao, song không ngoài hai điểm: Định tâm và Chuyên tâm.

1. Định tâm hay định thiện, là những vị tu tập quán pháp thành công, hoặc trì danh hiệu được vào tam muội. Các vị này sẽ sanh về thượng phẩm.

2. Chuyên tâm hay tán thiện, là những người chỉ niệm danh hiệu chưa được vào tam muội, hoặc tu các công đức lành khác trợ giúp, rồi phát nguyện hồi hướng. Hạng người này cũng được dự vào các phẩm thấp hơn. Nhưng cần phải trọn đời quy mạng Tây Phương và chuyên cần tu tập. Lúc ngồi nằm thường xây mặt về hướng Tây. Khi niệm Phật, lúc phát nguyện, phải chí thành không xao lãng. Tâm niệm khẩn thiết ấy ví như kẻ bị gông xiềng tù ngục cầu mau thoát ly; người lâm cảnh lửa cháy, nước trôi, hoặc giặc cướp rượt đuổi mong được khỏi nạn. Lại phải vì sự sống chết, phát lòng Bồ Đề, cầu sanh Tây Phương, mau thành Thánh đạo để đền đáp bốn ân, nói

thành Tam Bảo, độ khắp muôn loài. Chí thành như thế, quyết chắc sẽ được kết quả.

Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, sức tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, sự tu hành không tương tục thì khó hy vọng thành công. Bởi kẻ biếng trễ như thế, e khi lâm chung bị nghiệp chướng trở ngại, chẳng gặp bạn lành, lại thêm thân thể đau nhức, tâm thức hôn mê, không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi hiện tại là nhân, khi lâm chung là quả. Cần phải nhân cho chắc thật, quả mới không hư luống, như tiếng hòa nhã thì vang dịu dàng, hình ngay tắt bóng thẳng vậy. Nếu muốn khi sắp chết mười niệm thành công, thì ngay lúc hiện tại phải một lòng chí thiết tinh tấn tu hành, tất không còn điều chi lo ngại.

Đại khái, chúng sanh bởi tâm chia thiện ác, nên báo có khổ vui. Do nơi ba nghiệp tạo thành, mới khiến sáu đường luân chuyển. Nếu tâm sân hận, tà dâm, đó là nghiệp Địa ngục. Tâm tham lam, bòn xẻn là nghiệp Ngạ quỷ. Tâm ngu si, tà kiến là nghiệp Súc sanh. Tâm ngã mạn, tự cao là nghiệp Tu la. Giữ bèn Ngũ giới, là nghiệp Người. Tiên tu Thập Thiện là nghiệp Trời. Chứng ngộ nhân không, là nghiệp Thanh Văn. Rõ thấu duyên sanh là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn Lục độ, là nghiệp Bồ Tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh niệm Phật, thì hóa sanh về Tịnh Độ, ở nơi bảo các hương đài. Như ý mê tối đục nhớ, tất

gởi chất côi uế bang, nương cảnh nồng gò hầm hổ. Cho nên lìa nguồn tự tâm không còn biệt thể, muốn được quả tịnh, phải chủng nhân mâu. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên, lý thể tất nhiên, có chi mà ngờ vực!

Đại sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiền và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi hại như sau:

Có Thiền không Tịnh Độ
Mười người, chín lạc lộ.
Ấm cảnh khi hiện ra
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, có Tịnh Độ
Muôn tu, muôn thoát khổ.
Vãng sanh thấy Di Đà
Lo gì chẳng khai ngộ?

Có Thiền, có Tịnh Độ
Như thêm sừng mãnh hổ.
Hiện đời làm thầy người
Về sau thành Phật, Tổ.

Không Thiền, không Tịnh Độ
Giường sắt, cột đồng lửa!
Muôn kiếp lại ngàn đời

Chẳng có nơi nương tựa.

Niên hiệu Khai Bảo thứ tám, ngày 26 tháng 2 vào buổi sáng sớm, đại sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Về sau, có vị Tăng từ Lâm Xuyên đến, trọn năm kính hành lễ tháp của đại sư. Có người hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp:

"Năm trước tôi bệnh nặng, thần thức vào cõi u minh, thấy bên tả đại điện có thờ tượng một vị hòa thượng. Minh Vương đang cung kính lễ bái tượng ấy. Tôi thưa hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ thiền sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu. Ngài đã vãng sanh về phẩm thượng thượng nơi cõi Cực Lạc. Minh Vương trọng đức nên kính thờ".

Theo truyện ký, vào thời Ngô Việt Vương, tại Hàng Châu có hòa thượng Hành Tu, trụ trì chùa Pháp Tướng. Ngài vốn con nhà họ Trần ở Tuyên Nam, sanh ra có tướng lạ, hai tai dài chấm tới vai, đến bảy tuổi vẫn không nói. Một hôm có người đùa hỏi, ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Nếu không gặp bậc tác gia, nói cho lắm chỉ xô phá lều khói mà thôi!".

Sau ngài xuất gia ở chùa Ngõa Quan tại Kim Lăng, tham phỏng với Tuyết Phong thiền sư, ngộ được tâm ấn.

Từ đó mãnh thú gặp ngài đều thuận thực, từng nổi tiếng là ông Tăng có nhiều sự phi thường, linh dị. Có một đại đức hỏi:

"Thế nào là ý nghĩa của đôi tai dài?"

Ngài không đáp, chỉ kéo dài hai tai mà biểu thị. Lại hỏi:

"Chót núi phương Nam có khó đến chăng?"

Ngài đáp:

"Chỉ tại chưa từng đi đến".

Hỏi:

"Sau khi đến rồi như thế nào?"

Đáp:

"Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao".

Ngô Việt Vương nhân khi đến chùa lễ Phật, có hỏi ngài Vĩnh Minh:

"Bạch tôn đức! Thời nay có bậc chân Tăng nào khác chăng?"

Đại sư đáp:

"Có hòa thượng Hành Tu, đôi tai dài, chính là Phật Định Quang ứng thân đây!".

Vương tìm đến ngài Hành Tu cung kính đánh lễ, tôn xưng là Định Quang Như Lai ra đời. Ngài bảo:

"Vĩnh Minh đại sư thật khéo nhiều lời. Ông ta cũng chính là Phật A Di Đà ứng thân đó".

Nói xong, ngồi yên mà hóa. Ngô Việt Vương vội vã trở về chùa Vĩnh Minh định gạn hỏi hết, thì đại sư cũng đã thị tịch.

Do đó, người đương thời truyền nhau: Vĩnh Minh đại sư là Phật A Di Đà ứng hóa. Và hàng Tăng tục mới lấy ngày sanh nhật của đại sư - ngày 17 tháng 11 là lễ vía kỷ niệm Phật A Di Đà.

TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẤT TỔ)

Tỉnh Thường đại sư, tự Thử Vi, người đời Tống, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường. Khi lên bảy, ngài gặp duyên lành xuất gia và mới mười bảy tuổi đã thọ giới cụ túc.

Trong niên hiệu Thuần Hóa, đại sư đến trụ trì chùa Chiêu Khánh. Vì mến di phong của Lô Sơn, ngài tạo tượng Phật A Di Đà kết hợp bạn sen, thành lập Liên Xã. Sau đó, ngài lại chích máu tả phâm Tịnh Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên ấy lại đổi tên Liên Xã thành Tịnh Hạnh Xã. Hàng sĩ phu dự vào hội niệm Phật được một trăm hai mươi người. Ngoài ra các hàng nam nữ thiện tín khác có đến hàng vạn, đều xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Trong đây quan Tướng quốc Vương Văn Đán làm hội thủ. Riêng phần tỳ kheo tăng, đại sư độ được hơn một ngàn người, đều tu môn niệm Phật.

Năm Thiên Hy thứ tư, ngày 12 tháng giêng, theo thường khóa đại sư ngồi kiết già niệm Phật. Giấy lát, bông

nói to lên rằng: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!". Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 62 tuổi.

Trong giờ ngài thị tịch, đại chúng thấy mặt đất biến thành sắc vàng ròng, rất lâu mới hoàn phục như cũ.

Lời phụ:

Kinh dạy: "Tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh". Đại sư đã tu nhân niệm Phật thanh tịnh, tất phải cảm tịnh quả. Nhưng vì tịnh quả quá mãnh liệt nên không đơi sanh về Tây Phương mà ảnh hưởng đến cảnh uế địa này tạm biến thành sắc hoàng kim. Đây là một bằng chứng cho biết cảnh đất vàng cây báu ở Tịnh Độ là có thật, vì "Tất cả pháp do tâm tạo".

Quả vị của đại sư tất ở ngôi thượng thượng phẩm.

CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG BÁT TỔ)

Châu Hoằng đại sư, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Trầm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm mười bảy tuổi ngài đã được bổ làm giáo thọ, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão, mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu, lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, ngài hỏi duyên có, bà đáp: "Ông nhà tôi lúc sanh tiền chuyên lo niệm Phật đến khi sắp chết, không đau bịnh chi, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà qua đời. Do đó, tôi

biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!". Ngài nghe nói cảm động, từ đó hằng đề ý đến pháp môn Tịnh Độ. Lại viết bốn chữ: "Sống chết việc lớn" dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm ba mươi hai tuổi, ngài xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc danh đức. Sau cùng đến học đạo với Tiểu Nham Nguyệt Tâm thiền sư, tham câu "Niệm Phật là ai?". Một hôm, đang đi tham cứu bỗng chợt tỉnh ngộ, làm bài kệ rằng:

Hai chục năm qua việc đáng nghi

Ngoài ba ngàn dặm gặp sao kỳ!

Đốt hương, liệng kích dường như mộng.

Ma, Phật, tranh sông thị lẫn phi!

Niên hiệu Long Khánh thứ năm, đại sư đi khát thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh nước non cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, ngài hành phép Du Già thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am cầu xin đảo võ. Ngài đáp: "Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!". Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh. Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra thảo am gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của ngài đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao

lâu chỗ ấy thành cảnh đại tông lâm trang nghiêm thanh tịnh.

Đại sư tuy đã tỏ thiên cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kẻ nói lý thì nhiều song ngộ lý thật rất ít. Vì muốn lợi mình và người, nên ngài chủ trương Tịnh Độ, cực lực bác bỏ cuồng thiên. Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do ngài trứ tác, dung hòa cả sự lý, gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo. Về trước, các bậc tôn đức trong Phật giáo, tuy hoằng truyền Tịnh Độ, nhưng vẫn không bỏ Thiên tông. Đến phiên đại sư là người được chánh truyền tâm ấn từ ngài Tiểu Nham thuộc dòng Lâm Tế, lại chỉ hoằng dương Tịnh Độ. Vì thế, các nhà thiên học đương thời rất không bằng lòng. Ông Tào Lỗ Xuyên, một vị học Phật, hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn hỏi. Ngài cũng hai phen phúc đáp, mà vài đoạn có liên quan đến Tịnh Độ, sẽ được trích thuật ở phần sau.

Đại sư bình thời cũng tu các công đức để phụ trợ tịnh nghiệp, như truyền giới pháp, khai những ao phóng sanh. Ngài lại thâm định nghi Thủy Lục, hành Du Già Diệm Khẩu để cứu khổ u minh, truyền bá văn giới sát, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi, cuối tháng 6, đại sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: "Tôi sắp đi nơi khác!". Rồi ngài trở về chùa thiết tiệc trà từ giả đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên có gì. Đến

chiều mừng một tháng bảy, ngài vào Tăng đường bảo: "Mai này tôi sẽ đi".

Qua chiều hôm sau, đại sư kêu mệt rồi vào tư thất ngồi kiết già nhắm mắt. Chư tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Ngài mở mắt ra nhìn mọi người nói: "Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ, và chớ phá hoại quy củ của tôi". Nói xong, hướng về Tây chấp tay niệm Phật mà qua đời. Thọ được tám mươi một tuổi.

PHỤ VẤN ĐÁP

(Lược trích)

Thơ hỏi: -Kẻ hèn này từ lâu giữ miền Đông Lỗ, đối với các kinh điển Nho và Phật, đã làm con một sách từ bốn mươi năm qua. Lại thường phụng giáo với những hàng thức giả, cũng uân sức được một đôi phần. Nay nhân sư Đoạn Phàm đến Vân Thê, xin gửi mấy lời để mong sự hiệu chính nơi ngài là bậc thiện tri thức.

1. Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phần giáo, đức Thế Tôn khi xưa đã giảng nhiều thứ lưới nơi bể sanh tử sâu rộng để tùy phần vớt các loài cá như thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết Bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể cử một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có kẻ bảo: nhiều kiếp thành Phật tất là Tiệm chớ không phải Đốn. Và Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo, phải chăng thật đã sai lầm?

Tôn giả bên trong ẩn giấu sự tỏ ngộ đốn viên, ngoài thì hiển bày pháp môn Tịnh Độ. Việc này chư Phật cũng có như thế, không đủ để hiềm nghi. Nhưng học chúng của ngài lại chỉ trọng một đức A Di Đà mà bỏ hết mười lăm vì Vương tử, muốn tôn một kinh Tịnh Độ mà bỏ hết ba tạng mười hai phần kinh. Đó là điều kẻ hèn này không muốn nghe! Hiện nay tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có độn tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca Diếp, Kiều Trần Như thì nói pháp này; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Chỗ thuyết giáo của Phật tùy cơ biến đổi, thật tròn trặn như trên mặt nước lăn trái hồ lô, nếu như cắm cọc đóng đinh, giữ cây chờ thỏ, làm sao lợi ích hàng non thiên được? Rất mong tôn giả tùy cơ thuyết pháp, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói thượng thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn thiên trệ khiến cho đại bàng cùng chim én đều được thích nghe. Như thế há chẳng là điều rất lành rất tốt ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm là Nhứt Thừa Viên Giáo, là vua trong các kinh. Trong bộ Di Đà Sớ Sao, tôn giả lại đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, điểm ấy tội hồ chưa thỏa đáng. Đã thế, có người lại còn nhân đó mà làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím sắc chu thành ra lẫn lộn! Mong tôn giả vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp.

Thơ đáp: -Tiếp được tờ mây, biết cư sĩ đại lượng bao
la muốn đem hết chúng sanh trong pháp giới đưa vào biển
tánh nhưt thừa. Đó là nguyện lớn của đức Phổ Hiền, riêng
lòng thật lấy làm kính ngưỡng!

1. Theo lời cư sĩ bảo: Tôi nên tùy cơ diễn giáo, đó là ý
kiến rất hay! Nhưng tùy môn cơ mà dẫn dạy, đó là việc
của chư Phật ra đời. Điều ấy kẻ hèn này chưa làm được.
Như khi xưa Lục Tổ ở Tào Khê chuyên dạy môn thiền
Trực Chỉ, đâu phải ngài không thông các giáo pháp khác?
Và như Viên Công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, gồm
các bậc cao tăng danh sĩ, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến
như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy
Ngưỡng, Lâm Tế, tuy đồng ra một nguồn, nhưng sự tiếp
độ của mỗi tông đều có phần sai khác. Những điều trên là
sự thi thiết riêng của chi phái môn đình, đó cũng là lẽ tất
nhiên, chẳng lấy chi làm lạ! Chư Tổ Sư khi xưa đều như
thế, huống nữa là kẻ phàm thường này ư? Nếu không tự
lượng bắt chước theo Phật, nay nói pháp này, mai diễn
pháp khác thì thành ra mờ mịt chẳng có sự thừa. Đó tuy
nói là lợi người, kỳ thật làm cho người lầm lạc. Tại sao
thế? Bởi Phật là đấng Pháp Vương, đối với các pháp đều
tự tại. Còn kẻ dân thường mà tiếm xưng Thiên Tử là điều
nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm đúng là Nhưt Thừa Viên Giáo,
gồm vô lượng môn; cầu sanh Tịnh Độ là một trong vô
lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay, nên do

một Tịnh Độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh Độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo do tôi đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy ở đâu, do ai trứ tác? Nhưng tôi cũng chưa từng đem kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn Sớ Sao của tôi chỉ nói: "Kinh Hoa Nghiêm cực viên, kinh Di Đà được một ít phần viên". Đó là bảo kinh Di Đà chỉ thuộc một phần pháp quyền của Hoa Nghiêm, có chi gọi rằng đồng bậc? Và lại khi nói Hoa Nghiêm, đã gồm Tịnh Độ và nói Tịnh Độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh Độ tự diễn Tịnh Độ, vẫn đồng hành mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, song không rõ đức Di Đà chính là Phật Giá Na. Ngài Long Thọ truyền bá kinh Hoa Nghiêm mà nguyện sanh Cực Lạc. Đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ Lô Giá Na, hiệu là Hoa Nghiêm Tam Thánh, cũng phát nguyện về cõi Liên Bang. Cư sĩ khuyên tôi vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm. Xin hỏi các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là bậc người nào? Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là căn Tịnh Độ hay Hoa Nghiêm? Cư sĩ lâu nay vẫn truyền dương kinh Hoa Nghiêm, mà trái với đức Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là điều tôi chưa hiểu nổi!

Thật ra, cư sĩ với tôi đều là bạn lành trong Hoa Tạng thế giới. Nay lão hủ lại muốn mời cư sĩ cùng làm huynh đệ ở Liên Bang. Mong cư sĩ xét suy, đừng xem tôi là người bên ngoài vậy.

Thơ hỏi: -Đại đức Đoạn Phàm có đem thơ phú đáp của tôn giả. Duyệt xem thấy lời và ý ân cần, thật rất cảm lòng chiếu cố! Nhưng nỗi riêng chưa tỏ hết, còn xin có mấy điểm trình bày:

1. Kinh Pháp Hoa, trong phần khen công đức thọ trì có dẫn: "Nếu người nữ nào thọ trì phẩm này sẽ thoát hẳn nữ thân, sanh về Cực Lạc". Như thế sự vãng sanh Tịnh Độ, phải chăng là nhân quả của nữ nhơn? Lại nữa, kinh Lăng Nghiêm, trong phần tuyển lựa viên thông, đức Văn Thù đã bác môn Niệm Phật của ngài Thế Chí là vô thường, sanh diệt. Vậy ý tôn giả nghĩ như thế nào?

2. Tề Kỷ thiên sư, khi các học giả đọc đến hai câu kệ của ngài Thiện Đạo: "Duy có đường tắt tu hành. Chỉ niệm A Di Đà Phật" đã quát to: "Vẫn còn quanh lối cũ, niệm được cái gì?" Thiên sư lại bảo: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, khổ thay A Di Đà Phật!" Lời của một bậc ngộ đạo nói như vậy, há không có ý vị ư?

3. Bởi thế bậc thức đạt đã bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành không bằng một niệm ngộ Vô sanh pháp nhãn". Người trí cần phải vượt khỏi môn quyền học tam thừa, không còn ngã và ngã sở. Nay sự vãng sanh Tịnh

Độ, ta là người hay sanh, Cực Lạc là chỗ sanh về, thì năng, sở, người cảnh còn phân biệt rõ ràng, đâu gọi là cứu cánh?

4. Nếu như nói: "Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh". Đây tất phải đợi sau khi vãng sanh thấy đức Di Đà mới được ngộ đạo, phải chăng là quá chậm trễ xa vời?

5. Trong thơ trước, tôi đã khuyên tôn giả: "Vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm" thật đã vì ngài mà tỏ bày hết tâm não. Tôn giả lại không lưu ý, nên vừa rồi thỉnh chúng nơi pháp hội của ngài từ Hàng Châu sang đất Tô, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến thượng thừa thì họ đều sững mắt, kinh lòng! Đó là lỗi của thầy, hay của hàng đệ tử? Đáng đại trượng phu khí lượng phải xung thiên, nay ngài đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lược của bậc đại nhơn, mà chỉ bắt chước hành động những ông già bà cả ăn chay ở đầu làng ngõ xóm? Nếu một mai bị bậc lanh lợi thông suốt hỏi đến, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc Đẩu, hay chui thân vào núi Thiết Vi ư?

6. Thế thì việc tôn giả muốn vời tôi cùng làm bạn sen nơi Cực Lạc, khác nào bảo kẻ này gánh gai bỏ vàng, đuổi theo vật mà chạy vào mê lộ? Há chẳng nghe nói: Nếu là chim đại bàng kim sủy, mới giương cánh đã vượt cao chín tầng mây; ngựa nhiếp ảnh thân câu vừa cất vó đã lướt ra ngoài vạn dặm. Hạng này không còn theo lớp mà ăn uống,

cũng không tùy tiện chịu vùi thân. Người xưa bảo: "Nếu muốn cứu cánh việc ấy, phải đứng trên chót vót đỉnh non cao, đi sâu tận lòng đáy biển thẳm. Như chưa bỏ được sự êm ấm của khuê phòng, thì có chỗ nào dùng được!".

Cho nên, Phật pháp là việc lớn, không phải phạm thường. Mong ngài nghĩ lại!

Thơ đáp: -Mấy điều huệ cố của cư sĩ, lời hay lẽ diệu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ: "Lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lắm lời phí uổng!"

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiên tông, ức chế Tịnh Độ thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: "Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A Di Đà?" Lại sao không bảo: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tác đất. Một tác đất đã không, nơi nào là cõi Cực Lạc?". Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm nhiếp hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi đều thù đáp, e phạm lỗi đấu tranh. Nếu hãnh không trả lời, vì đạo pháp có tương quan, lại chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày ước lược như sau:

1. Cư sĩ dẫn kinh Pháp Hoa, nói sự vãng sanh Tịnh Độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long Nữ thành Phật, cũng là nhân quả của người nữ ư? Lại dẫn kinh Lăng Nghiêm nói: Đức Văn Thù bác niệm Phật là vô thường, sanh diệt, không viên thông. Thế tại sao ngài Kiều Trần

Như tỏ ngộ hai chữ KHÁCH TRẦN có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất sanh diệt, lại chẳng được chọn là pháp viên thông? Nếu quả thật: Đức Quán Âm đồ cao, ngài Thế Chí thi rớt, thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: "Cửa rông chạm trán" là lời của kẻ quê mùa miền Đông Dã ở nước Tề?

2. Về những điều của Tề Kỷ thiên sư bảo, cư sĩ đã học Thiên, sao chẳng biết đó là các nhà tông sư vì người cời chấp mở trói, ý ở ngoài lời, lại cứ theo văn tự hiểu thành sự thật, mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy, thì cô đức bảo: "Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ Lô mà đi" cũng là đạp thật sự hay sao? Những cơ phong ấy trong các Ngũ lục có đến ngàn muôn ức. Lão hủ bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hùng hào. Về sau xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lẽ lối cũ, nay chợt nghĩ đến hãy còn đỏ mặt. Như Tề Kỷ thiên sư nói: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương khổ thay A Di Đà Phật!" Xin cũng dùng chuyện ngữ đối đáp: "Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, vui thay A Di Đà Phật!" Thử đem cân lường câu nói này với lời ngài Tề Kỷ, xem bên nào ít nhiều nặng nhẹ, và có bao khoảng cách xa?

3. Trong thơ lại dẫn lời cô nhơn bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sanh pháp nhãn". Xin hỏi: "Cư sĩ đã chứng được Vô sanh pháp nhãn chưa?" Nếu chứng được thì không nên cho rằng: Ta là

người hay sanh, Tịnh Độ là chỗ sanh về. Tại sao? Bởi tâm tức là cảnh, ai là người hay sanh? Cảnh tức là tâm, đâu là chỗ được sanh? Vì không còn thấy năng sở, nên tuy vắng sanh mà chưa từng có sanh. Đó mới thật là chân vô sanh. Nếu cho không sanh về đâu mới là vô sanh thì thành ra lỗi đoạn diệt, thiên không vậy.

4. Cư sĩ bảo: Nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ vô sanh là chậm trễ xa vời. Kẻ hiểu Thiền tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như giấc chiêm bao dài mới thức tỉnh? Người niệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh. Đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi vắng sanh mới kiến tánh. Đó là hoa nở về lâu. Bởi căn cơ có sáng tối, công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được nhất khái cho là sai chậm ư?

5. Trong thơ còn đề cập đến mấy vị tăng ở núi hoang nào đó khi hỏi tới thượng thừa thì đều sững mắt kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh Độ thì đàm Tịnh Độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn, chính nên giảng Tịnh Độ, sao cư sĩ không tùy bệnh cho thuốc, lại luận thượng thừa với họ làm chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lực của bậc đại nhơn. Lão hủ chưa từng dám đương với danh dự ra ứng thế, nên tự ứng không có tác lực của bậc đại nhơn. Điều này hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu bị người tu Tịnh Độ

là hạng ông già bà cả ăn chay quê mùa, thật ra không phải chê các vị đó đâu, mà chính là bỉ đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ Tát ấy, mà chư Tổ như Huệ Viễn, Thiên Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư đại thiện tri thức, các hàng danh nhơn niệm Phật, theo cư sĩ, cũng là hạng quê mùa cả ư? Song hạng quê mùa nếu niệm Phật được vãng sanh, sẽ lên ngôi Bất thối chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Những ông già bà cả ăn chay niệm Phật cũng đáng khen là họ biết giữ theo quy củ quê mùa của chính mình. Còn hạng thông minh tài biện, ăn thịt uống rượu, vọng nói Bát nhã, hôm sớm cứ tìm chư tăng gạn thiên nói đạo thì thế nào?

Đến như việc các ông già bà cả khi bị kẻ lạnh lợi thông suốt hỏi đến thì chẳng cần lên sao Bắc Đẩu, vào núi Thiết Vi làm chi cho cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cỏ hòng, trải tòa ngồi trên đôi mắt của các vị lạnh lợi thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để dạy chúng hãy tạm đóng môn tam muội nơi cửa miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi!

6. Cư sĩ cho rằng việc khuyên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là điên đảo, đuổi theo vật vào mê lộ, là gánh gai bỏ vàng, làm khuất nhục đến mình. Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão hủ xin đem một thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông chân thật gởi thiệp vào cửa vị phú trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng

cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú trưởng giả cười bảo: "Chủ nhơn lần trước không quở trách ông là may lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?" Lão ông đáp: "Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhơn. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có kẻ chưa giàu song tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, mà tự cho là mình giàu. Vả lại cảnh giàu sang như Kim cốc, My ô, nay còn đâu ư? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình nên quên phận thấp kém của mình, mới thương xót mà mời thỉnh. Thôi từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!" Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay.

TRÍ HỨC ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG CỬU TỔ)

Trí Hức Đại sư tự Ngẫu Ích, người đời Thanh, họ Chung, nhà ở Ngô huyện. Thân phụ thọ trì chú Đại Bi và Bạch Y, mộng thấy đức Quán Âm đại sĩ trao cho một đứa bé trai mà sanh ra ngài.

Thuở niên thiếu ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau nhân xem bộ Trúc Song Tùy Bút Lục của Liên Trì đại sư, liền đốt quyển sách của mình viết. Năm hai mươi tuổi, ngài đọc kinh Địa Tạng Bản Nguyên phát ý xuất trần, mỗi ngày hằng niệm Phật.

Niên hiệu Thiên Khải năm đầu, ngài hai mươi bốn tuổi, sau khi nghe một pháp sư giảng kinh, bỗng phát nghị tình, dụng công tham cứu. Ít lâu sau, được tỏ ngộ, liền đóng cửa nhập thất ở Ngô Giang. Thời kỳ ấy ngài đau nặng, mới quyết chí niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh vừa bớt, liền kết đàn trì chú Vãng sanh một thất, đốt ba liêu nơi cánh tay, thề phát lòng Bồ đề cầu sanh Cực Lạc, để mau chứng đạo quả, sớm độ chúng hữu tình.

Về sau, đại sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật. Thời bấy giờ, những nhà tu thiền ở các nơi, phân đông cho pháp môn Tịnh Độ là quyền giáo; khi gặp người niệm Phật, tất bảo tham cứu chữ Thủy. Riêng đại sư lại nhận định pháp Trì danh chính là tâm tông viên đốn. Có ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiền, đem những huyền lý bên Thiền gạn hỏi Tịnh Độ, ngài liền trả lời một cách thỏa đáng. Sau đó, đại sư về dưỡng lão ở Linh Phong.

Bình thời, đại sư từng khai thị rằng:

- Pháp môn Tịnh Độ không có chi lạ kỳ đặc biệt, yếu điểm chỉ là tin sâu, nguyện thiết và gắng sức thật hành mà thôi. Phật dạy: "Nếu người nào chuyên niệm A Di Đà, chính là Vô thượng thâm diệu thiên". Trí Giả đại sư bảo: "Niệm Phật tam muội là vua trong các môn tam muội". Tổ Vân Thê cũng nói: "Một câu A Di Đà Phật bao trùm tám giáo, tròn nhiếp năm tông".

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là cạn cợt tầm thường, bảo đó là công hạnh của hạng ngu phu, ngu phụ. Bởi thế nên lòng tin không chắc, chẳng gắng sức thật hành, trọn ngày lơ là, công phu khó thành tựu. Có kẻ lại lập phương tiện khéo bảo: "Muốn đi sâu vào niệm Phật tam muội phải tham cứu chữ Thù". Họ đâu biết rằng: Một tâm niệm hiện tiền, vốn đã tự rời tứ cú, tuyệt bách phi, chẳng cần phải tác ý rời và tuyệt. Một câu niệm Phật hiện tại, cũng vốn vượt tình lìa kiến, cần chi nói diệu nói huyền? Chỉ quý tin cho chắc, giữ cho vững, rồi buông bỏ hết mà niệm. Hoặc mỗi ngày đêm niệm một muôn, ba muôn, năm muôn, bảy muôn, mười muôn câu lấy sự nhất định không thiếu làm tiêu chuẩn. Như thế quyết giữ đến suốt đời, thề không biến đổi. Và nếu đúng như thế mà không được vãng sanh, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ. Một khi được về Cực Lạc, vĩnh viễn không còn thối chuyển, tất cả pháp môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kiêng kỵ kẻ không có chủ trương, nay vậy mai khác. Khi gặp nhà thuyết giáo, thì muốn tầm chương trích cú, học luật học kinh. Gặp người tu thiền lại mong tham cứu thoại đầu, theo cơ phong chuyển ngữ. Gặp bậc trì luật, ưa thích ôm bát khát thực, tu hạnh đầu đà. Thế nên sự sự không rời, điều điều chẳng trọn. Đâu biết rằng khi câu Phật hiệu niệm được thuần thực, thì ba tạng, mười hai phần kinh gồm ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, cơ

quan hướng thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng ở trong đó.

Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí. Niệm Phật không khởi tham sân si là đại trì giới. Niệm Phật không quản nhân ngã thị phi là đại nhẫn nhục. Niệm Phật không gián đoạn, không tạp vọng là đại tinh tấn. Niệm Phật không còn vọng tưởng thô tế là đại thiên định. Niệm Phật không bị các pháp khác mê hoặc cuốn lôi là đại trí huệ. Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên thân tâm thế giới, chưa dứt niệm tham sân si, chưa tuyệt lòng thị phi nhân ngã, chưa hết gián đoạn tạp vọng, chưa trừ vọng tưởng bông lông, chưa khởi bị pháp khác cuốn lôi mê hoặc, thì chưa phải là người chân thật niệm Phật.

Nếu muốn đến cảnh giới Nhất tâm bất loạn, cũng không có cách gì lạ. Khi mới tập niệm, dùng chuỗi ký số rành rẽ, và khắc định thời khóa dừng để cho thiếu sót. Như thế lâu ngày, công phu tự thuần thục, không niệm mà vẫn tự niệm. Chừng đó, muốn ký số hay không ký số cũng được. Nếu bước đầu, vội muốn lộ vẻ mình hay giỏi, muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học lối viên dung tự tại, rốt niệm lực khó thành. Đây tổng yếu bởi tin chưa sâu, thực hành chưa hết sức.

Người như thế, dù cho giảng thông thuộc ba tạng mười hai phần kinh, thấu suốt một ngàn bảy trăm công án, cũng

đều là việc bên bờ sống chết luân hồi mà thôi. Kẻ ấy đến lúc lâm chung, quyết định không dùng chi được!...

Năm Thuận Trị thứ hai, vào cuối Đông, đại sư cảm bệnh nhẹ, ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng. Sang đầu năm, ngày 21 tháng giêng, đại sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khỏe như người không bệnh. Đến đúng Ngọ, ngài đoan tọa trên giường, xây mặt về Tây chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhân hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ. Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân đại sư vẫn còn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống. Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở chùa Linh Phong.

HÀNH SÁCH ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP TỔ)

Hành Sách đại sư, tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh, con của Tướng Toàn Xương, một bậc lão Nho ở vùng Nghi Hưng. Cha ngài là bạn phương ngoại với Đức Thanh hòa thượng, tức Hám Sơn đại sư.

Niên hiệu Thiên Khải thứ sáu, sau khi Hám Sơn đại sư thị tịch được ba năm, một đêm Tướng Toàn Xương nằm mộng thấy ngài Hám Sơn vào nhà mình. Cũng trong đêm ấy, Hành Sách đại sư sanh ra, nên nhân đó ngài lại được

cha đặt cho ngoại hiệu là Mộng Hám. Đến khi khôn lớn, cha mẹ kế tiếp qua đời, ngài cảm sự thế vô thường, có ý niệm thoát tục.

Năm hai mươi ba tuổi, ngài thế phát xuất gia với Nhượng Am hòa thượng ở chùa Lý An. Tu hành tinh tấn không đặt lưng xuống chiếu trải năm độ nắng mưa, ngài tỏ suốt nguồn chân, ngộ vào pháp tánh. Sau khi Nhượng Am hòa thượng thị tịch, đại sư trụ trì chùa Báo Ân. Thời gian này, ngài được bạn đồng tham là Túc Am thiền sư khuyên tu Tịnh Độ, lại gặp Tiều Thạch pháp sư hướng dẫn duyệt lãm về Thiên Thai Giáo Quán. Kế đó, ngài cùng Tiều Thạch pháp sư đồng nhập thất tu môn Pháp Hoa tam muội. Nhân đây, túc huệ của đại sư khai phát, ngộ suốt đến chỗ cốt tủy của Thai giáo.

Niên hiệu Khang Hy thứ hai, ngài cất am ở núi Pháp Hoa, bên bờ sông Tây Khê tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh Độ. Nhân đó lại đặt tên chỗ ở của mình là Liên Phụ Am. Đến năm Khang Hy thứ chín, đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân ở Ngư Sơn, đề xướng thành lập Liên Xã. Học giả các nơi hưởng ứng tu tập rất đông. Ngài từng làm bài văn khuyên phát lòng tin chân thật rằng:

-"Phân đông người tu tập xưa nay, đều ưa thích niệm Phật tam muội. Tuy nói quả cao để tu tiến, mà kẻ sau ít được thành công. Ấy bởi do tín nguyện không chuyên, nên chẳng thể đồng về cảnh Tịnh. Nay đã họp nhiều liên hữu, cùng nhau tu tập tịnh nhân, nếu không xét kỹ chỗ phát

tâm, đâu biết rõ lối đường thoát khổ. Đồng nhân chúng ta dựa vào pháp hội, lòng tin chí nguyện phải thật phải chân. Nếu không chân chính, tuy ăn chay niệm Phật, tu phước phóng sanh, chỉ là người lành thế gian, duy hưởng nhân thiên phước báu. Lúc hưởng phước vui, dễ bề tạo nghiệp, đã tạo nhiều nghiệp ác, phải đọa khổ luân hồi. Điều này dùng chánh nhãn xét xem: Chỉ hơn bọn xiển đề một bước! Nếu lòng tin như thế, đâu được gọi là chân? Vậy chân tín là thế nào?

Thứ nhất phải tin: Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai khác. Chúng ta là Phật chưa thành. Di Đà là Phật đã thành. Giác tánh đồng một vẫn không có hai. Ta tuy điên đảo mê lầm, giác tánh chưa từng mất. Ta tuy nhiều kiếp luân chuyển, giác tánh chưa từng động. Nên nói: Khi một niệm hồi quang đồng về nơi bản đấng là như thế.

Thứ hai phải tin: Chúng ta là Phật danh tự, Di Đà là Phật cứu cánh, tánh tuy không khác, ngôi cách vực trời. Nếu không chuyên niệm đức Phật kia, cầu về cõi Tịnh; tất phải chịu theo nghiệp lưu chuyển, chịu khổ vô cùng! Đây gọi là pháp thân lưu chuyển sáu nẻo, không được thành Phật, mà vẫn cam phận chúng sanh.

Thứ ba phải tin: Chúng ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu nơi cảnh khổ, vẫn là chúng sanh trong tâm của Di Đà. Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm an vui ở cõi Tịnh, cũng là vị Phật trong tâm của chúng ta. Đã rõ chân tâm

vốn không hai, tất biết cảm ứng tự giao tiếp. Như đá nam châm hút sắt, việc này đâu lựa phải nghi? Đây gọi: nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền hoặc tương lai, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật chẳng xa vậy.

Đủ lòng tin chân thật như trên, tuy chút phước điểm lành như hạt bụi mảy lông, đều có thể hồi hướng Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ. Huống nữa trì trai giữ giới, bố thí, phóng sanh, đọc tụng đại thừa, cúng dường Tam Bảo, tu các hạnh lành, há chẳng đủ làm tư lương Tịnh Độ ư? Chỉ e lòng tin chẳng chân thành, mới khiến bị chìm nơi hữu lậu. Cho nên trong việc Tịnh tu, không chước chi lạ. Muốn công không luống uổng, quả được tròn nên, thì ngày đêm khi hành đạo, không rời ba điều tin trên mà thôi!".

Đại sư thường tổ chức những kỳ đả thất, để khuyến khích đại chúng tinh tấn thêm. Trong các kỳ thất, ngài khai thị đại ý rằng:

-“Bảy ngày trì danh, quý nơi giữ một lòng không loạn, chớ để trần lụy xen vào, không phải niệm mau niệm nhiều là hay. Cách trì danh, cần không hưỡn không gấp, bền bỉ chắc chắn, khiến cho câu Phật hiệu hiện rành rõ nơi tâm. Khi đi đứng nằm ngồi, ăn cơm mặc áo, nên giữ câu hồng danh liên tục chẳng dứt, không tán loạn hôn trầm dường như hơi thở ra vào nối tiếp. Trì danh như thế gọi là nhất tâm tinh tấn về phần sự.

Nếu thể cứu được sâu vào, thì muôn pháp đều như, nguyên không hai tướng. Đó là chúng sanh cùng Phật, mình cùng người, nhân với quả, y báo với chánh báo, như cùng sạch, khổ cùng vui, ưa với chán, lấy với bỏ, Bồ Đề cùng phiền não, sanh tử cùng Niết Bàn... các pháp ấy đều không hai, đều đồng một tướng, đồng một thể thanh tịnh. Như thế cứ thể cứu một cách thiết thật, không cần phải gắng gượng an bài. Thể cứu đến lúc cùng cực bỗng nhiên khế hợp với bản tâm. Chừng đó mới biết mặc áo ăn cơm cũng là tam muội, cười đùa giận mắng đều việc độ sanh. Khi ấy nhất tâm hay loạn tâm trọn thành hý luận, ngày đêm sáu thời tìm một mảy tướng khác cũng không thể được. Liều đạt như thế, mới chân chánh là người học đạo. Và trì danh như thế, gọi là nhất tâm tinh tấn về phần lý.

Sự nhất tâm như trước tựa khó mà dễ. Lý nhất tâm như sau tựa dễ mà khó. Chỉ nhất tâm được như trước, quyết chắc dự phần vãng sanh. Nếu kiêm thêm cảnh nhất tâm sau, tất có thể lên ngôi Thượng phẩm. Nhưng hai thứ nhất tâm đây, đều là phần việc kẻ bác địa phạm phu, người hữu tâm đều có thể tu học. Khắp khuyên các hàng đạo tục trong Liên Xã, đều phải sách tấn thân tâm. Gần trong bảy ngày, xa suốt một đời, nếu thường tin và tu như thế, thì dù không chứng quả, cũng mạnh nhân sen. Ngày kia gởi chất Liên Trì, tất không thuộc phẩm Trung hạ vậy”.

Đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân được mười ba năm. Niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi một, ngày mùng chín tháng bảy, ngài thoát hóa, thọ 55 tuổi.

Khi ấy có ông Tôn Hàn bị cấp bệnh tắt hơi, hôm sau bỗng sống lại nói: "Tôi bị Minh ty bắt giam cầm nơi điện Diêm La. Bỗng đâu trong chỗ tối tăm, thấy ánh sáng rực trời, hương hoa đầy khắp hư không. Vua Diêm La quỳ mọp xuống đất, đưa một vị đại sư về Tây Phương. Tôi thưa hỏi đại sư nào, được đáp là ngài Triệt Lưu. Nhờ ánh sáng của đại sư chiếu đến, tôi mới được tha trở về. Đồng ngày ấy có con nhà họ Ngô chết, qua một đêm sống lại, cũng thuật việc mình nghe thấy y như ông Tôn Hàn.

THẬT HIỀN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP NHẤT TỔ)

Thật Hiền đại sư, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục.

Từ thuở bé ngài không ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, tham cứu câu Niệm Phật Là Ai? Được tỏ ngộ, và nói: "Tôi đã tỉnh giấc mơ!".

Kế tiếp, đại sư đóng cửa thất ba năm ở chùa Chân Tịch, ngày duyệt ba tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Mãn thất, ngài đến Mậu Sơn lễ Xá lợi ở tháp A Dục Vương. Nhằm ngày Phật Niết Bàn, đại sư họp nhiều hàng đạo tục sắm lễ cúng dường, rồi đốt ngón tay trước Phật, phát bốn mươi tám điều đại nguyện. Lúc ấy cảm Xá lợi

phóng ánh sáng rực rỡ. Đại sư làm bài văn "Khuyên phát lòng Bồ Đề" để khuyến khích tứ chúng, nhiều người đọc đều rơi lệ. (Phụ ký nơi đoạn sau).

Lúc lớn tuổi, ngài về trụ trì chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu. Năm Ung Chánh thứ bảy, đại sư lập Liên Xã, làm văn phát thệ giữa đại chúng, lấy trọn đời tinh tấn tu tịnh nghiệp làm kỳ hạn. Ngài chia nhật khóa làm hai mươi phần, mười phần trì danh, chín phần quán tưởng, một phần lễ sám. Có nhà tu thiền hỏi về chỉ thú niệm Phật, đại sư dùng lời kệ khai thị rằng:

Một câu A Di Đà,
Là việc đầu công án.
Không thương lượng chi khác,
Thẳng ngay liền quyết đoán.
Ví như đồng lửa lớn,
Nhảy vào liền cháy tan.
Lại như gươm Thái A,
Xông vào liền đứt đoạn.
Sáu chữ gồm nhiếp thấu,
Tám muôn tư pháp tạng.
Một câu giải quyết xong,
Ngàn bảy trăm công án.
Mặc ai không thích nghe,
Ta tự tâm tâm niệm.
Xin bắt tất nhiều lời,
Gắng một lòng không loạn.

Niên hiệu Ung Chánh thứ hai, ngày mùng tám tháng chạp, đại sư bảo chúng rằng: "Tháng tư sang năm ta sẽ đi xa". Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu. Sang năm, ngày 12 tháng 4, đại sư bảo môn đồ rằng: "Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tây Phương Tam Thánh, chắc là đến lúc vãng sanh!". Nói xong, liền làm kệ già từ đại chúng. Qua hôm sau, đại sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng. Đến canh năm tắm rửa thay y áo. Bữa ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, đại sư lại nhắm mắt dạy về Tây ngò yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Đại sư bỗng mở mắt nói: "Tôi về Cực Lạc không bao lâu sẽ trở lại. Thoát ly sống chết là việc lớn, mỗi người nên cố gắng thanh tịnh niệm Phật!".

Dặn dò xong, chấp tay xưng hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được 49 tuổi.

BÀI VĂN KHUYÊN PHÁT LÒNG BỒ ĐỀ (THẬT HIỀN ĐẠI SƯ SOẠN)

Từng nghe: Cửa yếu vào đạo, phát tâm làm đầu. Việc gấp tu hành, lập nguyện ở trước. Nguyện lập, tất chúng sanh có thể độ. Tâm phát, thì Phật đạo mới kham thành. Nếu không phát tâm rộng lớn, lập nguyện vững bền, thì trái kiếp số như vi trần, vẫn còn trong vòng sanh tử. Dù có tu hành siêng khổ, chỉ luống công khó nhọc mà thôi!

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu quên mất tâm Bồ Đề mà tu các pháp lành đó là nghiệp ma". Quên mất còn như thế, huống là chưa phát ư? Cho nên, muốn học Như Lai thừa, trước phát Bồ Đề nguyện. Điều này vẫn không thể lần lựa vậy.

Nhưng sự sai biệt của tâm nguyện, tướng trạng có rất nhiều. Nay xin vì đại chúng, mà ước lược tỏ bày. Phát tâm gồm tám tướng là: tà, chánh, chân, ngụy, cùng đại, tiểu, thiên, viên. Tám tướng ấy như thế nào?

1. Trong đời có người tu, chỉ một bề hành theo sự tướng, không xoay vào tham cứu chân tâm. Hoặc theo việc bên ngoài, ưa thích hư danh, mong cầu lợi dưỡng. Hoặc đắm mê huyễn cảnh, tham dục lạc hiện tại, cầu phước báu đời sau. Phát tâm như thế gọi là Tà.

2. Bậc không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sự sống chết, mong cầu đạo Bồ Đề. Phát tâm như thế gọi là Chánh.

3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khó độ không chán mỏi. Như leo non cao muôn dặm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chín cấp, đến ngọn chót cùng. Phát tâm như thế gọi là Chân.

4. Có tội không sám hối, có lỗi chẳng biết trừ. Trong trước mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Tuy có

lòng tốt, song xen lẫn với lợi danh. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là Ngụy (Dối).

5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng. Phật đạo tròn nên, thể nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là Đại.

6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tợ oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế gọi là Tiểu.

7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh, mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo, rồi nguyện thành. Công tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm như thế gọi là Thiên (Lệch).

8. Biết chúng sanh là tánh mình, nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh mình, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rộng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng như hư không. Kết cuộc chứng quả vô chứng đặc như hư không, cũng chẳng thấy có tướng "không". Phát tâm như thế gọi là Viên.

Tám lối phát tâm trên đã biết rành rẽ. Nên tự xét kỹ, xem mình phát tâm thuộc về cách nào? Nếu thấy là Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên, phải lập tức sửa đổi. Như thuộc Chánh, Chân, Viên, Đại, nên bền chắc thêm lên. Như thế mới gọi là chân chánh phát Bồ Đề tâm.

Bồ Đề tâm này là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được. Nhân duyên ấy đại ước có mười thứ:

1. Vì nghĩ đến ơn Phật:

Đức Thích Tôn ta, khi mới phát tâm, vì độ chúng ta, tu Bồ Tát đạo, trải vô lượng kiếp chịu đủ sự khổ. Lúc ta tạo nghiệp, đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta đọa ác đạo, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ. Nhưng ta nghiệp nặng, không thể cứu vớt. Ta sanh làm người, Phật dùng phương tiện, khiến gieo căn lành, nhiều kiếp theo dõi, lòng không tạm bỏ. Phật mới ứng thế, ta còn trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội chi mà sanh nhằm mặt pháp. Phước gì mà dự tăng luân? Chướng chi mà không thấy kim thân? May gì mà được gặp Thánh tượng?

Rồi tự suy nghĩ: Nếu đời trước chẳng trồng căn lành, thì làm sao được nghe Phật pháp? Không nghe chánh pháp, đâu biết mình thường thọ Phật ân? Ân đức này, bề thăm khôn cùng, non cao khó sánh! Nếu không phát tâm Bồ Đề, tu hạnh Bồ Tát, giữ vững chánh pháp, cứu độ chúng sanh, thì dù nát thịt tan xương, cũng không đền đáp được! Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Vì nhớ ơn cha mẹ: - Than ôi cha mẹ, sanh ta khó nhọc! Mười tháng mang thai mới nặng, ba năm bú sữa mớm cơm. Khi được nên người, chỉ mong ta nối dõi tông đường, tự thừa tiên tổ. Ngờ đâu ta đã xuất gia, lạm xưng

Thích tử, không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân. Cha mẹ còn, ta không thể nuôi dưỡng thân già. Cha mẹ mất, ta chưa thể dắt dìu thần thức. Chừng hồi tưởng lại thì, nước trời đà cách biệt từ dung, mồ biếc chỉ hắt hiu thu thảo. Như thế, với đời là sự tồn lớn, với đạo lại không ích chi, hai đường đã lồi, khó tránh tội khiên!

Nghĩ như thế rồi, làm sao chuộc lại? Chỉ có trăm kiếp ngàn đời, tu Bồ Tát hạnh, mười phương ba cõi, độ khắp chúng sanh. Được như vậy, chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời, đều nhờ độ thoát. Chẳng những cha mẹ một người, mà cha mẹ nhiều người, cũng được siêu thăng. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Vì tưởng ơn Sư trưởng: - Cha mẹ tuy sanh dục sắc thân, nhưng nếu không có thầy thế gian, thì ta chẳng hiểu biết nghĩa nhân. Không có thầy xuất thế, tất ta chẳng am tường Phật pháp. Không biết lễ nghĩa liêm sỉ, nào khác chi loài cầm thú? Không tường nhân quả Phật pháp, đâu khác gì hàng ngu mê? Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật pháp là nhờ đâu? Huống nữa, thân giới phẩm đã nhuận phần đức hạnh, áo cà sa thêm rạng vẻ phước điền, thực ra đều do ân sư trưởng mà được.

Đã biết như thế, nếu ta cầu tiêu quả thì chỉ có thể lợi riêng mình. Nay phải phát đại tâm, mới mong độ các loài hàm thức. Như vậy thầy thế gian mới dự hưởng phần lợi ích, mà thầy xuất thế cũng thỏa mãn vui lòng. Đây là nhân duyên thứ ba.

4. Vì nghĩ ân thí chủ: - Kẻ xuất gia hôm nay, đồ mặc thức ăn, đều nhờ tín thí, thuốc men giường chiếu, cũng của đàn na. Người nhọc sức cấy cày, vẫn còn kém thiếu. Ta ngồi không thọ hưởng, sao nỡ an lòng? Kẻ dật may gian khổ, chẳng kể đêm hôm. Ta y phục dư thừa, há không mếm tiếc? Người nhà lá vách phen, trọn đời bận rộn. Ta nền cao đèn rộng, thông thả quanh năm. Đem công cụ nhọc để cung cấp cho ta sự an nhàn, lòng nào vui được? Lấy tài lợi riêng để giúp cho ta được no đủ, lý có hợp không?

Thế nên tự nghĩ: Phải vận lòng bi trí, tu phước huệ trang nghiêm để đàn tín được phước duyên, chúng sanh nhờ lợi ích. Bằng chẳng vậy thì chút hạt cơm tác vãi, đèn đáp có phen; thân nô dịch súc sanh, nợ nần phải trả. Đây là nhân duyên thứ tư.

5. Vì biết ơn chúng sanh: - Ta cùng chúng sanh từ vô thỉ đến nay, kiếp kiếp đời đời thay đổi làm quyến thuộc, kia đây đều có nghĩa với nhau. Nay dù cách đời đời thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý suy ra, chẳng thể không đền đáp.

Vật loại mang lông đội sừng ngày nay, biết đâu ta là con của nó trong kiếp trước? Loài bướm ong trùng đế hiện tại, biết đâu đó là thân sinh tiền thế của mình? Đến như tiếng rên siết trong thành ngọc quý, giọng kêu la dưới cõi âm ty, ta tuy không thấy chẳng nghe, họ vẫn van cầu cứu vớt. Ngoài kinh ra, nơi đâu bày tỏ việc này? Không Phật

nói, chẳng ai hiểu rành điều ấy! Cho nên Bồ Tát xem ông kiến là cha mẹ quá khứ, nhìn thú cầm là chư Phật vị lai. Thương nẻo khổ lâu dài, hằng lo cứu vớt. Nhớ nghĩa xưa sâu nặng, thường tưởng báo ân. Đây là nhân duyên thứ năm.

6. Vì tướng khổ sanh tử: Ta cùng chúng sanh, nhiều kiếp đến nay hằng trong vòng sanh tử, chưa từng được thoát ly. Khi ở cõi này, lúc thế giới khác, khi sanh thiên cảnh, lúc sống nhơn gian, siêu đọa phút giây, xuống lên muôn nẻo. Cửa quỷ sớm đi rồi chiều lại; âm ty nay thoát bỗng mai vào. Lên non đao rừng kiếm thân thể đứt rời. Nuốt sắt nóng dầu sôi, ruột gan rã cháy. Khóc than trong lửa, rên siết trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây phút khổ đau bằng thế kỷ! Lúc ấy dù biết tội khổ, nhưng ăn năn sao kịp! Khi ra khỏi tội liền quên mất, vẫn tạo tội như thường. Tâm không hằng như lữ khách ruổi dong. Thân chẳng định dường cửa nhà thay đổi. Cát bụi cõi Đại thiên, không tính nổi số thân luân chuyển. Nước đầy trong bốn bể, chẳng nhiều bằng giọt lệ biệt ly! Nếu không lời Phật, việc này ai thấy ai nghe? Ví chẳng xem kinh, lý ấy đâu hay đâu biết? Thảng hoặc luyến mê như trước, chỉ y cứ luân hồi. Rồi ra muôn kiếp nghìn sanh, khó hỏi một làm trăm lần. Giờ tốt tội qua mà chẳng lại, thân người dễ mất nhưng khó tìm. Âm cảnh mịt mờ, xót nỗi biệt ly dài dặc! Tam đồ ác báo, thương cho thống khổ ai thay?

Vậy phải dứt nguồn sanh tử, cạn bể dục si, độ thoát mình người, đồng lên giác ngộ. Muôn đời siêu hoặc đọa, quan hệ ở phút này, không thể bê trễ được! Đây là nhân duyên thứ sáu.

7. Vì tôn trọng tánh linh: - Tâm tánh của ta cùng Thích Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Thích Tôn đã thành chánh giác sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn là phàm phu điên đảo hôn mê? Lại đức Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí huệ, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta thì đầy vô lượng phiền não nghiệp duyên, lụy trần ràng buộc?

Tâm tánh tuy vẫn đồng một, vì mê ngộ nên cách vực trời. Ví như hạt bảo châu vô giá vùi dưới bùn nhơ, người xem dường đất đá. Cho nên phải dùng vô lượng pháp lành, đối trị phiền não, để tánh đức hiển bày. Như bảo châu được rửa sạch lau khô, treo để trên tràng cao, liền phóng quang rực rỡ. Thế mới không uổng công Phật giáo hóa, chẳng phụ tánh linh mình, xứng đáng bậc trượng phu. Đây là nhân duyên thứ bảy.

8. Vì sám hối nghiệp chướng: - Kinh nói: "Phạm một giới nhỏ, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ thiên vương". Lỗi nhỏ còn như thế, huống chi tội nặng ư? Chúng ta mỗi ngày, một cử một động thường sai giới luật, lúc ăn lúc uống hằng phạm Thi la. Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống chi trọn đời, cho đến vô lượng kiếp về trước! Cứ lấy ngũ giới mà xét, thì mười người đã

hết chín phạm, ít phát lộ nhiều giấu che. Năm giới còn như thế, huông là giới Sa di, Tỳ kheo và Bồ Tát ư?

Nay ta phải phát lòng thương mình, thương người, lệ rơi theo tiếng, thân khẩu thiết tha, cùng với chúng sanh, ai cầu sám hối! Chẳng thế thì ngàn đời muôn kiếp, ác báo khó trừ, làm sao thoát khổ? Đây là nhân duyên thứ tám.

9. Vì cầu sanh Tịnh Độ: - Ở cõi này tu tập, việc tiến đạo khó khăn; về Cực Lạc hành trì, sự thành Phật dễ thuận. Vì dễ thuận, nên một đời liền đắc quả. Bởi khó khăn, nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Cho nên Thánh trước Hiền sau, người người xu hướng. Ngàn kinh muôn pháp, chỗ chỗ chỉ quy. Sự tu hành giữa thời mạt pháp, thật không chi hơn pháp môn này. Như kinh nói: - Ít căn lành khó được vãng sanh, nhiều phước đức mới về cõi tịnh. Nhiều phước đức không gì bằng chấp trì danh hiệu. Nhiều căn lành chẳng chi hơn phát ý Bồ Đề. Tạm trì Phật hiệu, thắng hơn bố thí trăm năm. Một phát đại tâm, vượt quá tu hành nhiều kiếp. Bởi niệm Phật vẫn mong thành Phật, đại tâm không phát, thì niệm Phật để làm chi? Còn phát tâm vốn để tu hành, Tịnh Độ chẳng cầu, dù phát cũng dễ thôi chuyển. Cho nên gieo hạt giống Bồ Đề, cày lưỡi cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng tiến. Nương chiếc thuyền đại nguyện, vào biển mầu Tịnh Độ, Tây Phương quyết định sanh về. Đây là nhân duyên thứ chín.

10. Vì hộ trì chánh pháp: - Đức Thế Tôn ta từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ Đề. Ngài đã

làm việc khó làm, nhịn điều khó nhịn, công tròn quả mãn, thành đấng Như Lai. Sau khi thành Phật, duyên giáo hóa đã xong liền vào Niết Bàn. Nay chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, chỉ còn mặt pháp, có kinh giáo mà không kẻ đắc thành. Thời nay tà chánh chẳng phân, thị phi lẫn lộn, tranh đua như nhơn ngã, đeo đuổi lợi danh. Tam Bảo chẳng còn thật nghĩa, suy tàn tội tệ không nỡ thốt lời. Khi nghĩ đến đây, khó cầm giọt lệ!

Ta là Phật tử, không báo được ân, trong không ích cho mình, ngoài không ích cho người, sống không ích dương thế, chết không ích đời sau. Suy nghĩ như vậy, đau lòng xót dạ, vội phát Bồ Đề, nguyện nguyện độ sanh, tâm tâm cầu Phật, thề hết báo thân, sanh về Cực Lạc. Những mong sau khi chứng quả, trở lại Ta Bà, khiến cho Phật nhật rạng soi, pháp môn rộng mở. Tang hải đẹp thanh nơi cõi trước, nhân dân tu đức ở phương Đông. Kiếp vận nhờ đó mà tiêu trừ, chánh pháp do đây được bền vững. Đây là nhân duyên thứ mười.

Như trên tám cách đã thông, mười duyên đã biết, phát tâm có chỗ, xu hướng có nơi. Trông mong đại chúng, đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thì nay phát, đã phát nên tăng trưởng, đã tăng trưởng khiến tương tục. Chớ thấy khó mà thôi khiếp, chớ thấy dễ mà khinh thường. Chớ dục tốc mà chẳng bền lâu, chớ biếng trễ mà không tiến ích. Cũng đừng vì tội dốt mà một mặt vô tâm, đừng vì trí cạn mà tự hiềm vô phận. Ví như trồng

cây, trồng lâu thì rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền thì lưỡi lụt lần bén. Đâu nên vì rễ cạn mà bỏ khô không vun xới, dao lụt mà để luống thành phế hư!

Còn nếu cho tu hành là khổ, tất chưa biết biếng trễ lại càng khổ hơn! Tu hành tuy siêng nhọc nhứt thời, nhưng an vui mãi mãi.

Biếng trễ chỉ tạm nhàn một kiếp, song khổ lụy đời đời. Huống chi dùng Tịnh Độ làm thuyền bè, đâu lo gì thói chuyển? Lại được vô sanh làm sức nhẫn, há còn sợ gian nan? Chớ bảo ý niệm vô thường, nguyện suông vô ích. Phải biết tâm chân thì sự thật. Nguyện rộng tất hạnh sâu. Hư không chẳng rộng lớn bằng nguyện tâm, kim cương không cứng bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời này, thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc Bồ Đề, bạn lành Tịnh Độ. Nguyện đồng sanh Cực Lạc, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh Giác.

TÊ TỈNH ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP NHỊ TỔ)

Tê Tỉnh đại sư, tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh, con nhà họ Mã ở huyện Phong Nhuận. Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử. Sau khi xuất gia, lại đi tham học các nơi, rộng suốt cả hai tông: Tánh và Tướng. Chỗ tâm đắc nhất của ngài là chỉ thú Thập Thừa Tam Quán của Kinh Pháp Hoa. Kế đó, ngài lại tham phỏng với

Tụy Như Thuần thiền sư ở Quảng Thông, tỏ ngộ thấu suốt, được truyền tâm ấn. Sau Thuần công về an dưỡng ở chùa Vạn Thọ, đại sư kế nhiệm tại Quảng Thông, sách tiến hàng hậu lai, tông phong rất thanh.

Bình nhật, đại sư thường bảo: "Ngài Vĩnh Minh nguyên là bậc long tượng trong thiền môn, mà còn quy tâm về Tịnh Độ. Huống nay là thời mạt pháp, chúng ta cũng phải tuân theo". Do đó, ngài chuyên tu tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông. Mỗi ngày hạn thời giờ dạy chúng hoặc tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra chỉ chuyên lễ sám niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu, đại sư sang trụ trì chùa Giác Sanh. Kế đó lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng các nơi mến đức nương về ngày càng đông, khiến chỗ ấy trở thành đại tông lâm. Đại sư vì pháp lợi sanh lòng không chán mỏi, tất cả đều dùng Tịnh Độ làm chỗ quy thú. Mỗi khi giảng đến ân cứu khổ ban vui của Như Lai, thường lệ rơi theo tiếng. Thính chúng ngồi nghe đều cảm động sa nước mắt. Trong hai quyển Ngũ Lục của ngài, lời khuyên hóa lại càng chí thiết. Đại lược như sau:

- "Đầu mối quan hệ trong vòng sống chết của chúng ta, duy có hai thức: Tâm lực và Nghiệp lực. Tâm lực là tâm niệm có nhiều mối, khi lâm chung đi theo mối nặng nhất. Nghiệp lực ví như người mang nợ, chủ nợ mạnh lôi kéo trước tiên. Nghiệp lực tuy lớn, nhưng tâm lực lại càng lớn hơn. Bởi nghiệp không tự tánh, hoàn toàn nương nơi tâm,

nên khi tâm chú trọng thì làm cho nghiệp thêm mạnh. Nếu ta dùng trọng tâm mà tu Tịnh Độ, tất tịnh nghiệp mạnh, khi lâm chung quyết định sanh về Tây Phương. Ví như cây to tường cao, nghiêng hướng về Tây, ngày kia khi ngã đổ tất cũng hướng về Tây vậy.

Thế nào là trọng tâm? Chúng ta tu Tịnh Độ, lòng tin quý ở nơi sâu, chí nguyện quý ở nơi thiết. Do tín nguyện sâu thiết, nên tất cả tà thuyết không thể lay động, tất cả cảnh duyên không thể kéo lôi. Giả sử đang khi ta niệm Phật, bỗng Tô Đạt Ma hiện ra, bảo phải bỏ Tịnh tu Thiền có thể liền giác ngộ, thì cũng từ tạ không dám tuân lời. Hay dù đức Thích Ca hiện thân, bảo có pháp môn khác hơn Tịnh Độ, dạy ta phải bỏ niệm Phật để tu môn kia, ta cũng đánh lễ mà từ khước. Giữ vững như vậy, mới gọi là lòng tin sâu chắc.

Về phần nguyện, ví như có vòng sắt nóng đỏ xoay vắn trên đầu, ta cũng không vì sự khổ ấy mà thôi thất chí vãng sanh. Lại như có cảnh dục lạc màu nhiệm nhất của Chuyển Luân Vương hiện đến, ta cũng không vì sự vui sướng đó mà quên tâm niệm cầu về Cực Lạc. Gặp những cảnh duyên nghịch thuận cùng cực như thế, mà vẫn không đổi lòng, mới gọi là chí nguyện tha thiết.

Lòng tin sâu, chí nguyện thiết ấy, gọi là trọng tâm. Dùng tâm này mà niệm Phật thì tịnh nghiệp mạnh và lần lần thành thực. Khi nghiệp thanh tịnh Cực Lạc thành thực, tất duyên nhiễm Ta Bà phải dứt. Như thế, lúc lâm chung

dù có muốn cảnh luân hồi hiện ra, cảnh Tịnh Độ cùng đức Di Đà chẳng hiện tiền, cũng không thể được. Nhưng tín nguyện sâu thiết ấy lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, khi lâm chung mới khởi lạc vào nẻo khác. Như cổ đức lúc sắp mạng chung, chư Thiên ở sáu cõi trời trời nhạc cầm tràng phan, kế tiếp đến rước, mà vẫn cố từ, một lòng chờ Phật, đợi khi Phật hiện đến mới chịu đi. Lâm chung là cảnh tứ đại sắp phân tán, chư Thiên đến rước là cảnh tốt đẹp tuyệt vời! Nếu bình thời tâm tín nguyện chưa được mười phần vững chắc, thì khi lâm chung gặp phải cảnh ấy, làm sao tự chủ được!"

Có nhà tu thiên hỏi:

-Tất cả các pháp, đều như mộng huyễn. Cõi Ta Bà cố nhiên vẫn huyễn, song cảnh Cực Lạc cũng lại là mộng. Như thế, niệm Phật cầu về Cực Lạc nào có ích chi được?

Đại sư đáp:

- Không phải thế đâu! Các bậc Bồ Tát từ đệ Thất địa trở về trước, đều tu hành trong huyễn mộng. Đến như bậc Đẳng Giác vẫn còn ở trong mộng lớn vô minh. Duy có Phật mới là bậc Đại Giác, hoàn toàn thức tỉnh. Đang lúc còn trong mộng, thì cảnh vui cùng khổ vẫn uyển nhiên! Như thế, cam chịu cảnh mộng khổ ở Ta Bà, sao bằng về hưởng cảnh mộng vui nơi Cực Lạc? Phương chi, mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, lần lượt đi sâu đến chỗ chìm mê. Mộng ở Cực Lạc là từ mộng ra khỏi mê, lần lượt đến ngôi Đại Giác. Cho nên mộng cảnh tuy vẫn đồng, mà kết

quả ở đôi nơi rất khác xa, vì thế phải niệm Phật cầu về Cực Lạc!

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười lăm, vào tháng hai, đại sư dự biết ngày lâm chung, chẳng còn bao xa, đi từ giả những người ngoại hộ, dặn rằng: "Duyên hư huyễn chẳng bền lâu, giờ sống thừa nên quý tiếc. Các vị hãy cố gắng niệm Phật, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Đến ngày mùng hai tháng chạp, đại sư cảm bệnh nhẹ, đang chí tâm niệm Phật, bỗng thấy có vô số tràng phan từ phương Tây bay đến, liền nhìn môn đồ nói: "Cảnh Tịnh Độ đã hiện, ta sắp về Tây Phương!". Rồi bảo đại chúng, luân phiên trợ niệm. Sang ngày 17, vào giờ Thân, ngài nói với chúng rằng: "Hôm qua tôi thấy ba vị đại sĩ: Văn Thù, Quán Âm, và Thế Chí. Hiện giờ lại được đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!". Đại chúng nghe nói, niệm Phật càng chí thiết, đại sư ngồi thẳng, chấp tay hướng về Tây, bảo: "Xưng một câu hồng danh, thấy một phần tướng hảo!". Dứt lời, liền kiết ấn mà tịch.

Lúc ấy, tất cả chúng đều nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Để lộ khám bảy ngày, dung sắc đại sư tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, được hơn một trăm hạt xá lợi lóng lánh. Đại sư thọ được bảy mươi, tặng lập bốn mươi chín.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

(LIÊN TÔNG THẬP TAM TỔ)

Ấn Quang đại sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm, người khoảng cuối đời nhà Thanh sang kỷ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Hiệp Tây. Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, bài bác Phật Pháp. Sau bị bệnh mấy năm, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chử thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi một tuổi, căn lành thành thực, ngài xuất gia với Đạo Thuần hòa thượng tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Ít lâu sau, lại được duyên thọ đại giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An, với luật sư Ân Hải Định.

Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ, thì chỉ nhìn thấy cảnh vật lơ mờ. Lúc thọ giới Cụ túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo, nên được cử làm chức Thơ ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức Niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn bệnh đau mắt cũng được lành.

Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh Độ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, đại sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam: Từ Phước Tự, Long Tuyên Tự, Viên Quang Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.

Trong thời gian ấy, khi thì tham học, lúc duyệt Tam tạng kinh, khi lại nhập thất, nên ngài ngộ sâu đến thượng thừa, lý sự đều vô ngại, đại sư kiến thức cao siêu, làm việc cẩn mật nên hai phen được Hóa Văn hòa thượng và Đệ Nhàn pháp sư mời làm đồng bạn đến đế đô thỉnh ba tạng kinh cho Pháp Võ Tự ở Phổ Đà Sơn và Đầu Đà Tự tại Ôn Châu. Cảm mến hạnh đức, Hóa Văn hòa thượng thỉnh ngài về ở lầu Tàng Kinh tại chùa Pháp Võ để tĩnh tâm tu niệm. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, đại sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật tam muội.

Nhưng chuông trống tuy đánh bên trong, tiếng thanh vẫn vang ra ngoài. Cao tăng dù muốn ẩn mình, Thiên long cũng đưa duyên phổ hóa. Niên hiệu Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, cư sĩ Cao Hạp Niên nhân khi hành hương đến chùa Pháp Võ, lúc trở về đem vài bài văn của đại sư đăng lên Phật Học Tông Báo ở Thượng Hải, dưới đề tên là Thường Tâm. Tuy chưa biết đó là ai, nhưng văn tự Bát Nhã đã khiến cho độc giả phát khởi căn lành, nhiều người

đua nhau dò hỏi chỗ ở. Lúc ấy, đại sư vừa đúng năm mươi hai tuổi. Mấy năm sau, tung tích cũng bị người tìm biết được; lần lượt kẻ vượt bể lên non cầu lời khai thị, người mượn tin hồng nhận hỏi lỗi nam châm. Cư sĩ Từ Huát Như sưu tập văn tín của ngài in thành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, tái bản và tặng đính nhiều lượt, truyền bá cả trong đến ngoài nước.

Ban sơ, khi Từ cư sĩ đem mẹ lên núi cầu xin quy y, đại sư còn bền giữ chí ẩn tu không chịu chấp nhận, bảo sang quy y với Đệ Nhàn pháp sư ở chùa Quán Tông tại Ninh Ba. Đến năm Dân Quốc thứ tám, cư sĩ Châu Mạnh Do đem quyền thuộc lên núi, ba bốn phen đánh lễ cầu khẩn, xin thầy làm đệ tử tại gia. Đại sư quán xét cơ duyên, lý khó khước từ, bất đắc dĩ phải chấp thuận. Tính đến năm ấy, ngài được năm mươi chín tuổi, mới thầy đệ tử quy y lần đầu. Từ đó, hàng thiện tín kẻ viết thư cầu làm đệ tử, người lên non xin được quy y, tất cả đều y giáo phụng hành, ăn chay niệm Phật. Trong một đời giáo hóa, đệ tử tại gia của đại sư, từ hạng quyền quý giàu sang, danh nhân học sĩ đến kẻ thôn dã thường dân, số lên đến gần ba trăm ngàn người. Có nhiều vị niệm Phật tu hành được sanh về cõi Cực Lạc.

Đại sư trì giới tinh nghiêm, giữ mình rất kiệm ước. Đồ phục dụng tốt đẹp, cùng thức ăn uống ngon quý người đem đến dâng, nếu không từ khước được, cũng chuyển tặng cho những vị xuất gia khác. Còn phẩm vật thông thường,

thì đều chuyển giao cho nhà kho của chùa, để đại chúng cùng thọ hưởng. Bao nhiêu số tiền của dân tín cúng dường riêng cho mình, ngài đều đem in kinh sách, hoặc cứu tế các nạn tai, hay giúp vào những cơ quan từ thiện. Riêng mình chỉ giữ phần cơm thô áo vải đến trọn đời. Đại sư tánh không thích phô trương, có vài Phật tử mến đức tìm tới tận quê nhà, sưu tập sự tích từ khi ngài còn bé qua giai đoạn xuất gia và ra đời hoằng hóa, viết thành tuyệt ký, rồi gửi đến xin hiệu chính, để ấn tống lưu truyền rộng ra. Ngài đều khước từ, gửi nguyên bản trả lại, khuyên xin vì mình mà dẹp bỏ đi. Hai vị hiền quan: Đào Tị Đông và Hoàng Hàm Chi có viết thư đem đạo hạnh của đại sư trình lên Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Ngài được Từ Tổng thống phong tặng tám biển đề "Ngộ Triệt Viên Minh", sai đoàn đại biểu đem đến tận chùa Phổ Đà, cùng hiến dâng nhiều hương hoa phẩm vật. Hàng đạo tục nghe thấy đều ngợi khen, song riêng ngài vẫn thản nhiên dường không hay biết. Đại sư có ba điểm đặc biệt khác hơn những vị xuất gia đương thời. Một là không lãnh làm trụ trì tự viện lớn, vì cho mình kém đức, e chướng ngại đến sự thanh tu. Hai là không thâm đệ tử xuất gia, vì xét thấy vào thời mạt pháp đã sâu, người xứng đáng với bốn phận xuất gia rất ít, nên không muốn gây nhiều hệ lụy. Ba là không quyên mộ khuyến hóa, bởi thẹn thấy nhiều kẻ vì lợi danh mà làm mất sự thanh khiết của nhà tu.

Về duyên hoằng hóa, đại sư quán xét vào thời mạt vận đạo đức lặn suy, nhọn căn hầu hết đều kém yếu. Phần đông chỉ ở trình độ giữ Tam quy, Ngũ giới, niệm Phật ăn chay mà thôi. Như thế cũng gọi là đã có nhiều căn lành rồi. Còn hạng siêu xuất thì thật ra tuyệt ít. Vì thế, đại khái ngài chỉ khuyên giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đáng chiết phục, dù bậc thiên túc cự nho, đạt quan danh sĩ, cũng thẳng thắn chỉ trích. Kẻ đáng nhiếp thọ, tuy hạng sơ học hậu sanh, nông công nô bộc, cũng từ ái dạy khuyên. Cách giáo hóa của ngài, chỉ đem những sự lý thiết thật bình thường để khuyến ích, tuy chính mình hiểu sâu tông giáo, song không chuộng huyền luận cao đàm. Đại sư thường tán trợ vào các hội niệm Phật phóng sanh, khuyên giúp vào các viện Từ áu, Dưỡng lão. Ngài cũng sáng lập ra Hoằng Hóa Xã, giao cho người coi sóc, mình lãnh phần chỉ đạo, để ấn tống hoặc phát hành kinh sách và tượng Phật. Trong hơn hai mươi năm, nơi đây đã lưu hành trên một triệu bức tượng Phật, Bồ Tát và hơn năm triệu bộ kinh sách thích ứng với thời cơ.

Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhất, chính quyền có nghị định cho dời những kiêu dân người Đức vào ở các chùa. Đại sư cố gắng vận động với các bậc quyền thế, khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc thứ hai đến năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương

quyền có óc duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làm trường học. Đại sư họp sức cùng chư tăng sĩ và các cư sĩ hộ pháp, lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ; đều tiêu trừ kiếp nạn.

Về phần linh cảm, năm đại sư bảy mươi tuổi được tăng chúng thỉnh về chùa Báo Quốc. Vào cuối mùa hạ, nơi đây sanh ra loài rệp rất nhiều. Từ gối chăn màn nệm, đến cửa sổ án kinh, đâu đâu cũng thấy chúng bò lai vãng. Hàng đệ tử thương ngài tuổi già sợ không kham chịu sự quấy nhiễu, xin vào để tìm cách tiêu diệt. Đại sư không chấp thuận, chỉ yên tâm niệm Phật cầu nguyện cho chúng đi, không bao lâu loài rệp đều tuyệt tích. Ngoài thời niệm Phật, ngài thường tụng chú Đại Bi gia trì vào tàn hương, gạo, hoặc nước, để cứu những bệnh nặng mà các y sĩ đều bó tay. Mỗi lần như thế đều được ứng nghiệm kỳ lạ. Một hôm, nơi lầu Tầng Kinh chùa Báo Quốc, phát hiện vô số mối trắng. Ngài hay được liền trì chú Đại Bi trong nước, bảo đem đến vẩy rưới vào chúng. Loài mối đều kéo nhau bỏ đi nơi khác. Cư sĩ Cao Hạp Niên có lời tự thuật: - Sở dĩ ông biết Ấn Quang đại sư là bậc cao tăng, bởi ngài nói những lời rất thông thường, nhưng càng suy gẫm càng thấy đúng với hiện cảnh và sau đều có ứng nghiệm. Kỳ lên núi Phổ Đà lần thứ nhất, lúc nhà Thanh hãy còn, nhân ở

ngụ tại chùa lâu ngày, cư sĩ có hỏi đại sư về cuộc diện mai sau. Ngài ứng khẩu đáp bằng một bài thi:

Tuần hoàn kiếp số rất bi thương!
Thoát khổ đâu hơn Cực Lạc bang?
Gắng niệm Di Đà về bản cảnh,
Đừng mê trần lụy lạc tha hương.
Bụi hồng nghiệp trước đời hư mộng,
Lửa đỏ ngày sau nước họa ương.
Khuyên sớm xa nơi nhiều kiếp nạn,
Cùng nhau dạo bước đến Liên phương.

Trong bài thi, ngài ám chỉ nạn binh hỏa về sau, và khuyên người niệm Phật vậy.

Năm Dân Quốc thứ mười bảy, đại sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng tại chùa Linh Nham, soạn ra chương trình quy củ giao cho Chân Đạt hòa thượng nhiếp chúng trụ trì. Từ đó ngài về ở tịnh thất tại Tô Châu. Sau thời niệm Phật, đại sư họp cùng cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, tu chỉnh bốn quyển Danh Sơn Chí, nói về linh tích các núi: Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa. Năm bảy mươi bảy tuổi, vì chiến cuộc bức bách, ngài từ Tô Châu dời về Linh Nham, an cư niệm Phật ba năm.

Năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, đại sư dự biết kỳ vãng sanh, cho triệu tập chư tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn hòa thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo: "Pháp môn niệm Phật không có chi đặc

biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành, thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn". Qua ngày mùng 4 tháng 11, đại sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: "Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Đại chúng phải tin nguyện niệm Phật cầu về Tây Phương!". Nói đoạn, bước lại ghé ngòai kiết già, chấp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, đại sư tăng lạp được sáu mươi, thể thọ tám mươi tuổi.

Rằm tháng hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ đại sư vãng sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Đạt hòa thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn hòa thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Đại chúng lựa chia thành sáu phần:

1. Nha sĩ xá lợi, gồm ba mươi hai cái răng.
2. Ngũ sắc xá lợi châu, nhiều hạt tròn sáng.
3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa, hình như các đóa hoa nhỏ.
4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa, hình như những đóa hoa lớn.
5. Ngũ sắc huyết xá lợi, do huyết nhục hóa thành.

6. Ngũ sắc xá lợi khối, gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc.

Tất cả đều để vào lồng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

Kế tiếp hàng tăng ni và đệ tử lễ bái thỉnh cầu, vị nào có thành tâm khi bới tro tìm kiếm đều được xá lợi. Như Quảng Hiệp pháp sư ở Tân Gia Ba, Pháp Độ thượng nhơn ở Ngũ Đài, cư sĩ Ngô Quốc Anh ở Phi Luật Tân, cư sĩ Nhạc Huệ Võ ở Thượng Hải, mỗi vị đều được xá lợi màu xanh, màu vàng, huyết sắc hoặc ngũ sắc. Đại sư lúc bình thời, ngôn hạnh chân thật, không biểu thị điều chi kỳ lạ, nên chẳng thể biết ngài chứng đắc đến đâu. Song hàng tăng tục xét qua đạo hạnh, sự hoằng hóa thuở còn sanh tiền, đến việc quy Tây và lưu xá lợi khi viên tịch, đều nhận định ngài là bậc Thánh nhân tái lai để tùy cơ độ sanh và hộ trì chánh pháp. Vì thế, nhân ngày kỷ niệm một năm viên tịch, các liên hữu tăng tục đồng suy tôn đại sư làm vị tổ thứ mười ba của Liên tông.

Lời phụ

Tịnh Độ không có sự truyền thừa như chư Tổ bên Thiên tông. Sở dĩ có chư Tổ Tịnh Độ, là do các vị tăng tục tu môn niệm Phật đời sau, hợp lại chọn những bậc siêu xuất mà suy tôn. Sự siêu xuất ấy biểu lộ trên ba quan điểm:

1. Về phần kiến thức, phải là bậc hiểu sâu cả Tông lẫn Giáo, ngộ đến Thượng thừa.

2. Về phần đạo hạnh, phải giới phẩm tinh nghiêm, tu hành tinh tấn. Khi lâm chung có triệu chứng vãng sanh.

3. Về phần hoằng hóa, phải có công tuyên dương Tịnh Độ, hộ trì chánh pháp, khuyến đạo ngàn muôn người niệm Phật.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chỉ ghi có mười một vị Tổ tông Tịnh Độ. Về sau nơi đạo tràng Linh Nham, ngài Ân Quang họp các liên hữu tăng tục, suy tôn Hành Sách đại sư làm vị Tổ thứ mười, đưa Thật Hiền đại sư lên hàng thứ mười một, và Tế Tĩnh đại sư lên hàng thứ mười hai. Sau khi Ân Quang đại sư vãng sanh, chư liên hữu xét thấy ngài hạnh đức trang nghiêm có công lớn với Tịnh Độ, mới họp lại đồng suy tôn lên làm vị Tổ thứ mười ba.

Thiền tông tuy có y bát truyền thừa, nhưng mục đích dùng để biểu tín với quần chúng. Sau đời Lục Tổ, chỉ truyền pháp không còn truyền y bát, vì lúc ấy thiền hóa đã thành hành. Bên Tịnh Độ, chư đại sư cũng thuần vì bi trí lợi sanh, không tự gọi mình là Tổ. Chỉ sau khi các ngài viên tịch, người đời sau mới suy tôn lên. Nhưng thật ra, xét kỹ qua mọi phương diện, các vị đều là bậc Thánh nhơn ứng hóa, xứng đáng được tôn là Tổ. Những bậc cao tăng thông thường không thể làm được như vậy.

Trong mười ba vị Tổ của Tịnh Độ, đã có bảy ngài nguyên là Thiền sư được chánh truyền. Các vị ấy là: Thừa Viên, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hành Sách, Tĩnh Am và Triệt Ngộ. Tại sao các ngài đã ngộ thiền mà không

hoàng Thiên, trở lại hoàng Tịnh? Trong đây có ba nguyên yếu:

1. Về pháp môn: - Trục chỉ thiên, chỉ có lợi cho bậc thượng thượng căn, hàng trung, hạ khó bề thể nhập. (Phi thượng thượng căn, Thận vật khinh hứa Tổ ngữ). Còn môn Tịnh Độ thì lợi khắp cả ba căn. Hàng thượng thượng căn tu Tịnh Độ, có thể hiện đời ngộ được bản tâm, chứng Niệm Phật tam muội, khi mạng chung sanh về Thượng phẩm. Dù kẻ tối hạ căn nếu chuyên niệm Phật, cũng được đởi nghiệp vãng sanh, lên ngôi Bất thối. Khi đã vãng sanh, kẻ cận Di Đà, gần gũi Thánh chúng, thọ mạng vô biên kiếp, lo gì không ngộ chân tâm, chứng Thánh quả! Vì sự lợi ích rộng rãi chắc chắn như thế, các ngài mới khuyên tu Tịnh Độ!

2. Về thời tiết: - Trong thời Chánh pháp, có thật hành phần nhiều đều chứng quả, hoặc đi sâu vào thiền định, để làm cơ bản cho những kiếp tu sau. Qua thời Tượng pháp, sự ngộ đạo còn có ít người hướng chi là chúng! Đến thời Mạt pháp, như kinh Đại Tập nói: "Ức ức người tu hành, song khó tìm một người ngộ đạo". Dù được ngộ đạo, nhưng chưa phải chứng, phiền não nghiệp tập hãy còn, khi luân hồi bị phước báo làm mê, mười người đã thối chuyển hết chín. Do đó, từ cuối thời Tượng bước sang Mạt pháp, chư đại thiện tri thức lần lần chuyển hướng dạy người tu Tịnh Độ. Vì bấy giờ thiên hóa còn thanh hành, các ngài phải thị hiện phương tiện, trước triệt ngộ thiên cơ, sau

hoàng dương Tịnh Độ, mới được người đường thời tín nhiệm tuân hành.

3. Về cơ duyên: - Từ đầu Mật pháp trở về sau, căn cơ của quần chúng hầu hết là hạng trung, hạ. Muốn thật hiện mục đích lợi sanh trong thời đại này, chư Bồ Tát phải tùy cơ duyên mà chủ trương Tịnh Độ. Các tông khác tuy cũng rất cần chân hưng, nhưng chỉ thuộc phần thứ yếu, bởi sự lợi ích không được phổ cập. Từ trước chư Tôn túc trong các tông khác cũng xét biết điều này, nên tuy vẫn hoàng dương bốn môn, mà phần nhiều đều quy hướng Tịnh Độ. Như Chân Yết Liễu thiên sư nói: "Những vị dưới tông Tào Động đều mật tu Tịnh Độ, bởi Tịnh Độ thấy Phật còn dễ hơn Thiên tông". (Động hạ nhất tông giai cụ mật tu, dĩ Tịnh Độ kiến Phật vuu giản vị ư tông môn).

Về như thời cận đại, Đế Nhân pháp sư tuy truyền bá tông Thiên Thai, song vẫn niệm Phật. Khi sắp viên tịch, ngài đọc lời kệ khuyến tấn đại chúng:

Tôi nhờ niệm Phật.

Tịnh Độ hiện tiền.

Thọ dụng chân thật.

Chúng gắng tinh chuyên!

Ấn Quang pháp sư trong bức thư gửi cho Thế An hòa thượng, có nói: "Trong mấy mươi năm lịch duyệt bắc nam, đi về hàng muôn dặm, tôi kinh nghiệm thấy những vị thông minh hiểu suốt tông giáo, khinh thường Tịnh Độ, khi lâm chung phần nhiều mê loạn, đôi khi có trạng thái

kêu la. Còn những người chân thật niệm Phật, dù tín nguyện chưa chí thiết, không có thoại ứng lúc lâm chung, nhưng họ chết đều yên ổn cả".

Cho nên, từ lúc sanh tiền đến khi quá vãng, môn niệm Phật đích thật là con thuyền cứu khổ nhơn sanh trong thời buổi này vậy.

*

PHẦN BA TỨ CHÚNG VÃNG SANH

HUỆ VĨNH ĐẠI SƯ

Huệ Vĩnh đại sư, người đời Tấn, họ Phan quê ở Hà Nội. Năm 12 tuổi ngài xuất gia, theo thừa sự sa môn Trúc Đàm Hiên. Ban sơ, đại sư tu thiền định ở Hằng Sơn. Kế lại cùng với ngài Huệ Viễn y chỉ tu học với Đạo An pháp sư.

Niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, đại sư đến Lô Sơn. Quan Thứ sử Đào Phạm mến hạnh đức, giở nhà mình đem lên núi xây cất thành ngôi Tây Lâm để cúng dường. Ngài giữ nét thanh đạm từ hòa, mặc áo vải, ăn cơm rau, đoan nghiêm kiệm ước sửa mình, mặt thường lộ vẻ tươi cười, lời nói không thương tổn đến người cùng vật loại.

Về sau, đại sư để cảnh Tây Lâm cho chúng tu tịnh hạnh ở, riêng mình dời lên đánh Lô Sơn, dựng một ngôi tịnh thất lợp tranh, để thiền tư và niệm Phật. Khách lên non viếng thăm, đến trú xứ của ngài, thường nghe mùi hương lạ nhẹ nhàng thanh thoát. Nhân đó, hàng đạo tục thời bấy giờ gọi chỗ ở của đại sư là Hương Cốc. Không bao lâu, có con mãnh hổ tới lưu trụ nơi tịnh thất của ngài, để hầu hạ và giữ gìn. Những tục khách vắng cảnh làm huyền não, và các thú khác đến, đều bị hổ đuổi đi.

Có một độ đại sư nhân Phật sự phải xuống núi, lúc trở về thì đã xế chiều. Khi đến Ô Kiều, gặp vị tướng chủ binh trại ở đó say rượu, cưỡi ngựa đón đường không cho đi. Thấy trời sắp tối, ngài cầm tích trượng chỉ con ngựa, ngựa bỗng sợ hãi lòng lên, hất viên tướng té xuống cầu. Đại sư bước tới đỡ dậy an ủi, bảo quân hầu cận đưa về dinh. Nhân đó vị tướng cảm bệnh, khi lành mạnh vội lên non sám hối. Đại sư bảo: "Đó không phải là chủ ý của bản đạo, mà chính là thần Hộ giới xui nên đấy!". Lại một lúc nọ, Trần Nam tướng quân Hà Vô Kỵ, cho bộ tốt mời ngài đến nhiệm sở ở Tầm Dương, ý muốn vấn nạn. Nhưng khi thấy đại sư mang dép cỏ, ôm bát, cầm tích trượng tới nơi, thần thái thanh nhã phiêu diêu, nét mặt đoan nghiêm điềm tĩnh, tướng quân bỗng sanh lòng nể sợ cảm phục, tiếp đãi một cách ân trọng, rồi cho quân sĩ hộ tống đưa về. Hàng đạo tục nghe biết chuyện đó quy hướng ngày thêm đông nhiều.

Bình thời, đại sư siêng năng tinh tu, không nài khổ nhọc, chí nguyện mãn báo thân được sanh về Cực Lạc. Niên hiệu Nghĩa Huy năm thứ mười, ngài xuống Tây Lâm, kể liền cảm bệnh nhẹ. Vài hôm sau, đại sư đang nằm, bỗng ngồi dậy vén áo tìm dép muốn bước đi. Đại chúng hỏi, ngài đáp: "Tây phương Tam Thánh đã đến!". Nói xong đứng chấp tay niệm Phật mà hóa. Thọ được 83 tuổi.

Khắp ngôi Tây Lâm, mùi hương lạ bay ngào ngạt, bảy hôm sau mới lần tan.

HUỆ KIỀN PHÁP SƯ

Đời Tấn, Huệ Kiền pháp sư, họ Hoàng Phủ, người ở Bắc Địa. Ngài xuất gia thuở bé, nghiêm giữ giới hạnh, tiết tháo cứng cỏi. Tuổi trung niên, lên Lô Sơn nương ở với Viễn Công hơn mười năm. Thấy đạo đức của Viễn Công cũng đủ chấn hưng đạo phong ở vùng ấy, Huệ Kiền phát tâm du hóa các xứ Ngô, Việt để hoằng dương chánh pháp.

Vào đầu niên hiệu Nghĩa Hy, pháp sư về trụ trì chùa Gia Tường ở Sơn Âm, khuyến hóa hàng Tăng tục, tinh khổ hướng dẫn đại chúng tu hành. Như thế, trải qua năm độ nắng mưa, ngài nhiễm bệnh, tự biết mình sắp mãn phần, chí thành niệm cầu với Đức Quán Thế Âm, nguyện sanh về An Dưỡng.

Phía Bắc vùng Sơn Âm có một ni tự, trụ trì là sư cô Tịnh Nghiêm, nguyên bậc người đạo đức giới hạnh. Một đêm, sư cô nằm mộng thấy Đức Quán Thế Âm từ cửa thành Tây đi đến, tướng đẹp màu, phóng ánh sáng trong suốt rực rỡ hơn vàng nhật nguyệt. Trước sau tùy tùng các hàng Thánh chúng, tràng phan, hoa cái hiển hiện trang nghiêm. Sư cô đánh lễ thưa hỏi rằng: "Kính bạch đại sĩ! Chẳng hay pháp giá quang lâm về đâu?". Bồ Tát đáp: "Ta đến chùa Gia Tường đón rước Huệ Kiên pháp sư". Bên này, Kiên công cũng trông thấy Thánh tướng, tuy đau nhiều, vẫn tinh tấn trì niệm, thần sắc như thường. Lúc ấy, thị giả và đại chúng đều nghe mùi hương lạ. Giây lát, pháp sư chấp tay viên tịch.

Hàng đạo tục nghe biết việc này, đều ngợi khen hâm mộ.

TẶNG TẾ PHÁP SƯ

Tặng Tế pháp sư, người đời Tấn, chưa rõ xuất xứ từ đâu. Sau khi thọ đại giới, ngài lên Lô Sơn gia nhập Bạch Liên Xã, theo Viên Công tu học. Pháp sư ngộ sâu đến chỗ tinh yếu, hạnh giải siêu quần.

Hơn 30 tuổi, ngài thường xuống núi, đi khắp các thôn ấp khai giảng, hóa đạo quần chúng niệm Phật tu hành, được người đương thời xem như hàng sư tượng. Viên Công hằng khen ngợi rằng: "Cùng với ta hoằng dương đại pháp, hẳn là Tặng Tế này chăng?".

Về sau, pháp sư đau nặng, khẩn thiết niệm Phật, tưởng thánh tướng cõi Tây Phương. Viễn Công đến thăm, trao cho một cây đuốc, dạy rằng: "Ông nên vận tâm tưởng niệm về An Dưỡng!". Tăng Tế vâng lời, cầm đuốc nương nơi ghé, thỉnh chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, tự mình nhìn đuốc, định tâm chuyên tưởng không tán loạn. Đến canh năm, pháp sư trao cây đuốc cho đệ tử là Nguyên Bặc, dặn bảo theo chúng tu hành. Kế đó ngài tạm nằm nghỉ, mộng thấy mình cầm đuốc bay lên hư không về Tây Phương, được Đức A Di Đà tiếp dẫn để trên bàn tay, đưa đi dạo khắp mười phương quốc độ. Tỉnh giấc, pháp sư mừng bảo chúng: "Tôi chỉ quán niệm có một đêm, liền được Phật tiếp dẫn, hiện tại thân không còn bệnh khổ nữa!".

Đêm sau, ngài đang ngồi bồng đứng dậy, chăm chú nhìn lên hư không rồi bảo Nguyên Bặc rằng: "Thánh tướng hiển hiện rất đẹp màu. Phật đã đến rước, ta đi đây!". Rồi ngài đứng xây mình hướng về Tây, chấp tay mà tịch. Lúc ấy nhằm thời tiết nóng bức, quàn đẽ ba ngày mà thi thể không biến đổi, mùi hương lạ vẫn bay thanh thoát. Pháp sư thọ được bốn mươi lăm tuổi.

HUỆ CUNG

Đời Tấn, Tăng sĩ Huệ Cung, người ở đất Dự Chương, huyện Phong Thành. Mến hạnh đức của Viễn Công, ông

kết bạn với chư sư: Tăng Quang, Huệ Lan, lên Lô Sơn cùng gia nhập Bạch Liên Xã, nương ở với đại chúng đồng tu học.

Hai vị kia tuy sức học không bằng Huệ Cung, song hạnh tu Tịnh Độ lại chuyên thiết chí thành hơn. Huệ Lan thường bảo Cung rằng:

-Thầy tuy học rộng nghe nhiều, tài năng biện luận thông suốt, nhưng há không nhớ trong kinh có lời dạy: "Như kẻ điếc tấu âm nhạc cho mọi người thưởng thức, mà chính mình không tự nghe hay sao?".

Huệ Cung chỉ mỉm cười, không mấy tin nhận để ý.

Bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lan kế tiếp nhau vãng sanh, khi lâm chung đều có điềm lạ ứng hiện. Bóng quang âm không dừng nghỉ, lại qua năm độ xuân sang, Huệ Cung bỗng cảm bệnh nặng. Chừng ấy, sư chợt tỉnh ngộ, tự than rằng: "Cuộc luân hồi sáu nẻo, bánh xe sống chết quay mãi lên xuống không dừng, ta sẽ đi về đâu?". Nói xong, rơi lệ như mưa, gắng gượng đến trước bàn Phật sám hối. Đoạn, quyết chí xả thân liêu chết, niệm Phật không xen hở. Hơn hai mươi hôm sau, sư bỗng mộng thấy Phật A Di Đà bung đài vàng đến rước, tự thân nhẹ bay lên kim đài. Lại thấy Tăng Quang, Huệ Lan ngồi trên đài sen, ở trong ánh quang minh, bảo rằng: "Trưởng lão vãng sanh tất vào ngôi thượng phẩm, chúng tôi khôn xiết an ủi vui mừng! Chỉ hận đã chìm lâu nơi cõi trược, duyên bạn lành tương hội hơi trễ muộn đó thôi!".

Tỉnh giấc, Huệ Cung bạch lại với đại chúng, rồi chấp tay vui vẻ phân chân niệm Phật mà tịch. Bấy giờ, vào khoảng niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một.

LƯU TRÌNH CHI

Cư sĩ Lưu Trình Chi, người đời Tấn, hiệu là Trọng Tư, cư ngụ tại Bành Thành. Ông mồ côi cha từ bé, thờ mẹ rất có hiếu.

Lớn lên, cư sĩ theo học Nho, kiêm thông về thuyết Lão – Trang, tánh ngay thẳng, không chiều uốn theo thời tục. Ban sơ, ông làm chức Tham quân tại phủ nhà. Hàng công khanh thấy là người có tài cán, trước sau đua nhau tiến cử, nhưng Lưu Trình Chi đều khước từ. Về sau, nghe Huệ Viễn pháp sư ở chùa Đông Lâm tại Lô Sơn, đang tu môn Niệm Phật tam muội, nhân thân mẫu quá cố, hiếu sự đã xong, cư sĩ lên non xin nương ở. Viễn công hỏi: "Đường quan lộc của ông hãy còn cao xa, tại sao không tiến bước?". Trình Chi đáp: "Nhà Tấn không được bền vững như đá bàn, lòng người lại dễ rã tan như trứng vỡ, tôi chẳng muốn rơi vào vòng hệ lụy!". Từ trước, ông đã có tánh bất khuất như thế, nên Lưu Dũ, một danh sĩ, từng đặt cho ngoại hiệu là Dị Dân.

Lúc ấy lại có các thanh tín sĩ như: Tông Xác, Châu Tục Chi, Trương Dã, Lôi Thứ Tôn, Trương Thuyên, Tất Vĩnh... lần lượt đến Lô Sơn. Khi số người câu hội đã khá đông, Viễn Công kiến lập Bạch Liên Xã, suất lãnh đại

chúng đối trước tượng Tây Phương Tam Thánh, nguyện đồng tu tịnh nghiệp, và giao cho Trình Chi làm văn phát thệ chạm vào bia đá.

Về sau, cư sĩ qua Tây Lâm, cất một am nhỏ bên bờ suối Bắc, nghiêm giữ tịnh giới, kiêm hạnh thiền tụng niệm Phật. Được nửa năm, trong định ông thấy ánh sáng của Phật chiếu xuống mặt đất đều thành sắc vàng ròng. Lại qua mười lăm năm, trong khi đang niệm Phật, cư sĩ thấy Đức A Di Đà phóng ánh sáng từ tướng bạch ngọc hào soi đến mình, duỗi cánh tay vàng buông xuống như tiếp dẫn và khuyến tấn an ủi. Trình Chi thưa: "Ước chi được Như Lai tay vàng xoa nơi đánh, áo pháp phủ nơi thân con!". Đức Phật mỉm cười, xoa đầu và kéo áo cà sa phủ trên mình ông. Kế đó không bao lâu, cư sĩ lại mộng vào ao thất bảo, thấy nước lạnh dường lóng lánh trong suốt, hoa sen các sắc nở đua rực rỡ. Một vị đầu hiện viên quang, ngực có chữ vạn chỉ nước ao bảo: "Hãy uống đi! Chính là bát công đức thủy đây!". Trình Chi vâng lời vốc nước uống, cảm thấy vị thơm ngon. Lúc thức tỉnh mùi hương lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Cư sĩ thuật lại các điều ấy, và nói với đại chúng rằng: "Duyên Tịnh Độ của tôi nay đã đến thời kỳ thành thực!". Kế đó sắm lễ, thỉnh chư Tăng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, riêng mình lễ Phật và quỳ xuống niệm hương khẩn nguyện rằng: "Do di giáo của Đức Bổn Sư, con mới biết được y chánh cõi Tây Phương. Nén hương này xin trước cúng dường Đức Thích Ca Như

Lai, kể đó cúng dường Đức A Di Đà Chánh Giác, và sau cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Con được vãng sanh Tịnh Độ nhờ công đức niệm Phật và trì tụng kinh này. Xin nguyện cùng tất cả hữu tình đồng sanh Cực Lạc!".

Khóa tụng hoàn mãn, cư sĩ già biệt đại chúng, lên giường nằm nghiêng về Tây, chấp tay yên lặng mà hóa, thọ được 59 tuổi. Lúc ấy nhằm năm thứ sáu niên hiệu Nghĩa Hy.

TRƯƠNG KHÁNG

Trương Kháng, người thời Thạch Tấn, chưa được rõ xuất xứ. Vào triều đại bấy giờ, ông làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

Tuy thân nơi hoạn lộ, song chí ở Liên Trì, ông tụng chú Đại Bi mười muôn biến nguyện sanh về Cực Lạc. Khóa tụng vừa đủ số, cư sĩ vương bịnh, chỉ chuyên trì Phật hiệu. Một hôm, ông bỗng gọi gia nhor bảo: "Cảnh Tây Phương Tịnh Độ rất gần, chỉ ở bên phía Tây mái nhà này. Ta thấy Phật A Di Đà ngồi trên hoa sen, còn thằng Ông Nhi ở trên đất kim sa nơi ao thất bảo, đang chơi đùa và lễ Phật". Nói xong, xướng Phật hiệu liên tiếp, giây lát ngưng niệm yên lặng mà vãng sanh.

Ông Nhi là cháu nội của Trương Kháng, tuổi còn bé, đã niệm Phật và mãn phần trước đó ít lâu.

KHUYẾT CÔNG TẮC

Khuyết Công Tắc, người ở nước Triệu. Đời Võ Đế nhà Tấn, ông cư ngụ tại Lạc Dương, tánh tình phóng khoáng điềm đạm, mỗi ngày thường tụng kinh Chánh Pháp Hoa.

Sau khi ông mãn phần, một thân hữu đến chùa Bạch Mã, lập trai hội để truy tiến cầu siêu cho. Đêm lại, khi chừ Tăng tụng kinh xong, bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói. Tất cả đều ngược lên xem, thấy một vị hình tướng sáng đẹp trông xuống bảo: "Tôi là Khuyết Công Tắc, hiện đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay cùng với chừ Thượng thiên nhơn đến đây nghe kinh!".

Có ông Vệ Sĩ Độ ở Cấp Quận, lúc trước theo học với Khuyết Công Tắc. Mẹ ông vẫn thường đến chùa cúng dường chừ Tăng. Khi đó bà cũng phụ việc trai cúng trong pháp hội cầu siêu. Hôm sau, vừa sắp đến giờ ngọ, bà bỗng thấy một cái bát từ hư không sa xuống trước mặt. Bà cùng ông Vệ Sĩ Độ nhìn kỹ, thì đó là cái bát mà Khuyết Công Tắc vẫn thường dùng lúc sanh tiền. Trong bát đựng đầy hương phạm, mùi thơm bay khắp trai đường. Mỗi người thử ăn một muống, kết quả bảy ngày sau đều không thấy đói, các lỗ chân lông bay ra hơi thơm. Danh sĩ Chi Đạo Lâm nghe biết việc ấy, làm bài tán khen ngợi rằng:

Cao cả thay Khuyết Công!
Lặng sáng mà hiển linh.
Chánh niệm thần về miền Lạc cảnh.
Giác mê tích ứng tại Đông Kinh.
 Trong mây dường rõ tiếng
 Nét ngọc khó quên hình!
Nhiệm mầu khen nói khôn cùng tận!
Phật Thánh ai rằng chuyện mộng minh?

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sang hèn niệm Phật chẳng hoài công
Đều được thần thông tướng tốt đồng.
Rải diệu sắc hoa làm Phật sự
Khắp vi trần cõi nổi hương phong.
Quang minh soi đến thân điềm lạc
Âm nhạc nghe rồi ngộ khổ không.
Tựa ngọc lan can xem bảo thọ
Không ngăn cõi Phật hiện bên trong.

*

Kinh hành nhẹ gót đất kỳ trân
Cỏ lạ hoa tươi mỗi bước xuân.
Thanh tịnh đã không ba ác đạo
Trang nghiêm thường có các thiên nhân.
Trông treo quán nhật khi chiều xuống
Cảnh Phật tùy tâm thấy hiện lần.

Vô thi kiếp mê chừ mới tỉnh
Quê xưa nào cách điếm tiêm trần!

*

Ao báu lâu đài khắp chốn thanh
Mây lành ánh thoại diệt rồi sanh.
Đã không tử sắc lìa phiền não
Dù có thiên ma chẳng đấu tranh.
Khát uống cam tuyền loan phụng múa
Nhàn nghe nhạc thọ đức tâm thành.
Những mong gởi chất hoa sen ngọc
Dạo đất lưu ly lắng tiếng oanh.

*

Bọt bóng bèn chi chút huyễn thân!
Sao còn buông thả niệm tham sân?
Đường tu thẳng tắt mau tìm đến
Lối mộng mờ mê gắng thoát lần.
Giữ giới đồng như băng tuyết sạch
Gìn tâm cho được Thánh Hiền gần.
Nẻo về Tây cảnh không xa lắm!
Một niệm quay đầu thấy tánh chân.

*

TẶNG DUỆ PHÁP SƯ

Tặng Duệ pháp sư, người vào thời Nam Bắc Triều, ở
Ngụy Quận thôn Trường Lạc. Từ thuở bé, ngài đã mến

hạnh xuất gia, nhưng đến mười tám tuổi mới đạt chí nguyện. Sau khi xuống tóc, ngài nương theo Tăng Hiền đại sư làm đệ tử. Ngoài hai mươi tuổi, pháp sư rộng thông kinh sử, đi du hóa các danh đô, tùy xứ diễn thuyết giáo pháp.

Pháp sư thông ngộ tuyệt thế, những bậc thầy dạy như Tăng Lăng thượng nhơn khi giảng kinh Phóng Quang Bát Nhã, phải nhiều phen đối đáp khó khăn trước lời hỏi của ngài. Lúc giảng diễn giữa đại hội, pháp sư trả lời thông suốt, biện luận tuôn tuôn như suối trào qua những lời vấn nạn, khiến thính chúng đều khuynh phục. Diêu Hưng, vua nhà Tần, hỏi quan Tư Đồ là Diêu Tung rằng: "Duệ Công nhơn phẩm như thế nào?". Đáp: "Đó là cây tòng bá cao lớn nơi vùng Nghiệp, Vệ!". Tần chúa cho triệu thỉnh đến, các hàng công khanh đều tập họp, ý muốn xem tài khí của ngài ra sao. Pháp sư ngôn luận cao nhã uyên thâm, khiến vua Tần nhìn Diêu Tung và các triều thần bảo: "Đây là bậc tiêu lãnh trong bốn biển, nào phải chỉ riêng cây tòng bá ở vùng Nghiệp, Vệ đâu!".

Sau ngài theo La Thập thượng nhơn đến Quan Trung. Thượng nhơn trao cho ba quyển kinh Thiên Pháp Yếu Giải. Pháp sư xem rồi, y theo đó ngày đêm tu tập, tinh luyện Ngũ môn, khéo vào Lục tĩnh. Những kinh của thượng nhơn phiên dịch, Tăng Duệ cùng các bậc danh đức khác đều có tham dự vào ban khảo chính. Trong 3000 môn đồ của ngài La Thập: Tăng Duệ, Tăng Triệu, Đạo

Sinh, Đạo Dung, vì hạnh giải siêu tuyệt, nên được người đương thời tôn là Tứ Thánh. Kế đó, pháp sư lại tới Lô Sơn nương theo Viên Công tu tịnh nghiệp.

Về sau, ngài đến kinh đô, trụ nơi chùa Ô Y, giảng thuyết các kinh, thính chúng đều tin phục. Pháp sư nghiêm giữ giới hạnh, khéo nhiếp oai nghi, hoằng dương chánh pháp, chuyên tinh niệm Phật, nguyện đem các công đức ấy hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Khi nằm ngò, ngài đều không dám xây lưng về phương Tây.

Vào năm Nguyên Gia thứ 16, một hôm không đau bệnh chi, ngài bỗng cho hộc tãng chúng, ngỏ lời từ biệt. Kế đó đi tắm gội, rồi đắp y lên đại điện đốt hương lễ Phật. Đoạn trở xuống ngò ngay gần nơi thiên tọa, day mặt về Tây chấp tay mà hóa.

Hôm ấy, cả chùa đều thấy khói thơm năm sắc từ phòng ngài bay ra. Pháp sư thọ được 67 tuổi.

HUỆ SÙNG ĐẠI SƯ

Huệ Sùng đại sư, người ở Lương Châu, thời Ngụy Võ Đế. Ngài là bậc đạo hạnh uyên thâm, được quan Thượng thư Ngụy triều là Hàng Vạn Đức tôn làm môn sư. Đại sư cùng danh tăng Thích Huyền Cao mà hàng tăng tục lúc ấy mến đức xưng tụng là Thế Cao, đồng được người đương thời tôn trọng kính ngưỡng.

Sau Ngụy Võ Đế nghe lời sàm tấu của quan Tư đồ Thôi Hạo và đạo sĩ Khâu Khiêm Chi, hạ lệnh hủy diệt Phật pháp. Thái tử Hoảng vì thông tin trước cho chư tăng hay để trốn tránh cùng cất giấu kinh điển và pháp khí, nên bị đắc tội. Việc ấy liên lụy đến ngài Huyền Cao và Huệ Sùng, nên cả hai đều bị gia hình.

Bấy giờ, có tăng sĩ Pháp Đạt vốn hâm mộ đức hạnh của ngài Huyền Cao, nghe được tin ấy tuyệt thực thương khóc mấy ngày. Đang lúc bi ai, bỗng thấy Huyền công từ hư không bay đến. Pháp Đạt đánh lễ, nhân hỏi ngài cùng Huệ Sùng đại sư hiện sanh về nơi nào? Huyền Cao đáp: "Ta nguyện sanh ở nơi cõi trược để cứu độ chúng sanh, hiện đã chuyển thế. Còn Sùng công thường cầu về Cực Lạc, nay ý nguyện cũng đạt thành!". Nói xong liền ẩn mất.

ĐÀM GIÁM PHÁP SƯ

Thích Đàm Giám, họ Triệu, người thời Nam Bắc Triều, ở Ký Châu. Ông xuất gia thuở bé, thờ ngài Trúc Đạo Tổ làm thầy. Tánh thanh đạm, pháp sư ăn cơm rau, mặc áo vải, giữ luật hạnh rất tinh khổ. Sau lại du phương đi khắp nơi hoằng pháp độ người. Khi tới Kinh Châu, ngài dừng bước tịnh tu ở ngôi Tân tự tại Giang Lăng. Bấy giờ xuân thu đã hơn sáu mươi tuổi.

Bình sanh, nếu có làm chút điều lành, pháp sư đều hồi hướng cầu về Tây phương, nguyện được thấy Phật. Một

hôm, trong khi thiền định, ngài thấy Phật A Di Đà thân tướng rất cao đẹp trang nghiêm, cầm hoa sen rưới nước nơi đầu và mặt, dùng Phạm âm trong thanh vi diệu bảo: "Ta rưới pháp thủy gội rửa trần cấu, làm cho tâm người thanh tịnh, khiến cả ba nghiệp đều được nghiêm sạch!". Nói đoạn, lại lấy một cành hoa sen trong bình báu trao cho.

Sau khi xuất định, pháp sư tỏ bày sự sống chết vô thường cùng đại chúng, và dặn dò hậu sự. Đêm đã khuya, chư tăng đều lui về liêu phòng, ngài đi chậm rãi nơi hành lang niệm Phật đến canh năm, tiếng càng lúc càng khẩn thiết. Đến sáng, đệ tử y thường lệ vào phòng thăm hỏi, thấy pháp sư ngồi ngay thẳng bất động, lại gần xem thì đã viên tịch. Lúc ấy ngài hưởng thọ được bảy mươi tuổi.

Thời bấy giờ, lại có Thích Đạo Hải ở Giang Lăng, Thích Huệ Khám ở Bắc Châu, Thích Đàm Hoàng ở Hoài Nam, Thích Huệ Cung ở Đông Châu, Thích Đạo Quảng ở Đông Viên, Thích Đạo Quang ở Hoàng Nông, cùng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc, khi lâm chung đều có điềm lành. Sự vãng sanh của chư đại đức kể trên, gây rất nhiều tín tâm cho hàng đạo tục.

ĐẠO TRẦN PHÁP SƯ

Thích Đạo Trân, chưa được rõ xuất xứ. Vào đầu đời nhà Lương, pháp sư tu ở Lô Sơn, tập quán tương Đức A Di Đà, nhưng chí vãng sanh còn chưa nhất quyết.

Một đêm, ngài mộng thấy có nhiều người ngồi thuyền lướt nhẹ trong biển cả, hỏi đi đâu, đáp rằng: "Về cõi Cực Lạc". Đạo Trân ngỡ ý muốn xin theo, một vị trong thuyền bảo: "Ông chưa làm nhà tắm cho chư tăng và tụng kinh A Di Đà, tịnh nghiệp chưa thành, làm sao đi được?". Tỉnh giấc, pháp sư lo công đức làm nhà tắm cho chư tăng, và tụng kinh A Di Đà trải nhiều năm không gián đoạn. Về sau, đang ngồi quán tưởng trong phòng, ngài bỗng thấy có vị tăng bung đài bạc đến nói: "Khi báo thân mãn, pháp sư sẽ ngồi đài này. Xét theo công hạnh, ngài đáng ngồi đài vàng. Nhưng vì khi mới phát nguyện, tâm ngài còn do dự, nên chỉ được ngàn ấy mà thôi!". Lúc xuất quán, Đạo Trân có niềm vui, song không nói lộ ra, chỉ ghi việc ấy vào nhật ký cất kỹ trong hòm kinh.

Sau ngài mãn phần vào lúc giữa đêm, người trong làng thấy như có vài ngàn cây đuốc thấp sáng từ lưng chừng núi trở lên. Họ nghĩ: Chắc có lẽ vị vương hầu nào đó lên non lễ Phật. Sáng ra hỏi lại, mới biết là điềm lạ lúc Đạo Trân pháp sư viên tịch. Hàng đệ tử nhân mở hòm kinh, tìm thấy nhật ký, mới biết đó là thoại ứng về sự vãng sanh.

ĐÀM LOAN PHÁP SƯ

Đời Bắc Ngụy, Đàm Loan pháp sư người ở Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Thuở niên thiếu, nhân du lãm cảnh Ngũ Đài Sơn, thấy thần tích linh dị, ngài phát tâm xuất gia.

Về sau, trong khi đọc kinh Đại Tập, thấy văn nghĩa sâu mầu, pháp sư nguyện chú giải ra cho mọi người đều thông hiểu. Nhưng sự nghiệp ấy mới được nửa chừng, ngài bỗng phát bệnh nặng, thay thầy đổi thuốc nhiều phen. Sau khi đã tạm thuyên giảm, pháp sư than rằng: "Mạng người rất mong manh, con vô thường khó định. Ta nghe bậc thần tiên có phép tu trường sanh. Có lẽ trước nên cầu pháp ấy cho thân thể được kiện Khang, sau mới hưng sùng Phật giáo!".

Nghĩ đoạn, ngài qua Giang Nam tìm các nhà đạo học như Đào Ân Cư, Đạo Hoằng Cảnh, khẩn cầu về Tiên thuật. Các vị ấy trao cho 10 quyển Tiên kinh. Ngài vui vẻ mang trở về.

Giữa đường, đến Lạc Dương, pháp sư gặp Bồ Đề Lưu Chi Tam tạng, nhân hỏi: "Trong đạo Phật có pháp trường sanh bất tử như Tiên kinh này chăng?". Lưu Chi thượng nhơn nói: "Ở phương này làm gì có pháp trường sanh bất tử? Mười quyển kinh mà ông mang theo, nếu tu tập, chỉ có hiệu năng tạm thời không chết, kéo dài mạng sống. Nhưng đến khi Tiên báo mãn, nghiệp lực hiện, kết cuộc vẫn xoay vần trong nẻo luân hồi. Như vậy, có chi gọi rằng quý? Luận về trường sanh bất tử, kỳ thật chỉ có Phật pháp mà

thôi!". Nói xong, Tam tạng lấy trong đây ra quyển kinh Thập Lục Quán trao cho và bảo: "Tu học theo đây, thì không còn luân chuyển trong sáu đường, thoát ly hẳn ba cõi. Sự vinh hư thành bại, đường họa phước xuống lên, cũng không còn ràng buộc được. Nói về thọ lượng, thì số kiếp như cát sông Hằng chẳng thể sánh ví bằng. Đây mới đích thật là phép trường sanh của đấng Kim Tiên chúng ta vậy".

Ngài Đàm Loan nghe nói cả mừng, tiếp nhận và cảm tạ. Sau khi tham duyệt và so sánh kỹ hai pho sách, pháp sư liền đốt bỏ Tiên kinh, chuyên tu theo Quán kinh. Từ đó ngài quán triệt được nghĩa sâu của pháp môn Niệm Phật, đem Thập Lục Quán kinh ra hoằng hóa. Lại soạn văn lễ Tịnh Độ nối tiếp kệ văn của Tổ Long Thọ, và trứ tác bộ Vãng Sanh Luận Chú truyền trong đời. Ngụy chúa rất mến trọng, vời tới cung đình, tứ hiệu là Thần Loan. Kế đó, lại sắc cho pháp sư đến trụ trì ngôi đại Già lam tại Tinh Châu, sau thuyên chuyển sang Huyền Trung tự ở Phần Châu.

Niên hiệu Hưng Hòa thứ tư, một đêm ngài đang thiền quán, bỗng thấy có vị Phạm tăng đi đến bảo: "Ta là Long Thọ, đã về Tịnh Độ từ lâu. Vì ông đồng chí, nên nay đến thăm viếng và báo cho hay là tịnh duyên đã thành thực".

Xuất định, pháp sư tự biết đã đến kỳ vãng sanh, tập họp tăng chúng lại răn dạy và bảo: "Nẻo luân chuyển rất xa vời, kiếp trần lao nhiều mối nhọc. Sự khổ nơi địa ngục rất đáng kinh sợ, duyên sen cõi Cực Lạc cần phải gắng

tu!". Nói xong, dạy hàng đệ tử cao tiếng niệm Phật. Ngài bước xuống tòa, nghiêm kính dạy về Tây rập đầu cúi lạy mà viên tịch.

Lúc ấy, đại chúng thấy tràng phan, bảo cái hương hoa thơm đẹp từ Tây Phương nhiều như mây bay đến. Nhạc trời rền vang nổi giữa hư không giây lâu mới dứt. Tin đồn đến triều, vua sắc cho dựng bia, xây tháp ngài tại Văn Cốc ở miền Tây Phần Châu. Dân chúng đương thời gọi pháp sư là Đàm Loan Bồ Tát.

ĐẠO DŨ

Thích Đạo Dũ, chưa rõ xuất xứ, thường ở chùa Khai Giác, chuyên niệm Phật. Sư có tạo tượng Đức A Di Đà bằng gỗ chiên đàn, cao độ ba tấc mộc. Mỗi khi trì niệm, hăng để tượng Phật trên đầu.

Một hôm, trong khi tĩnh định, thần thức đến Cực Lạc, sư thấy một hiền giả mới sanh về đó đi nhiều quanh hoa sen đẹp ba vòng, cánh sen liền nở ra. Hiền giả bước vào ngồi giữa đài hoa. Sư cũng y theo, đến một đóa sen nhiều ba vòng, nhưng hoa không nở. Sư dùng tay kéo cánh hoa, song tất cả bông đều héo rũ. Vừa lúc ấy, Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Nghệp chướng của ngươi hãy còn, hãy trở về thành tâm sám hối mới có thể vãng sanh được! Tại sao ngươi tạo tượng ta quá nhỏ như thế!". Đạo Dũ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Tâm lớn Phật lớn, tâm nhỏ Phật nhỏ". Nói

xong, liền thấy thân Đức A Di Đà to lớn đầy khắp hư không. Phật bảo: "Người hãy về tắm gội, khi sao mai mọc Ta sẽ đến rước". Xuất định, Đạo Dữ tắm gội sạch sẽ, thành tâm lễ Phật sám hối thật lâu. Xong, thuật lại mọi việc khuyên đại chúng tinh tu và ngỏ lời từ biệt. Đến thời, sư ngồi niệm Phật giữa tiếng trợ niệm của chư Tăng. Tất cả đồng thấy Phật đến rước, quang minh chiếu rọi rõ, trong tịnh thất sáng như ban ngày. Khi ánh sáng tắt, đại chúng lại xem thì sư đã viên tịch.

Lúc ấy nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ tám.

TRÍ KHẢI ĐẠI SƯ

Trí Khải đại sư, họ Trần, tự Đức An, quê ở Vĩnh Xuyên thuộc Kinh Châu, tỉnh Hồ Bắc. Đại sư ứng thế vào khoảng các đời Lương, Trần, Tùy. Bà mẹ mộng thấy mây thơm năm sắc hiện ra đoanh vây nơi thân rồi vào bụng, mà cảm mang thai ngài. Đêm đại sư đản sanh, trong nhà hương thơm bát ngát, thần quang chiếu sáng rực rỡ.

Ngài sanh ra đã bả́m tướng lạ: mày thanh tú, mắt dài sáng, mỗi tròng mắt có hai con người nằm ngang. Nơi hai tay, mỗi cùi chỏ đều có bốn cục xương gu. Khi nằm tắt nghiêng bên hữu, cháp hai tay. Lúc ngồi thì thường kiết già day mặt về Tây. Vừa hơi lớn, thấy tượng Phật liền lạy; gặp người xuất gia, tỏ dáng cung kính.

Năm lên bảy, ngài theo mẹ vào chùa Quả Nguyên, nghe một vị tăng tụng phẩm Phổ Môn, liền đọc lại thuộc lòng, như đã có học tập từ trước. Lúc mười bảy tuổi, đang khi lễ Phật rồi quỳ xuống thệ nguyện xuất gia, ngài bỗng như vào mộng, thấy cảnh giới biên rộng mênh mông, nước ngâm trong vắt. Gần mé biển có một tòa non cao chón chở, mây phủ lung chùng, mặt trời chiếu sáng. Khi ấy ngài thấy mình đứng dưới núi, trên đỉnh có vị tăng cúi xuống đưa cánh tay dài kéo lên, dẫn vào một ngôi già lam, bảo: "Về sau, ông sẽ trụ nơi đây để hoằng hóa".

Năm mười tám tuổi, ngài nương theo Pháp Chử thượng nhơn ở Quả Nguyên tự, tại Sương Châu xuất gia. Kế đó, lại đến chùa núi Đại Hiền học tập Luật tạng, tụng kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, và tu Phổ Hiền quán. Vào đầu niên hiệu Thiên Gia, nghe danh đức của Huệ Tư thiên sư ở núi Đại Tô tại Quảng Châu, đến tham bái. Huệ Tư vừa nhìn thấy ngài liền bảo: "Ta với ông xưa kia đồng nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở Linh Sơn đại hội, túc duyên đeo đuổi, nay lại gặp nhau!". Nhân đó thiên sư khai thị về Tứ an lạc hạnh, và dạy cách kiến nhập Phổ Hiền đạo tràng. Đại sư lãnh giáo, nương tại đây nhập quán tu Pháp Hoa tam muội. Vừa được hai thất, khi tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương câu: "Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai...", thân tâm chợt rỗng không, lặng lẽ vào định. Trong định, ngài thấy hội Linh Sơn vẫn còn hiển hiện đông đảo chưa tan, liền thấu

suốt ý chỉ Pháp Hoa và các pháp tướng, tức thông thâm phát. Đại sư đem sở chứng bạch với ngài Huệ Tư. Thiên sư than thở ngợi khen bảo: "Chỉ riêng ông mới chứng, duy có ta mới biết! Định cảnh ấy thuộc về tiền phương tiện và Pháp Hoa tam muội. Chỗ phát tức thông thuộc Sơ Triền Đà Ra Ni môn. Từ đây về sau, dù cho ngàn muôn vạn tự pháp sự, cũng không thể làm cạn nguồn biện luận của ông được!".

Niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời Trần, ngài đến chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng khai giảng Pháp Hoa. Vua sắc chỉ đình triều một ngày, bảo quần thần tề tựu lại chùa nghe giảng đề kinh. Năm Đại Kiến thứ bảy, đại sư đến núi Thiên Thai ở miền duyên hải để tránh duyên an dưỡng. Đi tới ngọn núi phía Nam, ngài trông thấy cảnh bồng bôi hồi xúc động. Nơi đây có vị thần tăng hiệu là Định Quang đã cư ngụ từ ba mươi năm trước. Khi gặp nhau, thần tăng bảo: "Ông còn nhớ điềm ta đưa lên núi chãng? Ở sơn lãnh phía Bắc có một nơi ngân địa, hãy lên đó kiến lập già lam độ chúng". Đại sư y lời đến xem thấy cảnh đúng như điềm ứng trước, liền xây dựng chùa, trồng cây thông, dẫn nước suối, khiến cho ngôi tự viện càng thêm u nhã. Từ đó ngài giảng diễn các kinh giáo đại thừa như: Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Ma Ha Chỉ Quán, rộng mở về thiên pháp, hàng tăng tục nương về ngày càng thêm đông. Về phần chư Thần quy hướng, như cha con Quan Thánh và

Võ An Vương đều hiển linh cầu thọ giới, xin làm đệ tử hộ pháp.

Không bao lâu, đại sư lại nhận lời thỉnh của vua nhà Trần, trở về Kim Lăng giảng kinh Pháp Hoa Văn Cú tại chùa Quang Trạch. Nhà Trần mất, ngài vào Lô Sơn, kể lại châu du các miền Kinh, Dương hoằng pháp. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn đời Tùy, lại trở về núi Thiên Thai.

Công nghiệp lợi sanh của đại sư rất nhiều, nơi đây chỉ thuật phần đại khái. Trước sau, ngài tạo 36 ngôi chùa lớn, tổ chức cho biên chép 15 pho đại tạng kinh, độ hơn 14.000 vị xuất gia, trong đó có 32 bậc cao đồ đặc pháp, tạo 800.000 tượng Phật, Bồ Tát bằng vàng, đồng, cây chiên đàn, hoặc những thứ gỗ khác, khai 63 ao phóng sanh ở các vùng Hộ, Khê, Lương dài khoảng 300 dặm, soạn thuật các tập Chư Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Ma Ha Chỉ Quán, Kim Quang Minh Văn Cú, Quán Kinh Sớ cùng nhiều kinh luận khác, mở những đàn truyền giới và các khóa diễn giảng khuyến hóa ngư dân miền duyên hải bỏ nghề chài lưới, cùng viết biểu tâu với vua nhà Trần xin xuống chỉ cấm việc sát sanh quanh vùng bờ biển núi Thiên Thai. Tóm lại, trong hai đời Trần và Tùy, ngài là bậc đại pháp vương hộ trì chánh giáo. Thái tử Tấn Vương Quảng (Dạng đế) từng thỉnh ngài đến hoàng cung cầu xin thọ giới Bồ Tát và tôn hiệu là Trí Giả đại sư. Sau ngài lại về quê cũ ở Kinh Châu, kiến thiết chùa Ngọc Tuyền, giảng dạy kinh pháp để báo ân người hương lữ.

Về ý nghĩa pháp môn Tịnh Độ, trong Thập Nghi Luận, đại sư đã khai thị yếu lược như sau:

- “Muốn quyết định được sanh về Cực Lạc, phải có đủ hai hạnh: Yêm ly, Hân nguyện, nghĩa là chán bỏ và vui cầu.

- Yêm ly là thế nào? Nên xét nghĩ: hàng phàm phu chúng ta từ kiếp vô thủy đến nay, vì đắm say tự ràng buộc theo năm điều dục lạc là: sắc đẹp, tiền của, danh vị, ăn uống và ngủ nghỉ, mà bị luân hồi trong sáu đường, chịu đủ không ngần sự khổ não. Nếu chẳng khởi tâm chán bỏ thì biết chừng nào mới được thoát ly? Phải quán xét thân giả tạm này, bề ngoài chỉ một lớp da mỏng manh che phủ, bên trong chứa đầy các thứ tanh hôi như: ruột, gan, óc, phổi, xương, thịt, máu, mủ, đờm, dãi, nước tiểu, phân ứ. Cứu khiêu lại thường tiết ra những thứ không sạch, các lỗ chân lông hằng ra mồ hôi bợn nhờn. Kinh Niết Bàn nói: "Thân này như vòng thành nhờn ứ, loài quỷ La Sát ngu si hằng tham trước nương ở trong đó. Người có trí ai lại đắm luyện huyễn thân?". Lại trong kinh bảo: "Thân này không bền lâu, là chỗ nhóm họp của các thứ khổ, các thứ nhờn nhờn; là nơi sanh khởi các thứ ung nhọt ghẻ lác, các bệnh trong và ngoài. Thân này do phiền não dâm dục sanh ra, là nghiệp chủng không sạch: do tinh cha huyết mẹ hòa hợp, là mầm giống không sạch. Ở trong thai mẹ chật hẹp tối tăm nhờn nhờn, là chỗ trụ không sạch. Khi còn trong thai dùng chất máu huyết để sống, là sự ăn uống không sạch.

Do sản môn sanh ra, là chỗ sanh không sạch. Từ bé đến già bề ngoài bao lớp da mỏng, bên trong đầy thứ tanh nhờn, lại đủ các sự suy yếu bệnh khổ, là cả thân không sạch. Lúc chết rồi lại sinh thối nát rã, vùi tửa lúc nhúc, là kết cuộc không sạch. Thường quán sát bảy điều không sạch như thế, tất sẽ sanh niệm chán lìa. Dù chưa thể liền dứt được nghiệp vợ chồng, thì phiền não ái dục cũng lần lần nhẹ bớt. Lại phát nguyện mong sớm bỏ thân nhờn nhờn khổ não, cầu sanh Cực Lạc, được thân bằng chất báu ngọc kim cương đủ 32 tướng tốt, lần lần tiến chứng vào thân pháp tánh sáng suốt lạng trong.

- Còn Hân nguyện là thế nào? Nên nghĩ: nay ta cầu sanh Tịnh Độ, trước là để được sống trong cảnh lầu các, cây hoa, ao hồ, âm nhạc, chim lạ, đủ vô lượng thứ báu, vô lượng sự trang nghiêm vui đẹp ở Liên Bang. Sau đó, tiến tu để độ mình, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh trong vòng mê khổ. Nay ta nghiệp chướng nặng dầy, đạo lực yếu kém, nếu không biết tự lượng, mê ở cõi đời như ác, cảnh duyên phiền não mạnh, tất sẽ bị sóng nghiệp cuốn lôi chìm đắm, sự độ mình không rồi, nói chi độ chúng? Như thế biết chừng nào mới thoát ly khỏi kiếp sa đọa luân hồi? Nếu được về Cực Lạc, tất cả ở cõi thom sạch trang nghiêm, sống lâu vô lượng kiếp, gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đủ các thuận duyên tiến tu, không còn lo thối chuyển. Khi đã chứng quả vô sanh, phân vô lượng thân vào các cõi trước, độ vô biên loài hàm thức, nào có

muộn gì? Cho nên phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tức là phát tâm Bồ Đề, tức là phát tâm cầu Phật quả, tức là phát tâm độ chúng sanh, tức là phát tâm nhiếp hóa chúng sanh về cõi Phật vậy”.

Năm Khai Hoàng thứ bảy đời Tùy, khi hóa duyên đã mãn, sắp nhập diệt, đại sư tập họp chúng bảo tụng các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ, rồi khen ngợi rằng: "Lành thay Diệu Pháp Liên Hoa kinh, cha mẹ của pháp môn, bản tích rộng lớn, mầu nhiệm khó lường! Lành thay Vô Lượng Thọ kinh, 48 nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, ao sen cây báu, dễ vãng sanh mà ít kẻ nguyện cầu! Người tạo ngũ nghịch thập ác tướng địa ngục hiện, một niệm cải hối còn được sanh về, huống là bậc giữ giới chuyên tu, tất công phu không luống uổng vậy!". Hàng đệ tử là Trí Lãng pháp sư thưa thỉnh rằng: "Xin mở lượng từ bi, giải tỏ niềm nghi hoặc. Chưa rõ tôn đức chúng đến ngôi vị nào và khi mạng chung sẽ sanh về đâu?" Đại sư đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, tất chúng vị Thanh tịnh lục căn. Vì tôn mình lợi người, nên chỉ đến ngôi Ngũ phẩm. Hiện thời các hàng thầy bạn theo hầu Phật và Đức Quán Âm, Thế Chí đến rước ta vãng sanh!". Nói xong, hướng về Tây chấp tay xưng niệm A Di Đà Phật, Bát Nhã, Quán Âm rồi lặng lẽ như vào tam muội mà tịch.

Lúc ấy, nhằm ngày 24 tháng 11, đại sư thọ được 67 tuổi. Khi sắp đưa linh quan về ngọn Phật Lũng để nhập tháp, mưa to xối xả không dứt. Các đệ tử cầu nguyện, mưa

liền tạnh ráo, bầu trời trở nên trong sáng, gió thông vi vút tợ kêu thương, nước suối tràn reo như bi cảm. Lúc đưa linh quan đến tháp, trời mưa hương hoa lả rơi lác đác, mọi người cầu nguyện đều được cảm ứng. Đại khái như Thích Huệ Diên ở chùa Thiên Hương, tả kinh Pháp Hoa cầu đại sư xin xác nhận đã sanh về cõi nào? Đêm lại, nằm mộng thấy ngài theo Đức Quán Âm từ phương Tây đi đến bảo: "Ta về cõi Cực Lạc ở Hoa Tạng thế giới, ông đã dứt hết lòng nghi chưa?". Đại sư là Sơ Tổ tông Thiên Thai, lịch đại truyền thừa, đến nay môn phong hãy còn thịnh.

TRÍ THÔNG PHÁP SƯ

Trí Thông pháp sư, họ Trình, quê ở tỉnh Hà Đông. Từ thuở bé, ngài đã mộ đạo, thường cầu xin xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ, cuối cùng đều vui lòng chấp thuận, bảo hãy đợi hơi khôn lớn, qua mười tuổi sẽ cho xuống tóc.

Sau khi chí nguyện đạt thành, pháp sư kính thuận thờ thầy không nài khổ nhọc, nghiêm giữ giới hạnh. Ngày đêm, lúc nào rồi rảnh lại siêng năng niệm Phật tụng kinh. Sau ngài đến học kinh luật với Diên pháp sư và Tuấn luật sư. Học nghiệp đã thành, về chuyên tu Tịnh Độ tại chùa. Ngoài ra ngài còn kiêm tạo các phước lành như truyền giới, thuyết pháp, lập nhà Dưỡng lão, viện Cô nhi, thật hành cả tài thí lẫn pháp thí.

Năm Đại Nghiệp thứ bảy đời Tùy, vào tháng 10, pháp sư nhiệm bịnh, dạy thị giả trợ niệm hồng danh A Di Đà Phật, một lòng hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Được vài hôm, ngài bỗng chợt ngồi dậy, mở mắt nhìn chăm chú về Tây giây lâu, rồi bảo: "Cảnh màu đẹp không thể nghĩ bàn!". Vị tăng thị giả là Đảnh Cái hỏi, pháp sư đáp: "Ta thấy lọng hoa, tràng báu cùng điện tháp rất trang nghiêm!". Đến tối bỗng hỏi: "Làm gì mà đốt đèn đuốc quá sáng chói như thế?". Rồi liền bảo tắt đèn. Giây lâu lại bảo: "Ồ lạ! Sao ánh sáng càng thêm rực rỡ?". Đảnh Cái thưa: "Đó tắt là tướng tịnh nghiệp của thầy hiển lộ, không có chi lạ!". Trí Thông nghe nói, chấp tay niệm Phật đến sáng, rồi bảo: "Xin già từ đại chúng, tôi sanh về Tịnh Độ". Nói xong liền viên tịch.

Lúc bấy giờ bỗng nhiên đất núi đều rung động, cửa song rách nứt. Vị tăng tại bản tự là Đạo Huệ đang nằm mơ màng, mộng thấy nơi đánh non sau chùa hiện lên lầu đài điện các, từ từ nhẹ nhàng hư không bay thẳng về Tây.

PHÁP TRÍ

Đời Tùy, Thích Pháp Trí, chưa rõ xuất xứ, xuống tóc ly gia hội còn thơ ấu. Lớn lên sư thường đến các hội giảng diễn lưu ý ghi nhớ các lời thuyết pháp.

Lúc tuổi già, sư nghe nói: tu hành thẳng tắt không chi hơn niệm Phật, liền đến thưa với một vị cao đức rằng: "Tôi thấy luật dạy: phạm giới điều nhỏ phải bị đọa địa

ngục trải qua một trung kiếp, thì có thể tin. Nhưng như kinh nói: chí thành niệm một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử, lại chưa thể tin nhận!". Vị ấy bảo: "Đó đều là lời Phật dạy, tại sao ông lại sanh niệm tà kiến, tin điều này mà phủ nhận điều kia?". Sư nghe nói như chột tỉnh ngộ, đến Đâu Suất Đài ở chùa Quốc Thanh, ngày đêm chuyên cầu niệm Phật.

Một hôm đang trì niệm, sư bỗng thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân. Lại ngày khác, cảm ánh sáng từ bình báu nơi thiên quan của đức Đại Thế Chí soi chiếu đến thân. Khi sắp mãn phần, Pháp Trí đi từ giã các hàng đạo tục và bảo: "Tôi sắp về cõi Phật, các vị có chi để tiễn đưa chăng?". Theo lời ấn định, chúng hẹn sau 3 ngày sẽ đến chùa thết tiệc tiễn hành. Đến kỳ, sau bữa ngộ trai, trong đại chúng có nhiều vị ở nghỉ lại phòng của sư để chờ xem.

Nửa đêm ấy, Pháp Trí đang ngồi niệm Phật nơi giường, chúng bỗng thấy ánh sáng kim sắc từ phương Tây chiếu đến, soi rộng xa ước vài trăm dặm. Lại xem, thì sư đã viên tịch. Lúc bấy giờ người trong các thuyền ở trên sông vùng gần đó, đều lầm tưởng rằng trời đã sáng. Nhưng giây lát trời bỗng tối lại, chờ đợi thật lâu mới thấy rạng đông. Hỏi ra, trong chùa bảo đó là điềm lành khi sư vãng sanh về Cực Lạc.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Người ngự sen lành, ao bảo trân,
Long lạnh nước bạc chiếu kim thân.
Tâm nhuần pháp diệu tiêu trần cấu,
Chí độ hàng mê thoát khổ luân.
Hoa Tạng bẻ màu chơi dạo khắp
Niết Bàn nhân đẹp đủ mùi phân.
Ta Bà biết mấy quang âm đời?
Cực Lạc thường hằng một kiếp xuân!

*

Cõi tịnh mong về bất tử hương,
Ráng mây chiều tối ngắm tàn dương.
Hoa quỳnh cây bích tươi muôn vẻ,
Điện ngọc lầu châu đẹp khác thường.
Sen báu lung lay theo nhạc gió,
Nước ngân thấp thoáng bóng oan ương.
Lắng nghe bổng ngộ Vô sanh khúc,
Tên họ ghi lên Tuyên Phật trường.

*

Đôi phen mộng đến cảnh Liên Bang,
Lối cũ quê xưa đã rõ ràng.
Phơ phất phướn châu muôn nguyệt sáng,
Lững lơ lọng báu ức mây vàng.
Chim lành tắm gội ao kim thủy,
Hoa lạ đua tươi vẻ ngọc lan.

Đang giấc chợt như ai gọi thức,
Lò hương khói thoảng trống canh tàn!

*

Đài dao đầy gió, nước đầy ao,
Muôn đóa sen lành tốt đẹp sao!
Không tước thanh hòa kêu nhã điệu,
Thân tâm lặng lẽ thoát trần lao.
Ca sa đâu dụng đường kim tuyến,
Anh lạc sáng tuôn ánh ngọc hào.
Lễ Phật vô vàn thân tướng hảo,
Đạo màu ngộ pháp Tông trì cao.

*

PHÁP HỖ VÀ THỌ HỒNG

Đời Tùy, Thích Pháp Hỷ, chưa rõ xuất xứ, chỉ thấy thường đi khắp nơi tham phỏng các bậc tri thức. Sự tu học của sư có thể gọi là tinh cần không chán mỏi.

Năm 60 tuổi, sư mới được duyên lành gặp ngài Trí Giả ở núi Đại Tô, một phen nghe pháp âm liền được thâm ngộ. Từ đó Pháp Hỷ song tu thiền huệ và niệm Phật. Một thời kỳ, sư đang thực hành môn Phương đẳng tam muội, trong định bỗng thấy có con chim trĩ đến kể oan khúc đòi nợ mạng. Vừa lúc đó, thần Hộ pháp hiện thân quở chim trĩ rằng: "Pháp sư sắp sanh về Tịnh Độ, trong tương lai khi

chúng đạo sẽ tế độ cho. Người hãy lui đi, không nên khuấy rối!".

Khi gần mãn phần, sư đau bệnh, phát nguyện đem công đức tu một đời, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Rồi xả bỏ tất cả, chí tâm niệm Phật. Lúc lâm chung, sư thấy Đức Phật, hai vị Bồ Tát, và chư Thánh chúng đến rước, liền ngồi ngay ngắn mà thoát hóa.

Cùng thời gian ấy, có sư Thọ Hồng, người ở Phần Dương, hằng chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Khi lâm chung sư thấy các thiên đồng ở cung trời Đâu Suất đem phước lọng, tấu âm nhạc xuống rước. Thọ Hồng từ khước nói: "Tôi cầu về Cực Lạc, không muốn sanh lên cõi Trời!". Đoạn liền nhờ chúng cao tiếng niệm Phật. Giây phút, sư lại bảo: "Đức A Di Đà từ phương Tây đã đến!". Nói xong, liền chấp tay mà viên tịch.

HAI SA DI

Đời Tùy, tại Văn Châu, có hai sa di, chưa rõ người ở đâu, đồng tâm nguyện tu môn niệm Phật. Trải qua năm độ nắng mưa, vị lớn tuổi hơn trong cơn bệnh chết ngất, thần thức đến Tịnh Độ, thấy Phật đánh lễ và thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Có em sa di nhỏ tuổi đồng tu với con, không biết sẽ được vãng sanh chăng?". Phật bảo: "Do y khuyến khích, người mới phát tâm. Nay người hãy tạm trở

về, gắng tu hành tinh tấn, ba năm sau cả hai sẽ đồng đến đây".

Đúng kỳ hạn, hai sa di thấy Phật và Thánh chúng từ Tây Phương đến rước. Lúc ấy cõi đất rung động, hoa trời rơi xuống phơ phất lượn bay. Chúng xem lại, cả hai đồng chấp tay ngồi thoát hóa.

ĐẠO KIỆT PHÁP SƯ

Đạo Kiệt pháp sư, họ Dương, người An Ấp tỉnh Hà Đông, thuở còn bé đã có tâm xuất thế. Đời Tùy, năm Khai Hoàng thứ 11, ngài nương theo Quýnh đại sư xuống tóc, thọ giới cụ túc. Kế lại đến Thanh Châu, nghe Hà Ký luận sư giảng về Thành Thật Luận.

Khi thầy thế độ mãn phần, ngài lại châu du sang nước Tề, sưu tầm về Luận học. Pháp sư hằng mở các khóa diễn giảng, được số đông đại chúng nương theo tín phục. Thời gian lâu sau, ngài bỗng suy nghĩ rằng: "Từ trước đến nay ta chỉ chuyên theo ngôn từ lý thuyết, nên đường chân tâm hãy còn mịt mờ. Muốn phát khởi trí huệ vô sanh, tất cần phải do nơi thiền định". Nghĩ đoạn, bèn đình việc diễn giảng, sang Ma Cốc nương theo Chân Huệ đại sư học tham thiền. Lâu ngày, pháp sư ngộ sâu vào lý duyên khởi, được ngài Chân Huệ tán thán khen là bậc lợi căn.

Đạo Kiệt tánh người thiếu dục ít nói, lạnh nhạt lợi danh, sự ăn mặc rất là thanh đạm. Những cảnh vui hoặc khổ xô đến, pháp sư vẫn điềm nhiên. Về sau, ngài làm tòa chủ chùa Thê Nham. Niên hiệu Trinh Quán năm đầu đời Đường vào ngày 28 tháng 7, pháp sư viên tịch tại bản sơn, thọ 55 tuổi.

Đương thời có cư sĩ Phần Xước ở Tang Tuyên, trước kia nguyên là vị Tăng, nhân vua nhà Châu phế hủy Phật giáo, phải về tục. Tuy làm kẻ bạch y, cư sĩ vẫn thường tham dự các pháp hội, được Đạo Kiệt pháp sư rất quý trọng. Sau khi cư sĩ từ trần, một hôm hai cô con gái đồng nằm mơ thấy cha từ hư không bay đến bảo: "Ta đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay biết Đạo Kiệt pháp sư sắp mãn phần, nên đến đón rước về Liên Bang". Nói xong, đi thẳng qua hướng chùa Thê Nham.

Hôm ấy, Đạo Kiệt vì đau bệnh nên đình giảng. Khi lâm chung, ngài thấy Thánh chúng và cư sĩ Phần Xước đứng giữa hư không tiếp dẫn. Cả chùa đều nghe mùi hương lạ và tiếng thiên nhạc rền vang.

QUÁN ĐÁNH ĐẠI SƯ

Quán Đánh đại sư, họ Ngô, người đất Chương An, huyện Lâm Hải. Ngài sanh ra vừa được ba tháng, đã có thể xưng danh hiệu Tam Bảo. Khi lên bảy tuổi, vào chùa Nhiếp Tĩnh xuất gia. Niên hiệu Trí Đức năm đầu đời Trần, ngài đến yết kiến Tổ Trí Giả ở chùa Tu Thiên, nghiên tập

quán pháp mong được ấn khả. Nhân đó ngài theo làm thị giả, những pháp của Tổ nói, đều có thể lãnh ngộ.

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Tổ Trí Giả viên tịch, Quán Đảnh đại sư thay thế truyền dương giáo pháp Thiên Thai, siêng tu định huệ. Mỗi khi ngài ngồi tụng kinh, thường có thiên hoa phơ phất rơi xuống gần bên mình. Một độ nọ, đại sư đang giảng kinh Niết Bàn tại chùa Nhiếp Tĩnh, bỗng có một toán cướp tràn tới hò hét sắp hành hung. Vừa khi ấy nơi cửa chùa hiện lên thần binh cao lớn hơn một trượng, cờ xí kiếm kích rạng ngời. Bọn cướp kinh hãi, tan rã bỏ chạy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ sáu đời Đường, ngày mùng 7 tháng 8, đại sư viên tịch tại chùa Quốc Thanh. Khi ngài mới nhiễm bịnh, nơi tịnh thất thoảng bay mùi hương lạ. Lúc lâm chung, đại sư dạy đệ tử rằng: "Hãy đốt nhiều danh hương, ta sắp đi đây!". Nói xong, bỗng đứng lên chấp tay như cung kính ai, ba lần xưng Nam Mô A Di Đà Phật nhan sắc tươi vui. Kê đó về chỗ nằm mà tịch. Khi đã vãng sanh, nơi đánh của đại sư còn nóng suốt ngày, thọ 72 tuổi.

ĐẠO NGANG PHÁP SƯ

Đời Đường, Đạo Ngang pháp sư quê ở Ngụy Quận. Ngài sanh ra, phong thần thanh sáng, huệ giải như đã sẵn

tu tập từ kiếp trước. Lớn lên nương theo Linh Dũ thượng
nhơn xuất gia, nghiên tâm giáo điển, tu tập chuyên cần.

Một hôm, ngài đang giảng Hoa Nghiêm Địa Luận tại
chùa núi Hàng Lăng, vào lúc hoàng hôn, trời bỗng âm u
sụp tối, không kịp thắp đèn đuốc. Pháp sư đưa cao bàn tay
lên, liền phát ra dị quang chiếu sáng rục cả giảng đường.
Đại chúng thấy thế đều kinh lạ. Người bảo: "Ánh sáng ấy
vẫn hằng ở nơi tay tôi và khắp chỗ, đâu có chi là ly kỳ!".
Bình thời, pháp sư rộng kết duyên bạn sen cùng nguyện
sanh về An Dưỡng. Về sau, ngài ngụ tại Báo Ứng Tự, dự
biết ngày vãng sanh, cho báo tin cùng các hàng thân tri,
dặn khoảng đầu tháng 8 đến chùa để giã biệt.

Đến kỳ hạn, đại chúng tề tựu, thấy pháp sư vẫn như
thường, không đau bệnh chi cả. Trong lúc mọi người còn
phân vân, ngài an nhiên đáp y lên tòa cao, khuyến dẫn
chúng thọ giới Bồ Tát, lời và ý đều khẩn thiết, thính giả
vừa kính sợ, vừa cảm động. Gần đến giờ ngọ trai, bỗng có
tiếng thiên nhạc du dương thanh diệu nổi rền rang giữa hư
không. Pháp sư ngược mắt nhìn lên rồi bảo chúng: "Chư
thiên cung Trời Đâu Suất vân tập đông đảo đến đón rước
tôi. Nhưng thiên đạo vẫn còn trong nẻo luân hồi, không
phải là điều riêng ưa thích. Tôi hằng cầu Tịnh Độ, sao tâm
nguyện vẫn chưa thấy đạt thành?". Nói xong, âm nhạc và
Thiên chúng từ từ ẩn mất lên cao, trong giây phút đều lặng
lẽ. Vừa lúc ấy, hương hoa cùng kỹ nhạc từ Tây Phương
đầy dẫy như mây, bay đến xoay vần trên đầu ngài, cả

chúng đều nghe thấy. Pháp sư bảo: "Linh thoại ở Liên Bang đã ứng hiện đón rước, đại chúng ở lại yên ổn, tôi đi đây!".

Nói xong, chiếc thủ lô từ nơi tay rơi xuống. Pháp sư ngồi vắng sanh ngay nơi bản tọa. Lúc ấy, nhằm năm Trinh Quán thứ bảy, ngài thọ được 69 tuổi.

ĐẠO XƯỚC THIÊN SƯ

Đạo Xước thiên sư, người đời Đường, họ Vệ, quê ở Văn Thủy tại Tinh Châu. Thuở bé ngài đã có tánh cung kính khiêm nhường, hàng hương lý đều mến chuộng. Ngài xuất gia hồi 14 tuổi, sau khi học giáo điển, lại theo Tảng thiên sư tập tham thiền.

Về sau, ngài trụ trì chùa Huyền Trung tại Thạch Bích thuộc miền Văn Thủy. Chùa này do Đàm Loan pháp sư kiến lập từ trước. Đạo Xước mến hạnh tu Tịnh Độ của Loan pháp sư, hằng lặng lòng quán tưởng, khi ngồi thường hướng về phương Tây, sáu thời lễ kính không thiếu sót. Ngài định khóa mỗi bữa niệm Phật bảy muôn câu. Có một vị tăng, trong định thần thức dạo đến cảnh trang nghiêm ở Tây Phương, thấy Đạo Xước tay lần tràng hạt sắc sáng đỏ, số hạt chuỗi rất nhiều, cao như non thất

bảo. Ngoài ra, còn các điềm thoại ứng khác của ngài không thể thuật hết. Thiên sư thường vì đại chúng giảng kinh Vô Lượng Thọ và Thập Lục Quán đến vài trăm lượt. Sau khi giảng xong, thính chúng mỗi vị đều lần chuỗi niệm Phật, tiếng vang như sóng biển dâng trào. Có lúc chúng lại tản mát xung quanh niệm Phật, âm hưởng vang động rừng núi.

Bình thời, ngài khuyến khích đại chúng tu tịnh nghiệp, ý vị sâu sắc, lời lẽ như suối tuôn. Thính chúng đều cảm động, nhiếp niệm quên duyên, một lòng niệm Phật. Đôi khi có kẻ tà kiến lên non muốn kích bác, nhưng khi thấy oai dung của ngài, đều lặng lẽ ra về. Thiên sư có trứ tác hai quyển An Lạc Tập, bao gồm những điểm thiết yếu của các ngài: Long Thọ, Thiên Thân, Huệ Viễn, Đàm Loan, được người đương thời trân trọng.

Năm Trinh Quán thứ hai, vào ngày mùng 8 tháng 4, ngài biết thọ số không còn bao lâu, cáo tri trước cho khắp hàng đạo tục xa gần. Hôm ấy đại chúng đến chùa chật nức cả trong ngoài. Sau thời khuyến dụ, đại chúng đều thấy Đàm Loan pháp sư ngồi trên thuyền thất bảo giữa hư không, bảo Đạo Xước rằng: "Điện các ở cõi Tịnh Độ của ông đã hiện thành, chỉ còn dư báo tại Ta Bà chưa dứt đó thôi!". Chúng lại thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, thiên hoa từ trên lác đác rơi xuống. Các hàng thiện tín lấy vạt áo hứng được, thấy cánh hoa trơn đẹp đáng yêu, nhiều màu sắc lạ. Có kẻ thử cắm trên đất, đến 7 ngày vẫn chưa héo.

Đại chúng đều vui mừng ngưỡng mộ, than thở khen là điềm rất ly kỳ. Từ ngày ấy trở đi, báo thân của thiền sư thêm khỏe mạnh, dung sắc càng tươi tắn. Ít lâu sau, ngài vãng sanh, thọ hơn 80 tuổi.

Bấy giờ có Thích Đạo Phủ cùng ngài Đạo Xước đồng chí hướng, mỗi khi gặp nhau đều lấy sự vãng sanh Tịnh Độ làm ước hẹn. Sau khi thiền sư viên tịch ba hôm, Đạo Phủ nghe tin, than thở bảo: "Ta thường hẹn sẽ vãng sanh trước ông, nay kết cuộc lại đi sau. Nhưng cũng chẳng ngại chi, chỉ cần gia công thêm một chút, tất sẽ theo kịp!". Nói xong tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật, lễ nguyện trì niệm một lúc lâu. Kế đó lui ra, ngồi kiết già nơi thiền tọa chấp tay mà hóa.

TẶNG HUYỀN PHÁP SƯ

Đời Đường, Tăng Huyền pháp sư, người ở Tinh Châu, rộng thông giáo điển, hạnh giải tương ưng. Đến 96 tuổi, ngài theo Đạo Xước thiền sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, lại được xem hai quyển An Lạc Tập, mới phát tâm niệm Phật. Có kẻ bảo là tu hành trễ muộn, mạng sống còn chẳng bao lâu, tịnh nghiệp khó thành thực, e không được vãng sanh. Pháp sư đáp: "Kinh nói: Khi lâm chung hồi tâm niệm mười niệm cũng được vãng sanh về Tịnh Độ. Tôi còn rộng ngày giờ hơn thế, lo gì không được vãng sanh?".

Vì e thọ số sắp mãn, mỗi ngày đêm pháp sư lễ Phật 1000 lạy, niệm Phật chín muôn câu. Trải qua 5 năm như thế, một lòng hành trì không biếng trễ. Một hôm, ngài cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử bảo rằng: "Tây Phương Tam Thánh đã đến, thân tướng trang nghiêm, quang minh rực rỡ. Đức A Di Đà Thế Tôn trao cho ta áo cà sa thơm đẹp. Hóa Phật hiện đầy khắp cả hư không. Các ông hãy cố gắng tinh tu, ta đi đây!". Nói xong, ngài chấp tay mà hóa. Mùi hương lạ thanh thoảng 7 ngày vẫn chưa tan.

Bấy giờ, có hai vị pháp sư là Khải Phương, Viên Quả mục kích việc ấy, phát tâm về chùa Ngô Chân ở huyện Lam Điền, kiết kỳ chuyên niệm Phật. Cả hai cùng bẻ một cành dương đem để trong tay tượng đức Quán Thế Âm, khẩn rằng: "Nếu chúng con đồng được vãng sanh, xin nguyện cho cành cây này trong 7 ngày không héo". Qua 7 hôm, cành dương đã không rũ héo mà còn thêm xanh tươi. Hai vị đều vui mừng từ đó ngày đêm quán niệm không biếng trễ. Trải qua 5 tháng như thế, một hôm trong khi tịnh quán, cả hai đồng thấy mình đến ao báu ở Tây Phương. Vô số hoa sen đẹp lạ đủ màu sắc đua tươi, phóng ánh sáng vi diệu. Giây phút Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đồng đến an tọa trên hai hoa sen báu lớn. Kế đó đức A Di Đà Thế Tôn từ hướng Tây bay đến, ngồi trên đóa sen cực to ở giữa hai vị Bồ Tát. Ánh sáng của hoa đẹp và Tam Thánh dung hòa, nhiệm màu rực rỡ. Khải Phương, Viên Quả đánh lễ thưa rằng: "Kính bạch! Chúng sanh ở

cõi Diêm Phù Đề y theo kinh niệm Phật, có được sanh về đây chăng?". Phật bảo: "Tùy theo nhân hạnh cao thấp, đều quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc. Điều ấy các người chớ nên nghi ngờ!". Cả hai lại nghe Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Văn Thù Bồ Tát đang khen ngợi kinh Pháp Hoa. Phía trước lại hiện ba đạo thêm báu đồ về Liên Trì, trên ấy có nhiều vị đang đi đến. Một con đường toàn là hàng bạch y ngoài đời. Một đường xen lẫn người tăng kẻ tục. Một con đường chỉ có chư tăng ni. Các vị ấy đều nói: "Chúng tôi là những người niệm Phật mới sanh về đây!".

Sau khi xuất định, Khải Phương, Viên Quả thuật lại rành rẽ cảnh giới ấy cho đại chúng biết. Không bao lâu, hai vị pháp sư đều được vãng sanh.

DUY NGẠN PHÁP SƯ

Duy Ngạn pháp sư, người ở Tinh Châu, bình sanh thường tu Phương Đẳng sám pháp và niệm Phật, hồi hướng cầu về Tịnh Độ. Khi có hơi đau yếu, lại càng tinh tấn không xen hở.

Một ngày nọ, pháp sư thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân giữa hư không. Ngài rập đầu đánh lễ, sa nước mắt thưa: "Duyên may nhục nhãn được thấy Thánh dung. Chỉ buồn cho người đời sau, không do đâu mà được biết kim tướng, cầu xin Bồ Tát từ bi gia hộ, cho ý nguyện con muốn hội họa tôn tướng được đạt thành!". Hôm sau,

pháp sư cho mời họa công đến, tả rõ sắc tướng hai vị Bồ Tát, song không ai vẽ được. Vừa đâu có hai người tự bảo mình từ Tây kinh đến, muốn qua non Ngũ Đài, nay gặp duyên, xin vẽ tượng hai vị Bồ Tát. Họa xong, Thánh tướng tươi đẹp trang nghiêm, giống y như ngài Duy Ngạn đã thấy. Nhưng hai người ấy bỗng đi đâu mất.

Biết đó là hai vị Bồ Tát hóa thân gia hộ, và duyên Tịnh Độ của mình cũng đã thành thực. Pháp sư cho họp hàng đệ tử lại bảo rằng: "Nay ta vãng sanh về Cực Lạc, có ai muốn cùng đi theo chăng?". Một đồng tử cúi lạy thưa: "Con xin đi theo sư phụ!". Ngài Duy Ngạn bảo nó trở về giã từ cha mẹ. Đồng tử vâng lời. Cả nhà thấy đứa bé về nói như thế đều không tin, trách cho là lời bông đùa. Đồng tử không biện minh, lặng lẽ trở lại chùa tắm gội thay y phục, vào đạo tràng ngồi niệm Phật mà hóa. Pháp sư hay tin, đến vỗ vai nó và bảo: "Lành thay! Bé con đi trước ta ư?". Rồi xuống giảng đường lấy bút làm bài tán, đề nơi tượng hai vị Bồ Tát, tán rằng:

Quán Âm xa đón từ Tây Cảnh,
Thế Chí dìu đưa bước vãng sanh.
Hóa Phật lò kim đỉnh,
Thiên quan hiện bảo bình!
Cõi Phật mười phương đồng thưởng ngoạn,
Đài sen chín phẩm tiếp hàm linh.
Tay vàng thương xót đỡ,
Dìu dắt đến Liên kinh!

Đề xong, từ biệt các đệ tử, vào đạo tràng lễ Phật, bảo chúng xướng hồng danh trợ niệm. Pháp sư ngồi kiết già niệm theo, giây phút chấp tay nhắm mắt mà hóa. Hưởng thọ được 80 tuổi.

Lúc ấy nhằm ngày mùng 7 tháng giêng, vào niên hiệu Thùy Cũng năm đầu đời Đường.

HOÀI NGỌC PHÁP SƯ

Hoài Ngọc pháp sư, họ Cao, người đời Đường, quê ở Đơn Khâu. Ngài giữ giới luật rất tinh nghiêm, mặc áo vải thô, ngày chỉ dùng một bữa cơm, thường ngồi không nằm. Tuy suốt thông giáo lý, tiết hạnh thanh cao, song pháp sư vẫn thường sám hối, mỗi ngày niệm Phật năm muôn câu, bình sanh tụng kinh A Di Đà được 30 vạn quyển.

Vào ngày mùng 9 tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo năm đầu, ngài nghe thấy tiếng thiên nhạc thanh tao, giữa hư không vô số tràng phan bảo cái trang nghiêm rực rỡ. Thánh chúng cõi Tây Phương hiện thân nhiều như Hằng sa. Trong ấy một vị bung đài bạc đến trước đón rước, pháp sư nói: "Hoài Ngọc một đời niệm Phật thề chiếm đài vàng, nay sao lại chẳng được như thế?". Thánh chúng và

các âm thanh sắc tượng liền ần mất. Từ đó ngài càng gia công tinh tấn.

Một hôm, pháp sư nghe giữa hư không có tiếng gọi bảo: "Trên đầu đã hiện viên quang, xin khi trì niệm ngồi ngay kiết án để chờ Phật đến tiếp dẫn!". Trải 3 ngày sau, quang minh lạ hiện ra càng lúc càng tăng, sáng rực cả thất. Ngài bảo chúng: "Nếu nghe mùi hương thanh diệu tất báo duyên ta sắp mãn". Liền nói kệ rằng:

Sạch trong sáng đẹp không trần cấu,
Đài sen phẩm thượng là sanh mẫu.
Luân chuyển tu hành trải mười kiếp,
Sống ở Diêm Phù, nhàm các khổ.
Một đời tinh tấn vượt mười kiếp,
Ta Bà nhẹ thoát về Liên Độ.

Pháp sư nói kệ vừa xong, chur tăng nghe mùi hương lạ bát ngát. Tất cả nhìn lên, thấy Thánh chúng hiện thân đầy khắp hư không. Đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí thân sắc tử kim, ngồi tòa kim cương đến tiếp dẫn. Vô số tràng phan bảo cái lại hiện tiếng tiêu cầm màu nhiệm trời lên. Một vị Thánh bung đài vàng bay xuống đón rước. Pháp sư mỉm cười, từ giã đại chúng, chấp tay niệm Phật mà qua đời.

Nghe việc này, quan Thái Thú bản quận là Đoàn Hoài Nhiên, làm bài kệ khen ngợi rằng:

Thầy ta một niệm lên Sơ Địa
Nhạc đón hai phen, phước vạn tầng!
Trước thất hòe xưa sà nhánh biếc

Đài vàng máng nặng khiến nên chãng?

HUỆ NHỰT

Huệ Nhựt đại sư, họ Tân, người ở Đông Lai. Ngài đắc độ vào thuở vua Trung Tôn đời Đường. Buổi thiếu thời, rất mến hạnh sang Tây Vực thỉnh kinh của Nghĩa Tịnh tam tạng.

Sau đó, đại sư theo thương khách nương thuyền vượt biển sang Ấn Độ. Trải qua 3 năm ngài đến xứ Thiên Trúc, đi khắp nơi lễ thánh tích của Phật, và tìm thỉnh các bản kinh chữ Phạn. Cuộc hành trình ghi đậm nhiều kinh lịch gian khổ, khiến đại sư rất nhàm chán cõi Ta Bà. Do đó ngài tham phỏng khắp các vị tam tạng pháp sư ở Thiên Trúc, xem cõi nước nào thuần vui không khổ, và pháp hạnh nào mau được thấy Phật. Các vị ấy đều khuyên nên tu Tịnh Độ, cầu về Cực Lạc. Đại sư đánh lễ, nguyện xin tin nhận thật hành.

Cuộc du hành đưa ngài lần đến xứ Kiền Đà Ca thuộc miền Bắc Ấn Độ. Phía Đông Bắc thành vua nước ấy có tòa núi to, trên núi có đền thờ Bồ Tát Quán Thế Âm. Tương truyền, nếu kẻ nào đến trước tượng chí thành đánh lễ cầu thỉnh, Bồ Tát sẽ hiện thân dạy bảo cho những điều cần thiết. Đại sư đến nơi đánh lễ 7 ngày, rồi tuyệt thực niệm thánh hiệu đại sĩ, liều chết cầu được ứng nghiệm. Tới đêm thứ 7, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân sắc tử kim

cao hơn một trượng ngời trên đài sen báu giữa hư không, duỗi cánh tay xuống xoa đầu ngài rồi bảo: "Người muốn hoằng pháp, lợi mình lợi người, cần phát tâm niệm Thánh hiệu Đức A Di Đà, nguyện về thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Khi đến cõi ấy sẽ thấy Phật và ta, được sự lợi ích lớn. Người nên ý thức pháp môn Tịnh Độ rất màu nhiệm, vượt hơn tất cả hạnh tu!". Nói xong, liền ẩn mất.

Lúc bấy giờ do tuyết thực lâu, đại sư đã khốn bại. Nhưng sau khi nghe Bồ Tát dạy bảo, tinh thần ngài bỗng phấn chấn, sức khỏe lần phục hồi. Từ đó lòng đã kiên quyết, nguyện nhứt tâm hành trì không thối chuyển.

Sau khi ấy, ngài vượt ngọn Thông Lãnh, trở về Trung Quốc. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy đời Đường, mới về tới Trường An. Cuộc hành trình trước sau kể có 18 năm, trải qua hơn 70 nước. Lúc vào kim điện triều kiến, dâng lên tượng Phật và các bản kinh, đại sư được vua tứ hiệu là Từ Mẫn tam tạng. Từ đó ngài tinh tấn niệm Phật, hoằng truyền về môn này, trứ tác quyển Vãng Sanh Tịnh Độ Tập, lưu hành nơi đời.

Đến năm Thiên Bảo thứ bảy, đại sư viên tịch. Trước giờ lâm chung, ngài thấy hoa sen lớn hiện ra trước mặt, sáng chói rực rỡ như vàng mặt trời.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Nhật lặn lòng mơ hương Lạc Bang,

Đường về quê thẳng tợ dây đàn!
Giữa trời nhạc đón nhiều thanh điệu,
Trên nước sen chào mỗi sắc quang.
Cây bích cảnh dao trời báu lạ,
Áo châu com ngọc cảnh vui nhân.
Năm mươi niên trải nhiều luân lạc,
Tiếp dẫn cha trao đại bảo tàng.



Một đóa sen hàm một Thánh thai,
Công thành nở đẹp cánh hoa tươi.
Nơi thân anh lạc tùy tâm hiện,
Đầy bát hương tô ứng niệm bày.
Kim điện chói ngời mờ nhật nguyệt,
Ngọc lâu sáng sạch tuyệt trần ai.
Pháp vương chỉ rõ đường chân đế,
Ánh giác đài tâm tỏa rộng khơi.



Châu thành điện các, ngọc viên lâm,
Ngôi đứng kinh hành đất bảo kim.
Xá lợi vang hòa tuyên diệu kệ,
Tần già thanh thốt trôi Tiên âm.
Soi lòng tỏ ngộ vô sanh lý,
Luyện tánh tròn linh bất động tâm.
Chạm mắt nơi nơi đều Tịnh Độ,
Xưa nay trong sáng dứt suy tâm!



Cõi lành, câu Phật kết nhân duyên,
Hai sáu thời gian giữ hiện tiền!
Mỗi xuống hoàng hôn thêm hương niệm,
Xa theo trời lặn đến Tây Thiên.
Phật Đà tay báu xin xoa đánh,
Đại sĩ thân vàng nguyện hóa duyên.
Chẳng mượn bào thai thành chất huyễn,
Quê xưa đã sẵn ngọc trì liên.

TÈ HÀNG PHÁP SƯ

Tề Hàng pháp sư, tự Đăng Chí, họ Trâm, người ở Hồ Châu. Ngài xuất gia tại chùa Vĩnh Định, vào niên hiệu Thiên Bảo thứ tám đời Đường.

Pháp sư tánh tình trầm lặng sâu kín, thân tâm không quan thiệp đến việc đời, tông tích lánh xa trường danh lợi. Ngài thường ở riêng một tịnh thất, ngoài việc trì niệm, chuyên sớ giải các pho về Tướng tông. Đối với kinh Pháp Hoa lại liễu ngộ rất tinh tường, ít người sánh kịp. Quanh năm một thân một bóng, chỉ lo việc sớ kinh tu niệm, trong thất hằng lặng lẽ dường như không người.

Sau ngài ra thất, chủ trì các giới đàn ở Tô Châu, Hồ Châu. Đến năm Đại Lịch thứ mười, lại dự vào đạo tràng niệm Phật ở Lưu Thủy. Đang khi khóa tụng, trong khoảnh

khắc tịnh tâm, pháp sư thấy rõ cảnh tượng trang nghiêm ở Tịnh Độ, liền làm bài ca rằng:

Lưu Thủy nước động chừ, sóng gợn lăn tăn,

Hoa sen vô số chừ, sáng đẹp muôn vàng!

Một niệm trong lặng chừ, tức tâm Tịnh Độ.

Quang đài về Tây chừ, ấy ai lương bằng?

Không bao lâu pháp sư vương bệnh, gọi đệ tử bảo: "Nhiều chim đẹp lạ từ hư không bay xuống, liệng quanh trước ta, các ông có thấy chăng?" Đệ tử hỏi: "Hòa thượng sắp xả thọ, tại sao lại mang bệnh?". Ngài đáp: "Thân huyễn phải suy tàn, dù bậc Thánh cũng không khỏi!". Rồi xây mình ngồi chấp tay hướng về Thánh tượng niệm Phật mà tịch. Thọ được 68 tuổi.

TỰ GIÁC

Đời Đường, Thích Tự Giác, người ở Bắc Lãng, xuất gia tại chùa Khai Nguyên lúc còn trẻ. Niên hiệu Trí Đức thứ hai, sư sang chùa Thiên Pháp ở huyện Linh Thọ, học tập kinh, luật, luận. Trải chín năm cần khổ, hạnh giải đều đến chỗ tinh vi.

Niên hiệu Đại Lịch năm đầu, Tự Giác qua huyện Bình Sơn, ngụ tại Trùng Lâm viện ăn tu niệm Phật. Từ đó, mỗi ngày sư chỉ dùng một bữa ngộ, cơm rau áo vải, sư ăn mặc rất là thanh đạm. Gặp năm trời hạn lâu, quan Tiết độ sứ ở Hằng Dương là Trương Công nghe tiết hạnh sư, tự thân

vào núi thỉnh cầu đảo võ. Tự Giác thành tâm tụng niệm, khẩn cáo với chư vị long thần. Nhiều cơn mưa to liên tiếp tục rơi xuống. Trương công cùng dân chúng đều cảm đức mền trọng.

Ban sơ Tự Giác muốn đúc tượng Đại Bi Quán Âm và xây dựng chùa. Sau cơ hội đảo võ, cửa đàn tín đến nhiều, sư mới thật hành bản nguyện, tạo tượng Bồ Tát cao 49 thước, phạm tướng rất nghiêm đẹp. Đến cuối năm ấy, ngôi chùa cũng lạc thành. Mọi việc an bài, Tự Giác lên bảo điện quỳ phát nguyện, xin nhờ Phật lực được sớm sanh về Tịnh Độ. Đến canh ba, sư thấy kim quang chiếu đến rực rỡ, Tây Phương Tam Thánh hiện trong ánh sáng, đức A Di Đà Thế Tôn đưa tay vàng xoa đầu Tự Giác và bảo: "Giữ chí chớ đổi, lợi sanh trước tiên, hoa sen ao báu, sẽ hợp tâm nguyện!".

Đêm rằm tháng hai năm Trinh Nguyên thứ 11, sư thấy thần nhơn hiện nửa mình trong mây, cúi xuống gọi bảo: "Hạn kỳ Tây quy đã đến, nên sớm chuẩn bị!". Tự Giác chấp tay đưa lên tỏ dấu tạ ơn. Đến ngày 14 tháng 6, sư từ biệt chúng, lên chánh điện ngồi trước tượng Quán Âm, niệm Phật mà qua đời.

Tượng Đại Bi Bồ Tát của sư tạo, mọi người cầu nguyện đều được ứng nghiệm. Đầu niên hiệu Hiền Đức đời nhà Châu Võ Đế, sắc lệnh hủy phá tất cả tượng đồng trong dân gian. Khi thợ phá đến tôn tượng này, tất cả đều

bị uông tử. Đến đời nhà Tống, Thái Tổ sắc lệnh đúc lại tượng ấy tại ngôi chùa cũ.

TRI TUYỀN PHÁP SƯ

Tri Tuyền pháp sư, tự Hậu Giác, họ Trần, người ở My Châu, huyện Hồng Nhã. Năm lên 7 tuổi vào tiết xuân thấy cây hoa trước nhà đang tươi nở, nội tổ bảo vịnh một bài thi, ngài liền khẩu chiếm rằng:

Hoa nở đầy cây hồng,
Hoa rụng muôn cảnh không.
Chỉ còn lưu một đóa,
Ngày mai theo gió đông!

Nội tổ nghe xong chẳng vui bảo: "Ta hy vọng lớn lên sẽ đoạt khôi nguyên, nối giòng khoa hoạn, nào ngờ ý hướng mi lại vào chốn Không môn!". Lại một hôm, ngài theo mẹ đến chùa Ninh Di nghe giảng kinh Niết Bàn, liền thông suốt dường như đã học tập sẵn từ kiếp trước. Đêm ấy, nằm mơ thấy Phật đưa cánh tay sắc vàng xoa nơi đánh đầu. Năm 11 tuổi, ngài xuất gia. Thầy dạy cho kinh, luật, luận, đều thông đạt đến chỗ mâu nhiệm. Năm 13 tuổi đã lên pháp tòa giảng kinh, hàng thánh chúng xuất gia đều tin phục.

Triều Tuyền Tôn đời Đường, pháp sư được sắc chỉ mời đến kinh đô. Sau cuộc hỏi đạo, vua cả đẹp, ban cho áo Tử ca sa. Ngài tâu xin trùng tu các ngôi chùa hư phế trong

thiên hạ, được chuẩn tấu. Kế đó pháp sư trở về non cũ tu hành.

Lúc ở kinh sư, trọ nơi ngôi chùa nọ, ngài có quen với một vị tăng. Vị ấy mang bệnh cùi, đại chúng đều xa lánh, riêng pháp sư vẫn thân hậu không tỏ vẻ chán, lại thường săn sóc hỏi han. Lúc chia tay, vị tăng cảm mến hạnh, căn dặn rằng: "Ngày sau ông gặp nạn, nên tìm tôi nơi Cửu Lũng Sơn, tại Bành Châu, đất Tây Thục. Chỗ tôi trú là ngôi chùa ở gần bên hai cội thông cao lớn!".

Triều Hy Tôn, pháp sư lại được triệu đến kinh đô, trụ trì chùa An Quốc. Vua mến trọng đạo đức, phong cho ngài hiệu là Ngô Đạt quốc sư. Đến triều Ý Tôn, ân sủng lại càng hậu, vua thân lâm pháp tịch nghe giảng kinh, ban cho ngài tòa trầm hương để ngồi. Từ đó, nơi đầu gối của pháp sư bỗng sanh ra ghẻ mặt người, đủ cả mày, mắt, mũi, miệng, răng. Dem vật thực đưa cho, ghẻ há miệng mà ăn, giống như người không khác. Các danh y đều bó tay, không chữa trị được. Đang lúc đau đớn, pháp sư bỗng nhớ lời vị tăng khi trước, liền rời chùa đi tìm. Đến Cửu Lũng Sơn, sắc trời đã tối, ngài còn đang bàng hoàng nhìn xung quanh, bỗng thấy hai cội thông cao to ẩn xa xa trong vùng mây khói, liền rảo bước đến. Tới nơi, gặp ngôi già lam rất lớn, lầu cao điện rộng, màu kim sắc bích ánh sáng giao xen, vị tăng khi xưa đứng đón chờ nơi cổng. Sau khi mừng rỡ hỏi chào, vào chùa uống trà tiếp chuyện. Pháp sư đem cảnh bệnh khổ tỏ bày. Vị tăng bảo: "Không ngại chi,

bên chùa có dòng suối, sáng ngày ra đó rửa, tất sẽ được lành!". Rạng mai, vị tăng sai đồng tử dẫn pháp sư ra suối. Khi ngài sắp vốc nước để rửa, bỗng nghe ghẻ mặt người nói: "Hãy khoan, ngài là bậc thức đạt sâu xa, từng đọc các sách thời Tây Hán, có nhớ chuyện Viên Án và Triều Thố chăng?". Pháp sư đáp: "Đã có đọc qua". Ghẻ nhờn diện nói tiếp: "Ngài từng biết Viên Án tâu xin chém ngang lưng Triều Thố nơi cửa chợ Đông, sự oan ức ấy là thế nào rồi chứ! Ngài là thân sau của Viên Án, còn Triều Thố là tiền kiếp của tôi. Từ đó đến nay, tôi mãi theo ngài để chờ dịp báo thù. Nhưng trải qua 10 kiếp, ngài đều làm cao tăng, giới hạnh tinh nghiêm, nên tôi không báo oán được. Kiếp này ngài thọ ân sủng của vua quá hậu, móng khởi niệm lợi danh, đối với đức hạnh có tổn, nên tôi mới được dịp làm hại. Nay nhờ bậc Thánh tăng là Ca Nặc Ca Tôn giả dùng nước tam muội rửa sạch tiền khiên, nên tôi cùng ngài từ đây về sau không còn oan trái nữa!".

Pháp sư nghe qua kinh động, hồn bất phụ thể, vội vốc nước lên rửa, cảm thấy đau nhức tận xương tủy, liền ngã xuống chết giắc. Giây lâu rồi tỉnh, nhìn lại ghẻ nhờn diện đã biến mất, chỗ đầu gối lạnh lặn như xưa. Trong khắp xung quanh ngôi chùa, hai góc thông, cả dòng suối đều ản dạn. Ngài ngẫm nghĩ biết vị tăng đó là A La Hán Ca Nặc Ca, cảnh trí ấy do sức thần thông của Tôn giả hóa hiện. Pháp sư cảm ân cứu độ, lập ngôi am tại đây để lưu niệm, về sau lần lần thành cảnh chùa to. Đến đời nhà Tống được

vua sắc phong là Chí Đức Thiên Tự. Nhắc đến sự việc này, hậu non có thi bình luận rằng:

Đầu non Cửu Lũng tìm tri thức,
Dưới cội song tùng gặp Nặc Ca.
Lành dữ đến đầu, khôn lẩn tránh,
Khuyên ai đừng kết, giải oan gia!

Sau khi ấy, Ngô Đạt quốc sư hồi kinh. Xót vì nợ tiền khiên đeo đẳng, pháp sư soạn ra bộ Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, để hằng ngày tự sám hối. Ngài nghĩ lo sợ mình đã 10 kiếp làm bậc cao tăng, tham thiên lễ tụng, mà không giải được túc nghiệp, liền phát tâm niệm Phật hồi hướng cầu sanh về Cực Lạc. Pháp sư tánh thiếu dục, biết vừa đủ, quá ngộ không ăn, sáu thời hành đạo. Vì thế nên hằng cảm được điềm lành. Một hôm, ngài nghe giữa hư không có tiếng bảo: "Quyết định được sanh về Cực Lạc!". Hỏi ai nói, đáp là Phật. Lại một hôm trong cơn định, ngài thấy có vị Bồ Tát tướng đẹp trang nghiêm giáng xuống giữa sân, dặn dò khen ngợi và thuyết pháp rất mau. Phủ dụ xong, đại sĩ liền ẩn mất.

Lúc lâm chung, pháp sư di chúc dạy đem bỏ tử thi bố thí cho loài chim cá, và nói: "Từ lâu, ta đã ước hẹn ngày về Tây Phương Tịnh Độ, nay đã đến thời!". Nói xong, nằm nghiêng bên phải, day mặt về Tây mà tịch. Thọ được 73 tuổi.

HÙNG TUẤN

Sư Hùng Tuấn, họ Châu, người ở Thành Đô, giảng thuyết hay, nhưng không giới hạnh. Sau ông hoàn tục theo quân ngũ, rồi cạo tóc trở lại làm tăng. Xét bốn phạm mình, sư cũng biết hổ thẹn ăn năn, nên thường niệm Phật.

Trong niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Hùng Tuấn đau bệnh chết ngất, thần hồn xuống âm phủ. Diêm chúa quở trách, sai quỷ áp giải vào địa ngục. Sư kêu to lên rằng: "Trong Quán kinh nói: kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi sắp chết niệm mười niệm cũng được vãng sanh. Tôi tuy tạo tội, song không phạm ngũ nghịch, cứ theo công quả niệm Phật, đáng được sanh về Tịnh Độ. Nếu chẳng thế, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ!". Nói xong chấp tay niệm Phật, bỗng thấy bảo đài ánh sáng hiện giữa hư không, Diêm chúa liền tha cho về để tiếp tục tu niệm.

Sau khi sống lại, Hùng Tuấn liền vào Tây Sơn chuyên tâm trì niệm. Được 4 năm, một hôm sư từ biệt đại chúng, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

DUY CUNG

Đời Đường, sư Duy Cung người ở Kinh Châu, giới hạnh kém, thường uống rượu đánh bạc. Lúc rảnh rỗi cũng tụng niệm, hồi hướng cầu về An Dưỡng. Trong chùa có sư Linh Quy thường a dua bắt chước theo. Hàng lân lý thấy thế, đặt lời hát rằng:

Duy Cung tạo nghiệp dữ,

Linh Quy làm bạn lũ.

Địa ngục muôn tầng vào,

Đừng trách chi qui sứ!

Duy Cung nghe được, nói: "Mồ tuy tạo tội, song nương nhờ Phật lực mười niệm vãng sanh, há lại đọa vào ác đạo ư?". Một hôm sư đau bệnh, Linh Quy có việc ra khỏi chùa, thấy hai thiếu niên, một vị tay cầm nhạc khí. Hỏi từ đâu đến, đáp rằng: "Chúng ta từ Tây Phương tới đón rước Cung thượng nhơn!". Vị kia lấy trong áo ra một hoa sen, cánh hoa khép mở buông tỏa ánh sáng lạ. Cả hai hướng về chùa rảo bước.

Linh Quy đứng bồi hồi suy nghĩ, rồi vội vã trở lại chùa. Vừa đến cửa đã nghe tin Duy Cung mãn phần. Nhân đó, sư cảm ngộ sám hối, chí thiết tu hành, sau thành một bậc danh đức.

CHÍ THÔNG

Thích Chí Thông, họ Trương, người đời Thạch Tấn, quê ở Phụng Dương. Sau khi xuất gia, sư vân du miền Lạc Hạ, gặp Tam tạng Phạ Nhựt Ra, liền đánh lễ thừa sự theo học giáo pháp Du Già.

Thời Văn Mục Vương, Chí Thông lại đông du sang miền Ngô Việt, vào núi Thiên Thai viếng đạo tràng của ngài Trí Giả. Xem truyện Tịnh Độ Linh Thoại, sư phát nguyện niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc. Từ đó lập hạnh

ngồi không xây lung về hướng Tây, không day về phương Tây khắc nhỏ. Một hôm Chí Thông lên gộp đá Chiêu Thủ Nham ở phía núi gần chùa, tụng 48 đại nguyện của Phật, nguyện mau sanh về Tịnh Độ, rồi gieo mình xuống. Nhưng thân hình lại rơi nhằm các cành cây có dây leo giăng quấn mềm mại, nên không bị tổn. Sư lại trèo lên chỗ cũ, thề rằng: "Nguyện rộng lớn đã phát, kiếp sống thừa đáng nhàm! Cúi mong Thánh chúng đồng đến tiếp dẫn!". Nói xong, lại gieo mình rơi xuống nhằm nơi cỏ dây rậm, thân hơi xây xát, bị bất tỉnh. Giây lâu hồi sinh, vừa lúc chúng tăng tìm đến, dìu đỡ về chùa.

Khi sức khỏe bình thường, Chí Thông nghĩ mình tịnh duyên chưa thành thực, nếu liêu thân e trái với lý nhân quả, nên sang Việt Châu, vào núi Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật. Về sau, lúc đang tịnh tu, sư thấy chim bạch hạc, khổng tước giăng thành hàng bay đến. Kế lại thấy hoa sen to đẹp sáng chói rực rỡ, khép nở trước mặt. Sư hạp chúng thuật lại điềm ấy và bảo: "Bạch hạc, khổng tước là cảnh Cực Lạc, hoa sen ánh sáng là duyên thọ sanh. Nay tịnh nghiệp của tôi đã thành, nên tướng Tịnh Độ ứng hiện. Xin già biệt đại chúng, nguyện đồng nên tinh tấn tu hành". Nói xong, lên đại điện hành lễ niệm Phật, ngồi chấp tay mà hóa.

Khi trà tỳ có mây lành năm sắc đoanh vây trên ngọn lửa. Thiêu hóa xong, chúng kiểm đếm thấy xá lợi rất nhiều.

NGỘ ÂN

Ngộ Ân pháp sư, tự Tu Kỳ, họ Lộ, quê ở Thường Thục. Năm lên 13 tuổi, ngài nghe tụng kinh A Di Đà, lòng bỗng cảm ngộ, liền vào chùa Hưng Phước cầu xin xuất gia.

Niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, pháp sư qua chùa Huệ Tụ ở Côn Sơn học Nam Sơn luật, và nghe giảng các kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Chỉ Quán. Do đó, huệ giải của ngài lần lần đến chỗ tinh vi. Pháp sư nghiêm trì giới luật, ngày chỉ dùng một bữa cơm, không lìa y bát, chẳng giữ hóa vật tiền tài. Khi nằm thì nghiêng về bên mặt, ngồi tất đoan chính kiết già. Mỗi kỳ Bồ tát, thường ngậm ngùi rơi lệ, khuyên dạy chúng pháp Viên đôn nhứt thừa và Tây Phương tịnh nghiệp. Ngài sở đắc về kinh Pháp Hoa, nên mở khóa giảng diễn bộ ấy hơn hai mươi lượt.

Niên hiệu Ung Hy thứ ba đời Tống, vào đêm rằm tháng tám, pháp sư thấy một đạo bạch quang từ dưới giếng bay lên cao. Ngài liền họp môn nhơn lại bảo: "Bạch quang bay lên hướng về Tây, là điềm báo thân ta sắp mãn!". Rồi tịnh khẩu tuyệt thực, một lòng niệm Phật. Mấy hôm sau, mộng thấy một vị sa môn bung kim lư hương thơm bay tỏa, đi nhiều quanh thất ba vòng và nói: "Ta là Quán Đảnh đã sanh về Tịnh Độ. Nay vì mến trọng hạnh tu của ông,

nên đến đây đón rước!". Tỉnh giấc, pháp sư gọi các đệ tử tới, chúng còn nghe mùi hương lạ bay thoảng. Đến ngày 25, pháp sư họp chúng giảng cặn kẽ về lý Nhứt tâm tam quán. Giảng xong, ngồi nghiêm chỉnh day mặt về Tây mà hóa. Thọ được 75 tuổi.

Lúc ấy đại chúng đồng nghe tiếng quản huyền thanh tao dìu dặt nổi lên giữa hư không. Giây lâu nhã nhạc mới lần lần ảm mất về phương Tây. Khi trà tỳ, được xá lợi vô số. Văn Bị pháp sư, đệ tử của ngài, lãnh hội hết huyền lý nơi thầy, tọa thất niệm Phật 30 năm. Niên hiệu Ung Hy thứ hai, trước khi thầy tịch một năm, sư cảm bệnh nhẹ tướng Tịnh Độ hiện ra trước mắt, ngồi nghiêm chỉnh mà vãng sanh.

TRI LỄ ĐẠI SƯ

Tri Lễ đại sư, tự Ước Ngôn, người đời Tống, con nhà họ Kim ở Minh Châu. Cha mẹ lễ Phật cầu tự, mộng thấy Thần tăng bồng một đứa bé trao cho và bảo: "Đây là Phật tử La Hâu La. Nên trân trọng!". Không bao lâu, đại sư được đản sanh.

Năm lên 7 tuổi, ngài mất mẹ, thương khóc mãi, rồi thưa với cha cầu xin xuất gia. Từ đó, ngài đắc độ với Hồng Tuyền thượng nhơn tại chùa Hưng Quốc ở Thái Bình. Được vài năm, đến chùa Bảo Vân nương theo ngài Thông pháp sư học về Thiên Thai giáo quán, một phen

nghe qua, tỏ suốt ý nghĩa viên đốn. Trong niên hiệu Thuận Hóa, Thông pháp sư quy tịch, ngài được thỉnh làm tọa chủ chùa Càn Phù. Kế đó, lại đến viện Bảo Ân hoàng dương về giáo quán, học chúng các nơi nghe danh hội về đông đảo.

Vùng Minh Châu bị hạn lâu, đại sư cùng ngài Từ Vân họp nhau tu Quang Minh sám pháp, hẹn nếu ba ngày không mưa, sẽ tự đốt một cánh tay. Đúng kỳ hạn, quả nhiên mưa to tiếp tục đổ xuống. Trong ba năm, từ niên hiệu Đại Trung đến Tường Phù, ngài trùng kiến viện Bảo Ân. Khi lạc thành, được vua ban cho hiệu Sắc Tứ Diên Khánh Tự. Năm Tường Phù thứ sáu, đại sư lập hội Niệm Phật Thí Giới, thân làm sơ văn để khuyên rằng:

"Vẫn nghe: Một niệm dung thông, muôn pháp không ngại, nhân gây có khác, quả cảm thành sai. Cho nên, thuận tánh tu hành, thì hiện mười phương Tịnh Độ. Theo tình tạo nghiệp, tất trôi sáu nẻo luân hồi! Xét nghĩ cảnh duyên ở Ta Bà, phần giải thoát rất kém ít khó khăn, số đọa lạc lại dễ dàng đông đảo. Nên kinh nói: "Được thân người như đất ở móng tay, đọa đường ác như đất miền đại địa!". Tu đến ba thừa hạnh đủ, mới lìa bốn loại thọ sanh. Bởi trần cảnh mạnh thô, não phiền lừng lẫy, tự lực giải thoát, phỏng được bao người? Nếu sanh về Cực Lạc, thì cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, thẳng đường thành Phật, chẳng đọa tam đồ. Kinh nói: "Danh từ ác đạo còn không, hưởng chi có thật!". Lại bảo: "Chúng hữu tình

sanh về nơi đây, đều là bậc A bệ bát trí". Cho nên, muốn về An Dưỡng, phải niệm Di Đà, tu hạnh tinh tấn từ bi, tất được Phật nguyện nhiếp thọ. Đến khi xả báo thân, quyết sanh về Cực Lạc, đúng như lời kinh dạy, chẳng dám tự đặt bày.

Nay kết muôn người, để làm một xã, lòng lòng khẩn niệm, buổi buổi hạn kỳ. Mỗi tiết trọng xuân, họp về một chỗ, đồng nghe Phật pháp, đồng tu cúng dường, hiệp muôn lòng làm một chí, thành tịnh nghiệp thế vãng sanh. Huống nữa mạng người trong kiếp trước, như ngọn đuốc giữa phong sương, một hơi thổi chẳng vào, ba nẻo đường hiện trước. Đâu nên tự buông lung, không nghĩ điều nghiệp báo. Phải gắng theo lời Phật, chớ thuận với tình đời. Duyên trần nguyện dứt kể từ nay, hiệu Phật chuyên trì đừng thôi chuyên".

Từ đó, mỗi năm vào ngày rằm tháng 2, chúng liên hữu đều câu hội lại chùa đồng tu tịnh nghiệp. Đại sư từng họp 10 vị tăng, cùng tu Pháp Hoa sám pháp 3 năm, hẹn ngày hoàn mãn, sẽ tự thiêu để cúng dường kinh và cầu sanh Tịnh Độ. Đến kỳ bị chúng cực lực ngăn trở, nên chí nguyện không thành. Sau ngài lại họp 10 vị tăng, đồng tu Đại Bi sám 3 năm, đốt 3 ngón tay cúng dường Phật. Niên hiệu Thiên Hy thứ tư, phò mã Lý Tuân Học dâng sớ tâu trình về cao hạnh của ngài, vua sắc phong cho hiệu là Pháp Trí đại sư, dạy nên trụ thế để hoằng dương chánh giác. Đại sư nghĩ chừ Tổ đời trước, khi xiển dương Tịnh

Độ, phần nhiều nói về sự tướng, ít chỉ dạy quán môn, nên duy tạm ứng thời cơ, chưa tỏ cùng tột lý viên đôn. Nhân đó, ngài soạn ra bộ Diệu Tông Sao gồm vài muôn lời, giải nói cùng cực lý uẩn nhiệm màu của Quán kinh, theo tông chỉ Thiên Thai giáo quán.

Đến năm Thiên Thánh, đại sư dựng ngôi Nhật Quán Âm, thường đến đó quán tưởng để cầu sanh Tây Phương. Về sau, khi khóa giảng kinh Duy Ma Cật hoàn mãn, ngài quyết biệt đại chúng, giao giảng tòa lại cho hàng cao đệ là Tổ Thiệu, làm thi tạ duyên, hẹn kỳ quy tịch. Năm sau, vào đầu niên hiệu Đạo Nguyên, ngày mùng 8 tháng 10, đại sư nhiễm bệnh, khước từ thuốc thang, họp chúng lại nói lược về pháp yếu. Kế đó ngài dạy thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh đến đánh lễ, rồi đốt hương quỳ chúc nguyện với đại Bồ Tát rằng: "Con xét thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, ngàn trước không từ đâu đến, muôn sau cũng chẳng về đâu, cùng mười phương chư Phật, đồng trụ nơi thật tế. Nguyện xin cùng Phật và Đại Thế Chí Bồ Tát, chứng minh một nén hương của con, trước khi con về Cực Lạc!". Đến chiều tối, đại sư sửa oai nghi ngồi nghiêm hướng về Tây. Chúng hỏi: "Tôn đức sẽ sanh về nơi nào?". Đáp: "Thường Tịch Quang Tịnh Độ!". Rồi im lặng thoát hóa, thọ 69 tuổi. Lúc ấy nhiều người thấy ngôi sao to rơi xuống đỉnh Linh Thứu Phong, ánh hồng quang rực rỡ.

HUỆ TÀI PHÁP SƯ

Đời Tống, Huệ Tài pháp sư, họ Vương, quê ở Lạc Thanh, huyện Vĩnh Gia. Ngài đắc độ vào đầu năm Tường Phù. Mới 13 tuổi, vì hạnh giải kiêm ưu, được chư tôn túc cho thọ đại giới. Xong, lại đến tham học với ngài Tứ Minh.

Tuy thông tuệ, nhưng pháp sư còn thẹn mình căn độn chưa đi đến chỗ triệt ngộ, nên thường trì chú Đại Bi. Một đêm, ngài mộng thấy vị Phạm tăng cao vài trượng, cởi áo ca sa đắp lên mình. Tỉnh dậy, bỗng khoát nhiên tỏ ngộ, những học vấn từ trước đều suốt thông đến chỗ diệu huyền. Sáng ra, ngài lên tòa diễn giảng, tùy hỏi tùy đáp, lời nói viên dung tuôn tràn như suối chảy. Về sau, pháp sư đến yết kiến Từ Vân sám chủ, được mong ấn khả, sớm hôm siêng cần phục dịch, hết mục chí thành. Đầu năm Trị Bình, ngài trụ trì ngôi Pháp Huệ Bảo Các, được vua tứ hiệu là Quảng Từ. Không bao lâu, lại lui về ẩn tu dưới tháp Lô Phong.

Để tỏ sức kiên thành, pháp sư thường đứng một chân tụng 108 biến chú Đại Bi, lấy đó làm nhật khóa. Ngài lại từng đứng co chân một ngày đêm niệm thánh hiệu A Di Đà. Đêm nọ, pháp sư nằm mơ thấy mình đến cảnh lầu các châu báu, nghe có tiếng bảo: "Ông sẽ được sanh về trung phẩm ở Tịnh Độ!".

Mùa xuân, niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, ngài truyền Bồ Tát giới cho hàng đạo tục gồm 1000 người tại cảnh tịnh viện tháp Lô Phong. Đang khi làm phép Yết ma

truyền giới, nơi đánh tượng đức Quán Thế Âm bỗng phóng quang minh rực rỡ, lấp áp lu mờ cả ánh sáng đèn nến và mặt trời. Thủ Nhất thiên sư ở chùa Tịnh Từ nghe chuyện ấy, có làm bài Giới Quang ký.

Niên hiệu Nguyên Phong thứ sáu, vào ngày 21 tháng 5, pháp sư đắp y lên tòa ngời, viết bài kệ khen Phật xong, gọi chúng bảo: "Tôi quyết định được sanh về Tịnh Độ!". Rồi ngời yên mà hóa, thọ 86 tuổi.

TÔNG TRÁCH THIÊN SƯ

Tông Trách thiên sư, người ở Tương Dương, mồ côi cha thuở còn bé. Mẹ là Trần thị, bỗng về nương ở nhà người cậu nuôi cho đến khôn lớn. Lúc thiếu thời, ngài học Nho, rộng thông các sách thế tục. Khi đến hai mươi chín tuổi, lễ Trường Lô Tú thiên sư cầu xin xuất gia. Sau thời gian học tập kinh luật, ngài tham thiền chưa bao lâu đã đến cảnh giới đại triệt đại ngộ.

Trong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, thiên sư được thầy truyền y bát, giao cho trụ trì chùa Trường Lô. Nghĩ đến công sanh dưỡng, ngài lập ngôi tịnh thất ở phía Đông phương trượng, rước mẹ về phụng dưỡng. Kế đó, thiên sư họp chúng làm lễ xuống tóc xuất gia cho thân mẫu, khuyên bà chuyên tâm niệm Phật. Bảy năm sau, một đêm ngài nằm mơ thấy thân mẫu sắc tướng tươi đẹp trong sáng

như ngọc. Sáng ra, khi thiên sư sang thăm viếng, bà mẹ bảo: "Hôm nay, tôi được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc!". Rồi trong trạng thái không bệnh, bà ngồi niệm Phật mà vắng sanh.

Từ đó, bước đạo đã vững, ân sâu đã đền, nghĩ đến sự độ sanh, thiên sư tuân theo quy củ ở Lô Sơn, chiêu tập số đông tăng tục, lập ra Liên Hoa Thắng Hội. Theo pháp nghi tu hành, các liên hữu trước tiên quán tưởng, kể đó trì danh, và sau hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Ngài có làm bài văn khuyến đạo như sau:

"Mảng nghe: Lấy tâm có niệm mà niệm Phật, lấy sự có sanh để cầu sanh, là chỗ sơ thất của người chấp Thường. Cho không niệm Phật là vô niệm, cho không cầu sanh là vô sanh, là điều lầm lạc của hàng tà kiến. Niệm Di Đà mà không niệm, sanh Cực Lạc mà không sanh, đó mới là Đệ nhất nghĩa môn.

Thế nên, chỗ lý thật tế, tất không vương nhiễm một mảy trần. Dù niệm Phật cầu sanh, trên không thấy thật có Phật Di Đà để niệm, dưới không chấp thật có cảnh Tịnh Độ để sanh. Bởi Phật tướng và tịnh cảnh đều là chân không như huyễn. Nhưng trong hành môn Phật sự, quyết chẳng thể bỏ một pháp. Cho nên nhiếp các căn để trì danh, chính là yếu thuật về nguồn, là Niệm Phật tam muội, là mở đường vắng sanh lên ngôi Bất thối vậy. Biết được lý này, tuy trọn ngày niệm Phật, vẫn không trái với ý nghĩa vô niệm. Tuy hờn hờ cầu sanh, mà thích hợp với tông chỉ

vô sanh. Rõ được nghĩa đây, thì phàm cùng thánh đều ở ngôi vị của mình, mà đạo cảm ứng giao thông. Đông và Tây chẳng qua lại nhau, mà thức thần về định cảnh.

Kinh dạy: "Nếu kẻ nào nghe nói A Di Đà Phật, niệm giữ danh hiệu, cho đến... người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo, liền được sanh về quốc độ Cực Lạc của Phật A Di Đà". Xét nghĩ: Đức Thích Ca với Di Đà, tuy chia ra hai môn Chiết phục và Nhiếp thọ hiện ở hai cảnh Uế Độ cùng Tịnh Bang, đâu phải bản ý hai ngài cho cảnh Cực Lạc báu màu là đáng ưa, cảnh Ta Bà như ác là đáng chán! Ấy cũng bởi, kẻ mới phát tâm vào đạo, sức an nhẫn chưa thuần, nên phải quyền mở cảnh đẹp vui, để làm duyên tăng tiến đó thôi!

Tại sao thế? Ở Ta Bà quốc độ, đức Thích Ca đã nhập diệt, Phật Di Lạc chưa giáng sanh. Miền Cực Lạc liên bang, đáng A Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở Ta Bà quốc độ, đức Quán Âm, Thế Chí, luống khát ngưỡng danh lành. Miền Cực Lạc liên bang, hai vị Bồ Tát trên, đều là bạn tốt. Ở Ta Bà quốc độ, các ma khuấy động, làm não loạn người tu. Miền Cực Lạc liên bang, trong ánh đại quang minh, quyết không ma sự. Ở Ta Bà quốc độ, tiếng tà khiến loạn, sắc đẹp mê tâm. Miền Cực Lạc liên bang, chim nước rừng cây đều tuyên pháp diệu. Chánh báo và Y báo nơi ấy đều đẹp màu thanh tịnh, không có người nữ, toàn chất kỳ trân. Thế thì duyên tu hành dễ thuận, không chi hơn cõi Tây Phương! Tiếc cho những kẻ cạn hẹp đức

tin, làm lạc sanh tâm nghi báng! Xin lấy theo thường tình sau đây để nghị luận:

Người mộ đạo ở phương này, ai chẳng thích cảnh chùa am yên tĩnh, chán nơi nhà tục rộn phiền? Cho nên khi thấy có kẻ nào bỏ tục xuất gia, thì ân cần khen ngợi! Nhưng nỗi khổ ở Ta Bà, đâu chỉ những sự rộn phiền của nhà tục; niềm vui miền Cực Lạc, há duy riêng cảnh thanh tịnh ở chùa am? Biết xuất gia là tốt, mà không nguyện vãng sanh, đó là điều làm thứ nhất. Ở cõi này, người học đạo muôn dậm nhọc siêng, đi xa tìm bậc tri thức, để cầu tỏ ngộ huyền tâm, giải quyết sự sống chết. Nơi miền kia, đức A Di Đà Thế Tôn nghiệp sắc tâm thù thắng, sức bi nguyện rộng sâu, một phen diễn nói viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Chẳng nài xa nhọc tham phỏng bậc tri thức, mà không muốn cầu vãng sanh để thấy Phật, đó là điều làm thứ hai. Ở cõi này, người học đạo đều ưa chung ở cảnh tòng lâm pháp quyến đông nhiều, những chùa chiền ít chúng thì không muốn nương tựa. Nơi miền kia bậc Nhất sanh bổ xứ rất đông đảo, các hàng Thượng thiện nhưn đều hội về một nơi. Muốn gần gũi tòng lâm, mà không mên hải chúng thanh tịnh, đó là điều làm thứ ba. Ở cõi này, tuổi thượng thọ không quá một trăm, xét lại khi thơ ấu đại khờ, lúc suy già yếu, sự hôn mê ngủ nghỉ, đã chiếm hơn phân nửa. Và lại, bậc Bồ Tát còn mê khi cách âm, hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, tác bóng nghìn vàng mười phần mất chín, mà chưa lên ngôi Bất thối, thật đáng

kinh lòng! Nơi miền kia, chúng sanh tuổi thọ vô biên, một phen gởi chất thai sen, đã thoát ly sự khổ sanh già, bệnh chết, thẳng lên ngôi Bất thối, liên tục tu hành cho đến khi chúng quả đại Bồ Đề. Cam nổi chìm giữa Ta Bà mạng sống ngắn ngủi, mê mờ không cầu miền Cực Lạc vui đẹp trường xuân, đó là điều làm thứ tư. Nơi cõi này, hành giả nếu là bậc Bồ Tát đã lên ngôi Bất thối, chúng quả Vô sanh, không động dục trong cảnh dục, chẳng nhiễm trần giữa mùi trần, mới có thể khởi lòng từ vô duyên, vận đức bi đồng thể, qua lại chôn trần lao, hòa lẫn cùng ngũ trược. Nếu như với sức hiểu nông huệ cạn, hoặc tu hành có đôi chút tương ưng, đã cho mình thoát khỏi lầm mê, không còn thối chuyển, vội chê bai Tịnh Độ, đấm luyên Ta Bà. Những kẻ ấy, đến khi nhắm mắt, lại trở về không, y cũ luân hồi, ngang vai hàng súc thú, gần gũi chôn tam đồ. Không biết tự lượng mình, dám sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, đó là điều làm thứ năm.

Cho nên kinh nói: "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia!". Những kẻ không tin lời thành thật của sáu phương chư Phật, chẳng nguyện cầu sanh về Liên Bang, há chẳng mê lầm ư? Nếu như tin lời Phật mà cầu về Tịnh Độ, thì sóng kiếp trược không còn nhận đấm, dây trần giới chẳng thể buộc ràng, từ bỏ tám khổ ở nhơn gian, dứt hẳn năm suy nơi thiên thượng, danh từ ác đạo hãy không nghe, cảnh đọa tam đồ đâu có vướng! Khi về cõi ấy, quy y một thể Tam Bảo, phụng sự mười phương Như Lai, Phật

quang chiếu thân, tiêu trừ muôn hoặc. Chùng đó, nếm mùi vui pháp vị, chúng trọn đủ lục thông, hiện ba mươi hai ứng thân đi vào lục đạo, nhập Hằng hà sa tam muội độ khắp mê căn. Rồi tự tại rưới nước định cõi tam thiên, dẫn chúng sanh nơi hỏa trạch, sự lợi mình lợi người thấy đều viên mãn. Thế thì cầu Tịnh Độ là yếu môn giải thoát, niệm Di Đà là đường tắt tu hành. Cho nên kinh giáo liễu nghĩa thượng thừa, thấy đều chỉ quy về Tịnh Độ. Các bậc Hiền sau Thánh trước, mình người đồng nguyện vãng sanh. Phàm muốn độ người, phải chăng trước nên tự độ đó ư?

Than ôi! Người không lo xa, tất có buồn gần! Một khi mất thân người, muôn kiếp sâu hồi hận! Tha thiết mong đại chúng đều phát tâm niệm Phật từ ngàn cho đến muôn câu, rồi hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc. Xin đồng kết bạn pháp minh nơi kim địa, về thắng hội chôn Liên Trì, nương tựa cùng tu, mãi Bồ Đề nguyện. Từ đây, dong thuyền theo nước thuận, lại thêm sức chèo buồm. Thế là mười vạn ức đường xa, tất đến nơi chẳng nhọc vậy!".

Một đêm, Tông Trách nằm mơ thấy có vị khăn đen áo trắng, phong mạo thanh đẹp, tuổi độ ba mươi, đến vòng tay thưa rằng: "Tôi muốn vào Liên Hoa Thắng Hội, xin ngài ghi tên cho!". Thiên sư liền lấy sổ bộ ra, rồi hỏi: "Hiền giả tên họ chi?" Đáp: "Tôi là Phổ Huệ". Khi thấy ghi xong lại nói: "Gia huynh cũng cầu xin thụ danh". Hỏi: "Xin cho biết tên họ của lệnh huynh?" Đáp: "Anh tôi là Phổ Hiền". Nói đoạn liền ẩn. Sau thiên sư đem điềm mộng

ấy thuật lại, các bậc tôn túc bảo: "Trong phẩm Ly Thế Gian kinh Hoa Nghiêm có hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ, giúp Phật tuyên dương chánh pháp. Nay ông lập Liên Hoa Thắng Hội để lợi lạc quần sanh, nên thăm cảm hai vị đại sĩ đến xin ghi tên, để tỏ lòng tán trợ đó!". Nghe nói, ngài để tên hai vị Bồ Tát vào hàng hội thủ. Từ đó xa gần đều cảm hóa hưởng ứng. Về sau, khi lâm chung, thiên sư đã niệm Phật vãng sanh với nhiều điềm lành.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sức người tu nguyện đủ công năng,
Ngồi được đài sen phẩm thượng tầng.
Một niệm phàm tâm sanh tánh Phật,
Sát ba thủy quán hóa thành băng.
Cây châu ngay lối đường vàng thẳng,
Dây báu làm ranh đất ngọc giăng.
Mấy thiên hoa đầy giỏ quý,
Mười phương cảnh Phật mặc phi đăng!



Thương chúng Ta Bà dạ héo hon,
Bồ Đề nguyện lớn thưở nao tròn?
Khéo lời cõi tịnh tùy tâm tịnh,
Khôn dứt tình con chút nghiệp con!
Câu Phật niệm thường lòng vắng lặng,
Tràng châu lần mãi chường tiêu mòn.

Mây mù tan sạch trời trong sáng,
Trước mắt chân thường lộ nước non.



Một cỡi trang nghiêm, một Bảo vương,
Không chiều không sớm, nổi tường quang.
Ni câu cây bích, cảnh say quả,
Ưu bát hoa quỳnh, nhụy tỏa hương,
Thê chói ánh ngời phi nhật nguyệt,
Chất tươi xuân đẹp tuyệt băng sương.
Dạo chơi cỡi Phật khi về đến,
Tay áo hơi thơm hãy vấn vương.



Tây trì hội pháp lễ kim tiên,
Theo gió hương đưa nọ bảo liên.
Mái tóc biếc xanh, người tự tại,
Vóc thân vàng ánh, tướng phiêu nhiên.
Lưới châu lớp lớp che lầu ngọc,
Phan báu từng từng tiếp cỡi Thiên.
Cây nước lâu đài đều hiện bóng,
Cảnh tươi kỳ diệu khắp muôn miền.



KHẢ CỬU

Đời Tống, Thích Khả Cửu, bình thời thường ở Minh Châu, chưa được rõ quê quán. Sư hằng tụng kinh Pháp

Hoa nguyện sanh Tịnh Độ, nên được người đương thời gọi là Cửu Pháp Hoa.

Năm Nguyên Hựu thứ tám, sư 81 tuổi, một hôm ngồi thoát hóa. Ba ngày sau, bỗng mở mắt ra bảo người xung quanh rằng: "Tôi dạo chơi Tịnh Độ, thấy các thắng cảnh đúng y như lời kinh nói. Người ở phương này tu tịnh nghiệp, nơi đài sen tại bảo trì cõi Cực Lạc đều có nêu tên. Tôi thấy ba hành giả có tên ghi nơi kim đài. Một vị là Huân Công ở Quảng Giáo Viện tại Thành Đô. Một vị là Tôn Thập nhị lang ở Minh Châu. Và kế đó là Khả Cửu. Có một vị ở Minh Châu là Từ đạo cô được ghi tên nơi ngân đài". Nói xong, liền nhắm mắt vắng sanh.

Năm năm sau Từ đạo cô mãn phần, ngày lâm chung hương lạ đầy nhà. Mười hai năm sau Tôn Thập nhị lang vắng sanh, nhạc trời trôi giữa hư không. Lời Khả Cửu nói đều ứng nghiệm.

TÔNG BẢN ĐẠI SƯ

Tông Bản đại sư, tự Vô Triết, họ Quán, người ở Thường Châu, huyện Vô Tích. Sau khi xuất gia, ngài tham phỏng Thiên Y Hoài thiên sư, môn Niệm Phật tam muội được đại ngộ. Kế đó, lại về làm tọa chủ chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu.

Một năm, trời đại hạn, đến cuối thu nước hồ và giếng trong vùng đều khô cạn. Chư tăng trú tại chùa có hơn ngàn

vị, sắp lâm cảnh khốn đốn. Đại sư lên chánh điện chí thành tụng niệm, cầu đảo với chư vị long thần. Hôm sau nơi mé Tây chùa, một vòi nước ngọt phun lên. Theo dòng suối tràn, có con lươn vảy vàng lội quanh, khiến nước xoáy đất nơi đó sụp thành một cái giếng sâu. Chúng tăng trong chùa và người phụ cận nhờ đó mới có đủ nước dùng.

Họ Trương ở gần chùa có cô con gái mới chết, linh cữu còn quàn bên chái nhà. Bà mẹ nằm mộng thấy con gái mình hóa thành rắn. Thức giấc bà thấy dưới quan tài có con rắn đang nằm, liền cầm giỏ đến giỏ nắp ra và vái rằng: "Nếu mi quả thật là con gái ta, hãy chun vào giỏ này". Dứt lời, rắn chậm chậm bò vào giỏ. Bà đem nó lại chùa thuật duyên có, xin đại sư cứu độ. Tông Bản liền đến thuyết pháp và niệm Phật chú nguyện. Con rắn bỗng biến mất. Bà về đến nhà thấy trên linh cữu cô gái có con ve đèn bay quanh liền khẩn: "Nếu mi là con ta đã chuyển kiếp, hãy bay vào giỏ". Nói xong, con ve liền y như lời. Bà xách giỏ đem đến chùa Tịnh Từ lần nữa. Đại sư cũng thuyết pháp và chú nguyện cho. Xong, con ve lại ẩn mất. Đêm ấy bà nằm mơ thấy con gái đến tạ ân và khóc nói: "Con đã thoát hai kiếp làm bàng sanh!". Bà mẹ nhân đó hỏi: "Việc quả báo luân hồi có thật chẳng, và làm thế nào mới được khỏi?". Cô gái thưa: "Sự chuyển sanh trong bốn loài sáu nẻo, cứ mãi xoay vần như cái trục quay trên giếng nước, không một ai thoát ly. Chỉ có tu pháp xuất thế của Như Lai, là tham thiền hoặc niệm Phật, mới được giải thoát.

Muốn biết rõ việc ấy, xin mẹ hãy đến hỏi vị pháp chủ chùa Tịnh Từ!". Sự hiển hóa của ngài đại khái có nhiều việc ứng nghiệm như thế.

Về sau, danh đức đồn xa, đại sư được vua triệu tới Đông Kinh, cho trụ trì chùa Huệ Lâm. Nhiều phen ứng đối hợp với thánh tâm, ngài được vua phong thưởng ca sa, pháp khí, và ban cho hiệu là Viên Chiếu thiên sư. Bình thời, bên ngoài đại sư nổi truyền tông phong, bên trong lại mật tu Tịnh Độ. Bấy giờ có Lô Phong Tài pháp sư nhập định, thần thức dạo chơi ở Cực Lạc, thấy một cung điện rất đẹp, nghe có tiếng nói: "Đây là ngôi bảo điện của Viên Chiếu Bản thiên sư". Lại một hôm, ngài Hy Công trụ trì ngôi Tư Phước Lan Nhã đến chùa Huệ Lâm chơi, xin yết kiến đánh lễ nơi chân Viên Chiếu Bản thiên sư, dâng cúng vàng rồi ra về. Có người hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi nhập định đến cảnh giới Tây Phương, thấy có đóa kim liên to đẹp ánh sáng rực rỡ. Một vị Bồ Tát bảo đó là đài của Viên Chiếu Bản thiên sư ở chùa Huệ Lâm. Xung quanh hoa đài ấy, có rất nhiều hoa sen khác nhỏ hơn doanh vây. Bồ Tát bảo đó là hoa đài của những người được thiên sư hóa độ khuyến niệm Phật, cũng sẽ vãng sanh về đây. Trong các hoa sen ấy có mấy đóa hoa rũ héo, tôi lại hỏi, được cho biết đó là những người niệm Phật nửa chừng thôi lui biếng trễ".

Lúc lớn tuổi, đại sư về ẩn chùa Linh Nham tại Tô Châu. Trong niên hiệu Nguyên Phù, trước khi sắp tịch, đại

sư tắm gội thay y phục sạch, rồi nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây. Hàng đệ tử vây quanh, xin viết kệ lưu niệm. Đại sư chăm chú nhìn rồi bảo: "Các si tử! Bình thường ta còn lười viết kệ, nay lại làm kệ gì? Bình thường ta tự tại muốn nằm thì nằm, nay cần chi phải ngồi kiết già trước khi thị tịch?". Nói đoạn, bảo đem giấy bút ghi phú chúc việc mai sau, giao cho môn đồ là Thủ Vinh. Xong, buông bút nhắm mắt mà vắng sanh, trạng như người nằm yên say ngủ.

HỮU NGHIÊM PHÁP SƯ

Đời Tống, Hữu Nghiêm pháp sư họ Hồ, người ở Thái Châu, huyện Lâm Hải. Năm lên sáu, ngài theo đại sư Linh Thứu Tùng xuất gia. Mười bốn tuổi, thọ giới cụ túc, rồi sang Đông Sơn học với Thần Chiêu đại sư, khế ngộ ý chỉ Nhứt tâm tam quán, tu môn Pháp Hoa tam muội. Không bao lâu, lại được thỉnh làm tòa chủ chùa Xích Thành.

Trong niên hiệu Thiệu Thánh, pháp sư về ẩn nơi ngọn Đông Phong, chỗ ngụ kê bên gốc cây tra to lớn, nhân tự hiệu là Tra Am. Ngài giữ giới luật rất kỹ, bên mình chỉ ba y một bát, không cất chứa món chi. Ngoài thời tu Pháp Hoa tam muội, ngài lại chuyên niệm Phật, thường cảm được nhiều điềm lành. Những sách soạn thuật của pháp sư, phần nhiều đều khuyến dụ về sự vắng sanh.

Có kẻ nói: "Muốn sanh cõi trời Dục giới, phải tu nhân Thập thiện. Muốn sanh lên Sắc giới, phải tu nhân Thiên định. Muốn sanh về Tịnh Độ, tất phải tu môn Vô sanh diệu quán mới có thể thành công. Hàng học Phật thời nay đều mê ý kinh, bảo sanh lên cõi trời khó, sanh về Tịnh Độ dễ, thì làm sao tin được?".

Ngài đáp: - "Pháp không khó dễ, khó dễ bởi người. Khó là do có lòng nghi, thì dù trong gang tấc cũng cách xa muôn dặm. Dễ bởi nhờ tín niệm, tuy muôn dặm chỉ trong khoảng tấc gang. Nói tu Vô sanh diệu quán được vãng sanh, đó chỉ là một môn thuộc Thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Nhưng không thể mở một môn mà ngăn đóng nhiều môn. Trong An Lạc Tập có nói: "Được sanh về Tịnh Độ có hai tâm: Một là tâm Hữu tướng, nghĩa là mền trước cảnh tướng trang nghiêm ở Cực Lạc, mà niệm Phật cầu sanh. Hai là tâm Vô tướng, nghĩa là tu định huệ khế hợp với lý quán".

Xét kỹ người đời nay, phần nhiều thuộc về hạng trung, hạ căn, mê sâu chướng nặng. Nếu đòi hỏi phải tương ưng với lý quán, chắc ít kẻ được vãng sanh. Đức Thế Tôn tâm đại từ bi viên mãn tiếp độ loài hữu tình, nên mở nhiều môn phương tiện. Trong ấy có: Định thiện - Tán thiện - Phật lực - Pháp lực - Tu phước hồi hướng - Cầu cứu khi lâm chung. Những loại như thế nhiều đến muôn ngàn, chỉ nương một duyên, quyết được vãng sanh Cực Lạc.

* Định thiện là thế nào? Như người dùng định tâm tu mười sáu phép quán. Hoặc tu môn Nhứt tâm tam quán, Thủ Lăng Nghiêm định, rồi cầu vãng sanh.

* Tán thiện là thế nào? Như trong kinh Vô Lượng Thọ nói dùng mười niệm Phật, cũng được về Cực Lạc.

* Phật lực là thế nào? Đức A Di Đà có nguyện lực đại bi, nhiếp thủ những chúng sanh niệm Phật. Chúng sanh y theo lời kinh dạy tu hành, nương nơi sức nguyện của Phật liền được vãng sanh. Ví như kẻ yếu kém nương theo Kim Luân Vương, trong một ngày đêm có thể đi khắp bốn châu thiên hạ. Đó không phải là sức mình, mà chính nhờ thế lực của Chuyển Luân Vương.

* Pháp lực là thế nào? Như Phật Bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát niệm Tỳ Lô Quán Đảnh Quang Minh chân ngôn, gia trì trong đất vàng hoặc cát, rồi đem rải trên mộ hoặc trên thân người chết. Vong giả dù có đọa vào nẻo Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, cũng được nương nhờ chú lực vãng sanh Cực Lạc.

* Tu phước hồi hướng là thế nào? Như các hành giả thọ trì trai giới, từ bi hiếu thuận, bố thí làm lành, niệm chú hoặc tụng kinh đại thừa, rồi đem các phước lành để hồi hướng, cũng được sanh về Tịnh Độ.

* Cầu cứu khi lâm chung là thế nào? Người tạo tội nặng, lúc sắp chết tướng hỏa xa của địa ngục hiện. Kẻ ấy quá sợ hãi, đem hết lòng chí thành niệm Phật cầu cứu. Do công năng phước trí nguyện lực của Phật, lửa dữ hóa

thành gió mát, đương như được đức A Di Đà hiện thân tiếp dẫn về Cực Lạc.

Như Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quý, một phen xưng hiệu Phật, đều được sanh Tịnh Độ đó vậy.

Cho nên kinh nói: "Những bậc tiêu hạnh Bồ Tát và người tu công đức nhỏ, nhiều không thể tính kể, đều được vãng sanh". Phật bảo về Cực Lạc dễ, trái lại ông nói sanh Tây Phương khó. Trong hai phương diện ấy, lấy chánh lý mà luận, cần thuận theo kinh giáo nói dễ vãng sanh, để mở cửa giải thoát cho mọi người. Chớ nên chấp mê nói khó sanh về, mà lấp đường Bồ Đề của nhân loại!".

Vào tháng tư niên hiệu Kiến Trung, một hôm ngài thấy Thiên thần hạ giáng nơi không trung gọi bảo: "Tịnh nghiệp của pháp sư đã thành tựu!". Kế tiếp, ngài lại mộng thấy hoa sen to đẹp nơi bảo trì, nhạc trời vi nhiễu. Sáng ra, pháp sư làm thi "Tự tiến hành", hội đại chúng lại khai thị về pháp yếu. Bảy hôm sau, ngài ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

TÔNG ĐẢN PHÁP SƯ

Đời Tống, Tông Đản pháp sư, họ Thân, người ở Lộ Châu, huyện Lê Thành, xuất gia năm 16 tuổi. Sau khi thọ giới cụ túc, ngài đi tham học các bậc danh sư, rộng thông về tam tạng giáo nghĩa.

Từ đó về sau, trong 50 năm, pháp sư đi giảng kinh khắp nơi, tiếng tăm lừng lẫy. Lúc tuổi già, lại chuyên giảng các kinh Tịnh Độ khuyên người niệm Phật cầu sanh An Dưỡng. Thính chúng hội về đông như mây, tất cả đều tu tịnh nghiệp. Sau ngài về Trấn Thanh Đài ở Đường Châu, sớm hôm tinh tấn quán tưởng trì danh, cầu sanh Cực Lạc.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ tư, vào tiết Mạnh hạ, ngày 27, pháp sư nằm mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Người thuyết pháp thêm sáu ngày nữa, sẽ được sanh về Tịnh Độ!". Thức giấc pháp sư đem điềm ấy thuật lại cho chúng biết. Hôm sau, ngài thăng tòa giảng diễn liên tiếp. Tới cuối đêm mùng 4 tháng 5, pháp sư biết thời khắc đã đến, đánh chuông nhóm chúng dạy rằng: "Nhân duyên tan họp, vẫn tự có thời. Tịnh Độ duyên mau, chẳng nên luống uổng! Xin đại chúng đồng chấp tay niệm Phật, đưa tôi về Tây Phương". Liên nói kệ rằng:

Bảy mươi sáu tuổi hưởng duyên lành,

Tứ đại phân ly một niệm thanh.

Tịnh Độ cõi mau về lễ Phật,

Thoát tam giới khổ, chúng Vô sanh!

Thuyết xong, an nhiên ngồi thoát hóa giữa tiếng niệm Phật. Lúc ấy mây trắng hiện ra che khắp mặt đất, tiếng sấm liên tiếp nổ vang cả trong ngoài. Mây lành từ phương Tây kéo đến bao phủ tịnh thất, ba ngày sau mới tan.

Lời bình:

- Phật pháp ý nghĩa bao la rộng rãi như mây. Lời pháp có công năng thức tỉnh mê tình, như tiếng sấm to làm cho mọi người cảnh giác. Cho nên tiếng pháp cũng gọi là Vân lôi âm. Người trước có câu: "Vang chuông dạ nguyệt nơi thiền viện. Dậy tiếng vân lôi chốn mộng thành!". Ngài Tông Đản nhiều năm thuyết pháp với tâm nguyện giác ngộ quần sanh. Do nhân lành ấy nên khi lâm chung cảm quả mây hiện sấm nổ, được sanh về Tây Phương. Điềm này chứng tỏ thuyết: "Các pháp do tâm tạo" trong đạo Phật.

NGUYÊN CHIẾU LUẬT SƯ

Nguyên Chiếu luật sư, tự Trạm Nhiên, họ Đường, quê ở Dư Hàng. Ban sơ, ngài nương theo Huệ Giám luật sư chuyên học về tạng Tỳ Ni. Kế đó lại y chỉ với Thần Ngộ Khiêm pháp sư học về Thiên Thai giáo quán, nghiên cứu kinh Pháp Hoa. Trong khi thọ giới Bồ Tát với Quảng Từ Tài pháp sư, giới quang chiếu phát rục rỡ. Do đó, ngài mới nghiên cứu về Nam Sơn luật tông, thường mang bát cầm tích trượng đi khất thực nơi chợ.

Về sau, luật sư chủ trì chùa Linh Chi 30 năm, truyền giới độ tăng đến 60 hội. Ngài hằng chuyên cần tu tịnh

nghiệp, thường nói: "Khi sống hoằng hóa Luật tông, lúc chết sanh về Cực Lạc!".

Bình sanh sở đắc của ngài chỉ có hai pháp môn: Luật và Tịnh. Luật sư có soạn ra quyển Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi, tự làm lời tựa rằng:

"Nguyên Chiếu tôi từ khi xuất gia, đã mến ưa Luật học. Nhưng vì bản tánh thấp kém, nên hạnh kiểm hãy còn sơ. Sau gặp Thần Ngộ pháp sư ở Thiên Thai dạy dỗ dặt dìu, mới lần trừ tánh cũ. Từ đó sâu tìm Tổ giáo, rộng xét Phật thừa. Rồi phát thệ lớn, nguyện thường sanh giữa đời ác năm trước ở Ta Bà, làm bậc Đại Đạo Sư, dẫn độ chúng hữu tình, khiến đều vào Phật đạo. Lại xem Cao Tăng truyện, thấy ngài Huệ Bồ pháp sư nói: "Cõi Tây Phương tuy nghiêm tịnh, nhưng không phải là sở nguyện của tôi. Giả sử hưởng vui trong hoa sen mười hai kiếp, đâu bằng cứu chúng sanh tội khổ ở tam đồ!". Do đó lại càng giữ chặt kiến chấp mê lầm của mình. Trải qua nhiều năm, đối với pháp môn Niệm Phật không sanh lòng quy hướng. Khi thấy những người tu Tịnh Độ, lại sanh tâm khinh rẻ chê bai. (Ghi chú: Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Bồ pháp sư là bậc Bồ Tát thị hiện chứng đệ tam quả A na hàm. Vì thế ngài có lời nói ấy).

Sau Nguyên Chiếu tôi đau nặng, sắc lực kém gầy, thức thần mê muội, vận dụng hết công năng tu hành lúc bình thời, vẫn không thể tự chủ được. Nghĩ lại nếu lúc ấy yếu mạng, chắc không biết sẽ lạc về đâu? Đến khi bình lành, tỉnh ngộ lỗi trước, cảm buồn hối hận, thương khóc trách

mình. Tự nghĩ chí nguyện tuy rộng lớn, nhưng đạo lực hãy chưa kham! Tìm xem quyển Thập Nghi Luận của Tổ Thiên Thai, thấy nói: "Bậc Bồ Tát mới phát tâm chưa chứng Vô sanh nhẫn, phải thường không xa rời Phật". Tổ lại dẫn Trí Độ Luận nói: "Hạng phàm phu còn đủ nghiệp ràng buộc, mà muốn phát tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác đê cứu khổ cho chúng sanh, là chuyện xa vời vô lý! Ví như trẻ thơ không được vội lìa cha mẹ, lại như chim non yếu chỉ có thể chuyền cành!". Từ đó, tôi bỏ hết sở kiến thuở bình thời, nghiên cứu giáo môn Tịnh Độ. Hơn 20 năm, duyệt xem sách cổ kim, xét tỏ tường giáo lý, các mối nghi tiêu tán, lòng tin hiểu tăng sâu. Lại thấy Tổ Thiện Đạo dẫn giải hai môn tu Chuyên và Tạp như sau: "Nếu chuyên tu thì trăm người vãng sanh đủ trăm. Còn tạp tu trong trăm người chỉ vãng sanh được ba bốn! Tại sao thế? Vì tâm hạnh bị chia chẻ rối loạn, nên niệm lực khó thành!". Bởi thế nên tôi quyết ý chuyên trì bốn chữ hồng danh, giữ không thay đổi. Cảm thương mình kiếp trần mãi luân lạc, nay mới biết nẻo về! Lại đem sở tu khuyên hàng đồng đạo, nguyện tán dương Tịnh Độ cùng kiếp vị lai! Đường về đại Bồ Đề tuy nhiều môn phương tiện, nhưng phải có đức tin mới được vào. Như Đại Thế Chí Bồ Tát dùng tâm niệm Phật vào Tam ma địa, chứng ngộ viên thông. Xét kỹ lại mình, về trước đã tạo vô lượng tội, nay lại không tin Tịnh Độ, hủy báng người, nhân nghiệp đã gây, quả khổ khó tránh! Nên đem lòng thẹn sợ, đối trước

đài sen, năm vóc đầu thành, một lòng sám hối. Lại phát bi thệ, sưu tập cổ văn, lập ra nghi quỹ. Xin nguyện: "Khấp nhiếp chúng sanh tu Tịnh Độ, đồng sanh An Dưỡng chúng Bồ Đề!"...

Mùa thu năm Chánh Hòa thứ sáu, một hôm luật sư bảo đệ tử cao tiếng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ngài ngồi ngay thẳng nghiêm cẩn lắng nghe. Sau thời tụng niệm, chúng xem lại thì luật sư đã nhắm mắt viên tịch. Lúc ấy, chư tăng và ngư dân ở Tây Hồ đều nghe hương lành thanh thoảng, nhạc trời diu dặt giữa hư không.

NHUỘC NGU PHÁP SƯ

Nhược Ngu pháp sư họ Mã, quê ở Hải Diêm. Ngài học kinh giáo với Biện Tài Tịnh pháp sư, rồi về tu tại vùng Long Tỉnh.

Sau pháp sư đến Tiên Đàm, một giải hồ rộng lớn cảnh trí tươi đẹp, cất tịnh viện để tiếp đãi tăng chúng. Nơi viện có lập tòa lầu to rộng gọi là Vô Lượng Thọ Phật Các, cho hàng tăng tục hội về niệm Phật. Chúng thường trú ở đó được vài trăm vị. Trong vòng 30 năm, các liên hữu dự hội niệm Phật, khi lâm chung phần nhiều đều cảm điềm lành.

Có kẻ đem đạo hạnh của pháp sư tấu trình, ngài được vua tứ cho hiệu là Pháp Giám đại sư.

Đương thời có Tác Chương thiền sư, kết bạn với ngài đồng tu tịnh hạnh. Sau khi thiền sư quy tịch, ngài mộng thấy thần như bảo: "Bạn đồng học với pháp sư là Thích Tác Chương, chúng được Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tam muội, đã về Tịnh Độ, đang mong chờ ngài vãng sanh!". Tỉnh giấc, pháp sư tắm gội thay y phục, dạy chúng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tự ngồi kiết già đoan chính lắng nghe. Chúng tụng xong, ngài bảo: "Cảnh Tịnh Độ hiện rõ trước mặt, ta sắp vãng sanh". Rồi cầm bút viết kệ lưu lại mà hóa. Kệ rằng:

Vân tự không nhà để trở về,
Bên trời mây tỏ lối hương quê!
Hồ Tây ánh lạng vàng ngân xé,
Này lúc Tiên Đàm tỉnh giấc mê!

Hoa màu lưới báu dệt hư không,
Thất bảo ao sen sáng đẹp hồng!
Đạp được Tây quy đường lối ổn,
Niềm nghi tiêu tán sạch nơi lòng!

Bây giờ nhằm tháng 9 niên hiệu Tĩnh Khang năm đầu đời Tống, pháp sư thọ 72 tuổi. Lúc làm lễ trà tỳ, được xá lợi vài trăm hạt.

TỀ NGỌC PHÁP SƯ

Đời Tống, Tề Ngọc pháp sư, họ Mạc, người ở Tề Xuyên. Ngài xuất gia thuở còn bé, tánh cường ký, mỗi ngày có thể ghi nhớ vài ngàn lời. Trước tiên, pháp sư tham học với ngài Thần Trí ở chùa Tường Phù. Kế đó nương theo ngài Từ Biện, lãnh thọ ý chỉ Nhứt tâm tam quán. Sau về chủ trì chùa Bảo Tạng ở Thiều Khê.

Pháp sư tu hành tinh tấn, lập ra Tịnh Nghiệp Xã, mỗi năm sang tiết đông chí, hàng tăng tục hội về niệm Phật nhiều như mây. Sau vì muốn chánh pháp được phổ cập, ngài lại ứng duyên mời thỉnh, đến Hoàng Sơn xây dựng già lam, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh cao một trượng sáu, khuyến khích hàng đạo tục tu hành. Mỗi đêm trước thời tịnh khóa, pháp sư khai thị vấn tắt cho đại chúng thêm tinh tấn. Trong ấy có những lời chí thiết như sau:

"Khi chúng ta chưa biết niệm Phật tu hành, đã làm tạo vô lượng nghiệp ác. Phạm một lỗi nhỏ, như tội Đột kiết la (Ác tác, ác thuyết) còn thọ khổ nơi địa ngục 900.000 năm, huống chi là các tội nặng trong Ngũ thiên, Thất tụ ư? Duy chí tâm niệm Phật, thì trong mỗi niệm mới có thể diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử. Thế thì biết niệm Phật có công năng thoát ly địa ngục tam đồ, thành tựu các sự trang nghiêm ở cõi Nhơn Thiên và Tịnh Độ. Lại nghĩ: Cha mẹ sanh dưỡng ta công lao rất khó nhọc, nay cho ta xuất gia, chỉ mong chờ ta độ thoát. Nay ta không cố gắng tu hành, đem công đức hồi hướng để báo ân nặng, mà trở

lại phá giới biếng trễ, thì sao còn được gọi là đạo làm con và đạo làm người!".

Đại chúng nghe lời dạy thiết tha ấy đều cảm động, chí thành sám hối. Có kẻ gieo mình đánh lễ sám niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, pháp sư lại được mời về chủ trì Thượng Trúc thiền viện. Ngài thường tỏ ra tinh tấn, mỗi nửa đêm đầu đội Thánh tượng, miệng cao tiếng niệm Phật. Có một vị tăng phạm thanh quy, pháp sư quở rằng: "Đã răn dạy nhiều lần, mà ông thật là ngờ nghệch không biết chi cả chẳng khác gì loài súc sanh!". Kẻ đó liền phản tỉnh tự hối rằng: "Kẻ kia tuy lỗi lầm, nhưng dù sao cũng là một vị tăng, ta nói như thế thành ra điểm nhục ngôi Tam Bảo!". Từ đó, ngài đối trước Tam Bảo sám hối về tội ấy đến 3 năm.

Mùa thu niên hiệu Kiến Diêm năm đầu, pháp sư gọi Thủ tọa Tu Huệ bảo: "Trước giường tôi hiện ra tháp Đa Bảo rất trang nghiêm, nhưng chẳng phải là sở nguyện bình sanh. Tôi chỉ mong được Phật A Di Đà tiếp dẫn. Xin vì tôi họp đại chúng lại niệm Phật!". Vị Thủ tọa đánh chuông, chư tăng hội đến hơn trăm người đồng thanh tụng niệm. Giây lát, pháp sư bỗng ngược lên hư không cung kính nói: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!". Rồi ngài đoan chính chấp tay mà hóa.

Lời bình:

- Người xưa nghe lời lành thì chấp tay cung kính, hoặc cúi mình đánh lễ. Khi được ân cần dạy bảo, lại gieo mình

lễ niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Người học đạo đời nay, phần nhiều đầy ngã mạn tự cao, lúc phạm lỗi không biết ăn năn sám hối. Khi được răn nhắc cảnh tỉnh, lại thản nhiên lơ là, đôi khi còn tỏ vẻ bất mãn giận hờn, thốt lời chống đối. Cũng đồng hàng đệ tử Phật, hơn tâm xưa và nay sao mà khác xa nhau như vậy!

UÂN TÈ

Thích Uân Tề, tự Thanh Biện, họ Châu, người ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, trong khoa kinh thí, sư đắc độ, và sau đó được truyền môn Thiên Thai giáo quán nơi ngài Hội Hiền ở chùa Pháp Minh.

Sư từng bị chứng lao dịch, trăm thứ thuốc trị không lành. Bệnh khổ quá lắm, cuối cùng xả bỏ tất cả, hôm sớm chỉ chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Một đêm, sư mộng thấy có người nữ đến mổ hông, đổi trái tim, rồi dung tay xoa khắp nơi chỗ bị thương. Tỉnh dậy có cảm giác an ổn, vài hôm sau bệnh lành hẳn. Từ đó sức thông tuệ bộc phát, những kinh sách xem về trước thấy đều ghi

nhớ và thông hiểu, hạ bút thành văn, lời nói thanh nhã và có điển cứ.

Sau sư lần lượt chủ trì các ngôi già lam ở Tô Châu, Hàng Châu. Lúc tuổi già lại về ẩn tu nơi chùa Thượng Phương ở Thường Thục. Niên hiệu Kiến Diêm thứ tư, vào tháng giêng sư họp chúng tụng kinh A Di Đà, sang đến đoạn niệm Phật, ngồi yên chấp tay mà hóa. Sau khi trà tỳ, chúng kiểm đếm được xá lợi, đem xây tháp thờ tại chùa.

Đồng thời, có sư Đạo Ngôn cùng chuyên tu tịnh nghiệp. Trước khi lâm chung vài ngày, sư thấy hai vị thần hiện thân bảo: "Đã sắp đến lúc mạng chung, sao ông còn lơ là không buộc tâm nơi câu niệm Phật?". Nghe nói, sư tập họp các liên hữu tăng và tục niệm Phật luôn đêm ngày. Đến đêm thứ ba, vì đại chúng sám hối, rồi lên tòa thuyết pháp. Tới sáng, ngồi ngay nơi tòa niệm Phật mà vãng sanh.

TU TỀ ĐẠI SƯ

Tu Tề đại sư, họ Dụ, quê ở Tiền Đường. Trên bước hành đạo, ngài thọ học kinh Pháp Hoa với đức Tạng Anh pháp sư. Kế đó tinh tấn tu tịnh nghiệp, mỗi ngày khóa tụng Quán kinh, rồi ngồi yên lặng lòng quán tưởng, kế tiếp niệm hồng danh Phật A Di Đà.

Niên hiệu Đại Quán năm đầu đời Tống, đại sư lập ngôi tịnh xá ở cửa Bắc ải Phủ Trị. Mượn nhân duyên đó, ngài

tiếp đãi tăng chúng các nơi, tạo phước nghiệp, trai tăng đến ba trăm vạn người. Về sau nơi ấy được mở rộng, đổi thành cảnh chùa thập phương. Đầu niên hiệu Tuyên Hòa, gặp cơn binh lửa tràn lan, đại sư tự đến chỗ giặc, nguyện đem thân mình thế mạng sống cho dân chúng trong thành. Tướng giặc kinh sợ và cảm động, dời binh đi nơi khác.

Đại sư có hoa tay vẽ rất khéo, nên được nhiều người nhờ họa tượng Phật. Mỗi lần sắp vẽ, trước tiên ngài vào ngòai yên trong thất niệm Phật, rồi quán tưởng Thánh tướng rất lâu, sau mới hạ bút. Một hôm sau khi họa xong tượng A Di Đà cao một trượng sáu, ánh sáng từ nơi tượng Phật chiếu ra rực rỡ. Đại chúng trong chùa nghe biết đều đến chiêm lễ. Lễ xong, trong giây phút quang minh mới tắt. Do đó người đương thời xưng ngài biệt hiệu là Dụ Di Đà.

Có vị tăng hỏi: "Đã là bậc danh đức, tại sao đại sư lại không tham thiền?" Ngài đáp bằng một bài kệ:

Bình sanh niệm Phật, quán mi hào,
Chẳng học tham thiền, đã có sao?
Chỉ được năm hồ trăng gió mát,
Thái bình khởi dụng đến gươm đao!

Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ bảy, đại sư ngòai nghiêm chỉnh, yên lặng quán tưởng Phật luôn suốt 7 ngày. Đến bữa cuối, bỗng đứng lên đốt hương cúng dường Phật, rồi trở lại tòa ngòai kiết già mà hóa. Trải qua 7 ngày, nơi đánh còn nóng, hương lạ không tan.

TỬ NGUƠN ĐẠI SƯ

Tử Nguơn đại sư, con nhà họ Mâu, quê ở Bình Giang, huyện Côn Sơn. Mẹ là Sài Thị nằm mơ thấy một đức Phật vào nhà hôm sau sanh ra ngài, nhân đặt tên là Phật Lai. Lớn lên, ngài đến chùa Diên Tường xuất gia, tu tập về môn Chỉ Quán. Một hôm, trong định nghe tiếng quạ kêu, ngài bỗng nhiên đại ngộ.

Từ đó, đại sư quy tâm về miền An Dưỡng, tự hiệu là Vạn Sự Hưu, trong cảnh thuận nghịch, ghét thương, chưa từng động niệm. Mến phong thái Bạch Liên Xã của Viễn Công ở Lô Sơn, ngài khắp khuyên người quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ giới, niệm Phật năm câu để chứng minh năm giới và kết tịnh duyên. Đó là ý của đại sư muốn cho mọi người tịnh Ngũ căn, đắc Ngũ lực, thoát khỏi cảnh đời Ngũ trược về nơi Tịnh Độ vậy. Ngài rút tuyền những yếu ngôn trong Đại Tạng, biên soạn thành quyển Thần Triêu Sám Nghi, thay thế chúng sanh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sanh Cực Lạc. Sau đại sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Bạch Liên Sám Đường, suất lãnh hàng tăng tục đồng tu tịnh nghiệp. Trong khi ấy, lại soạn thuật quyển Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyền Phật Đồ, để khai thị phần nhân mục của Liên tông. Ngài có làm bài kệ khuyên người phát tịnh nguyện như sau:

Muôn pháp từ tâm sanh,

Muôn pháp từ tâm diệt.
Đức Phật đại sa môn,
Xưa đã từng tuyên thuyết.
Trì giới không Tín, Nguyễn,
Chẳng được sanh Tịnh Độ.
Duy được phước Nhơn, Thiên,
Phước hết luân hồi khổ.
Xem kinh không mắt huê,
Chẳng rõ Phật thâm ý.
Đời sau được thông minh,
Tâm loạn khó thoát ly.
Sao bằng niệm Phật tốt,
Khỏi danh lợi bôn ba.
Đi ngồi hằng tịnh niệm,
Chính là A Di Đà.
Nếu giữ giới tu phước,
Hồi hương lại càng tốt.
Như thế sanh Tây Phương,
Ngàn người chẳng sót một.
Thuyết giáo có Thích Ca,
Nhiếp thọ, đức A Di.
Chư Phật đều hộ niệm,
Chư Thiên khéo hộ trì.
Niệm Phật được gần Phật,
Công đức chẳng chi hơn.
Sẽ ngồi nơi đạo tràng,

Chuyến bánh xe pháp lớn!
Ví như gái nhà nghèo,
Thai nghén vua Chuyển luân.
Chư Thiên thường mến hộ,
Gái nghèo chẳng biết mừng.
Trong bụng có con quý,
Ngự tri khắp quần lê.
Nay người niệm Phật đây,
Ý cũng đồng như thế!
Nhớ Phật, thường niệm Phật,
Không lâu sẽ thành Phật.
Phật hộ niệm giữ gìn,
Phải nên tự biết mình.
Đừng mơ ước đời sau,
Được sang giàu tốt số.
Bởi niệm Phật phước to,
Sẽ sanh về Tịnh Độ!
Ví như nhà kẻ nghèo,
Dưới đất có kho báu.
Tặng thần hằng giữ gìn,
Chẳng cho mất trân bảo.
Người nghèo không tự biết,
Nhà mình có báu châu.
Đi khắp nơi làm mướn,
Lo cơm áo khổ cầu!
Niệm Phật cũng như thế

Đầy đủ tạn Như Lai.
Mà mong cầu việc nhỏ
Đó là ý niệm sai.
Lại như nhà người bệnh
Có trữ sẵn thuốc tiên.
Bệnh nơn không biết thuốc
Làm sao được lành yên?
Ngày đêm nằm trở trăn
Đau nhức hằng khóc kể
Niệm Phật nguyện sai lầm,
Ý cũng đồng như thế!
Phải biết tâm niệm Phật,
Hay diệt tham sân si.
Hay làm kho báu lớn,
Hay làm đại lương y.
Hay thành Pháp Vương tử,
Hay thành đấng Như Lai.
Che chở và tế độ,
Cứu khổ khắp muôn loài.
Đừng nghĩ mình phạm phu,
Không được sanh Tịnh Độ.
Chỉ giữ giới trì trai,
Sau làm người đắc ngộ.
Lần lượt gắng tiến tu,
Mới được sanh về Tây.
Thấy nhiều kẻ tu hành,

Thường nói như thế ấy.
Chẳng hợp thệ nguyện Phật,
Không hợp ý trong kinh.
Tà kiến che mê tâm,
Luân hồi tự khổ mình!
Đời này không vãng sanh,
Một làm, trăm ngàn làm.
Nên người niệm Phật phải,
Tin Di Đà nguyện tâm!
Lời Phật hằng chân thật,
Không một điểm dối hư.
Phải tinh tấn phát nguyện,
Đừng tưởng nghĩ tà tư.
Niệm Phật, cầu vãng sanh,
Như gió giúp sức lửa.
Chẳng khó nhọc nên công,
Chư Phật đều ấn hứa.
Gặp báu lại chịu nghèo,
Gặp cơm cam đói khổ.
Quê thay kẻ mê làm!
Làm sao được tế độ?
Nay viết kệ phụng khuyến
Xin lần lượt truyền thay.
Vì mọi người lưu thông,
Làm sứ giả Như Lai.
Đó mới là con Phật,

Mới thật báo Phật ân.

Đồng tu tín nguyện hạnh

Về Cực Lạc trường xuân !

Năm Càn Đạo thứ hai, đại sư phụng chiếu tới điện Đức Thọ giảng thuyết về pháp môn Tịnh Độ, được vua tứ hiệu là Từ Chiếu Tông Chủ. Đến ngày 23 tháng ba, ngài bảo các môn đồ rằng: "Hóa duyên đã mãn, ta sắp về Tây!". Rồi chấp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ mà thị tịch. Tới ngày 27, sau khi làm lễ trà tỳ, được xá lợi vô số. Đại sư có tập Di Đà Tiết Yếu lưu hành nơi đời.

Lời bình:

Tử Ngươn đại sư là bậc Cổ Phật nương bi nguyện tái lai để độ sanh, thị hiện xuất gia tham thiền được đại triệt đại ngộ. Nhưng một đời ngài chỉ thuyết hóa bình thường giản dị, khuyên người giữ giới niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Như thế đủ chứng tỏ lời cổ đức dạy: "Pháp môn Tịnh Độ cao siêu mâu nhiệm, duy Phật với Phật mới rõ biết cùng tận. Pháp môn này khế hợp với bản hoài độ khắp chúng sanh của chư Phật".

ĐẠO NHÂN PHÁP SƯ

Đạo Nhân pháp sư, tự Thảo Am, họ Tiết, người ở Minh Châu. Năm 17 tuổi, ngài đã thọ giới cụ túc, rồi theo học với Minh Trí Lập đại sư. Học nghiệp thành rồi, khi thì

ngài vào thiền thất tĩnh tu, lúc lại ra diễn giảng, như thế lần lượt du hóa trải qua khắp các nơi.

Pháp sư xem quyển Thập Bát Nhị Môn Chỉ Yếu Sao của Pháp Trí tôn giả, tỏ ngộ đến chỗ sâu sắc, nên xa hướng về chùa Tứ Minh, đánh lễ tôn giả kính làm bậc thầy. Sau đó, ngài lần lượt trải qua làm tòa chủ các chùa: Vĩnh Minh, Bảo Vân, Quảng Thọ, Trị Bình, đến lúc lớn tuổi lại về trụ trì chùa Diên Khánh. Mỗi nơi, ngài đều hoằng dương chánh pháp, hàng tăng tục quy hướng về rất đông.

Ngày 17 tháng 4, năm Càn Đạo thứ ba đời Tống, trước khi viên tịch, pháp sư họp đồ chúng lại từ biệt, rồi bảo: "Cảnh giới Hoa Nghiêm rộng suốt sáng lạng, rất thích hợp với lòng ta. Nay bản tăng sắp về cõi Cực Lạc trong Liên Hoa Tạng thế giới!". Liên dạy chúng đồng thanh tụng bài tán A Di Đà của mình đã làm như sau:

Quốc độ không ngần khắp hải không,
Hải không toàn là Liên Hoa cung.
Hoa cung đầy khắp trong không hải,
Không hải riêng hiệu Di Đà dung!
A Di Đà Phật chẳng sanh diệt,
Khó vớt khôn tìm vàng thủy nguyệt!
Tuyệt phi lìa cú, thân chân như,
Như thế cảm thông, như thế thuyết!
Ta cùng Di Đà vẫn không hai,
Vọng giác vừa sanh bỗng thành sai.

Từ nay quét sạch trần không, hữu,
Thiên tánh cha con gặp mặt mày!
Ba phước thề tu, sáu niệm cần,
Giữ gìn tam nghiệp sạch trong ngần.
Một câu Thánh hiệu không rời chán,
Nguyện thấy Di Đà chứng pháp thân!

Đọc bài tán xong, dẫn chúng niệm Phật độ vài trăm câu, rồi tiếp tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Khi tụng đến chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, pháp sư liền nhiếp niệm mà tọa hóa. Trải qua ba ngày, đánh và chân đều còn nóng.

HỮU BẰNG ĐẠI SƯ

Hữu Bằng đại sư, tự Mục Am, người ở Kim Hoa, học nhiều nhớ giỏi. Ngài theo y chỉ với pháp sư Xa Khê Khanh, sớm hôm tham phỏng, không bao lâu đã lãnh thọ được hết chân truyền.

Kể đó, đại sư đến Tiên Đàm giảng về môn Chỉ Quán. Vừa lúc ấy Thiên Y Trì pháp sư khát thực tới nơi, vào chùa nghe, kinh dị nói: "Chỗ tổ ngộ thật rộng rãi sâu sắc, hôm nay ta mới được nghe thấy lần đầu!". Rồi cung kính đánh lễ mà đi.

Cô vợ người họ Tiết gần đó mất sớm, thường hiện hình trong nhà. Gia quyến làm trai hội thỉnh 1000 vị tăng đến cúng dường, và xin tụng kinh Kim Cang Bát Nhã để siêu độ. Trai cúng xong, lại cầu đại sư giảng đại lược về ý kinh. Tối hôm ấy, vong nơn dựa vào người nhà nói: "Xin cúi lạy cảm tạ ân song thân và quyến thuộc. Con nhờ công đức một quyển kinh, nay đã được siêu thoát!". Cha chồng hỏi: "Cả ngàn vị tăng đồng tụng, sao con lại nói chỉ có một quyển kinh? Và ai đã tụng quyển ấy?". Vong linh cô dâu thưa: "Đó là quyển kinh của Hữu Bằng đại sư!".

Sau đó, đại sư về trụ trì chùa Năng Nhân, lúc tuổi già lại làm tọa chủ chùa Diên Khánh. Đi đến đâu, sự thuyết hóa cũng hưng thịnh. Ngày mùng 3 tháng chạp năm Càn Đạo thứ tư đời Tống, đại sư trải tọa cụ ngồi ở hiên Thanh Ngọc, bảo đồ chúng tụng Quán kinh. Đến chương Chân Pháp Thân Quán, dạy chúng niệm Phật, rồi lưu kệ mà vãng sanh.

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU

PHẦN MỘT - THÁNH NHÂN KHUYẾN HÓA

Mã Minh Đại Sĩ 5

Long Thọ Đại Sĩ 7

Thiên Thân Luận Sư.....	12
Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát.....	17
PHẦN HAI- LIÊN TÔNG CHƯ TỔ	
Huệ Viễn đại sư (Liên Tông Sơ Tổ).....	24
Thiền Đạo đại sư (Liên Tông Nhị Tổ)	37
Thừa Viễn đại sư (Liên Tông Tam Tổ)	42
Pháp Chiếu đại sư (Liên Tông Tứ Tổ).	45
Thiếu Khang đại sư (Liên Tông Ngũ Tổ).....	51
Diên Thọ đại sư (Liên Tông Lục Tổ)	53
Tĩnh Thường đại sư (Liên Tông Thất Tổ)	62
Châu Hoằng đại sư (Liên Tông Bát Tổ)	63
Phụ vấn đáp (Lược trích).....	66
Trí Húc đại sư (Liên Tông Cửu Tổ)	76
Hành Sách đại sư (Liên Tông Thập Tổ)	80
Thật Hiền đại sư (Liên Tông Thập Nhất Tổ)	85
Bài Văn khuyên phát lòng Bồ Đề	87
Tế Tĩnh đại sư (Liên Tông Thập Nhị Tổ)	97
Ấn Quang đại sư (Liên Tông Thập Tam Tổ)	102

PHẦN BA - TỨ CHÚNG VÃNG SANH

- Huệ Vĩnh đại sư.....	114
- Huệ Kiên pháp sư.....	116
- Tăng Tế pháp sư.....	117
- Huệ Cung.....	118
- Lưu Trình Chi.....	120
- Trương Kháng.....	122
- Khuyết Công Tắc.....	123
- Tăng Duệ pháp sư.....	125
- Huệ Sùng đại sư.....	127
- Đàm Giám pháp sư.....	128
- Đạo Trân pháp sư.....	129
- Đàm Loan pháp sư.....	130
- Đạo Dũ.....	133
- Trí Khải đại sư.....	134
- Trí Thông pháp sư.....	141
- Pháp Trí.....	142
- Pháp Hỷ và Thọ Hồng.....	145
- Hai Sa Di.....	146
- Đạo Kiệt pháp sư.....	147
- Quán Đảnh đại sư.....	148

- Đạo Ngang pháp sư	149
- Đạo Xước thiên sư.....	151
- Tăng Huyền pháp sư.....	153
- Duy Ngạn pháp sư	155
- Hoài Ngọc pháp sư	157
- Huệ Nhựt đại sư.	158
- Tề Hàng pháp sư.....	162
- Tự Giác	163
- Tri Tuyên pháp sư	164
- Hùng Tuấn	168
- Duy Cung	169
- Chí Thông.....	170
- Ngô Ân	171
- Tri Lễ đại sư	173
- Huệ Tài pháp sư	176
- Tông Trách thiên sư	178
- Khả Cửu	185
- Tông Bản đại sư	186
- Hữu Nghiêm pháp sư	189
- Tông Đản pháp sư	192

- Nguyên Chiêu luật sư.	194
- Nhược Ngu pháp sư	197
- Tề Ngọc pháp sư	198
- Uẩn Tề	201
- Tư Tề đại sư.	202
- Tử Ngươn đại sư.	203
- Đạo Nhân pháp sư	209
- Hữu Bằng đại sư.....	211